

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024

NGHIÊN CỨU CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI
GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý
THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

MÃ SỐ : 13.01.24.I.03

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Chủ nhiệm đề tài: TS. Vũ Thị Thùy Dung

Hà Nội - 2024

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024**

**NGHIÊN CỨU CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI
GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý
THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

MÃ SỐ : 13.01.24.I.03

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Vũ Thị Thùy Dung

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Thị Trinh

Hà Nội - 2024

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Mã số: 13.01.24.I.03

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Vũ Thị Thùy Dung

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Thời gian thực hiện: năm 2024

2. Mục tiêu:

Đề tài nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội gây ô nhiễm môi trường; đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hình sự về Tội gây ô nhiễm môi trường và thực tiễn thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội; đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về Tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài có tính lý luận và thực tiễn cao. Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu về tội gây ô nhiễm môi trường dưới dạng một đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, đề tài dựa trên kết quả khảo sát của sinh viên tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội về ý thức bảo vệ môi trường từ đó làm cơ sở đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Kết quả nghiên cứu:

- Đề tài nghiên cứu cung cấp một cách toàn diện, đầy đủ những vấn đề lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường.

- Đề tài nghiên cứu là nguồn tư liệu tổng hợp về thực trạng pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay và ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cung cấp thêm các luận cứ khoa học trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường ở nước ta trong thời gian tới.

- Những đề xuất, giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường trong đề tài nghiên cứu là tư liệu tham khảo để các nhà hoạch định chính sách pháp luật tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự về loại tội này.

5. Sản phẩm:

- 01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài

- 01 báo cáo tóm tắt

- 01 bài báo đăng trên tạp chí: Tạp chí Giáo dục và Xã hội, chỉ số ISSN 1859 – 3917, số tháng 09/2024. Tên bài báo: Giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

*** Phương thức chuyển giao**

- Kết quả của đề tài sẽ được chuyển giao toàn bộ cho bộ môn Pháp luật thuộc khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để phục vụ cho việc đào tạo.

- Sản phẩm của đề tài sẽ được chuyển toàn bộ cho Trung tâm Thư viện và Công nghệ thông tin để lưu trữ và làm tài liệu tham khảo cho cán bộ giảng viên và người học.

*** Địa chỉ ứng dụng:** Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

*** Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

- Đề tài hệ thống hóa và bổ sung các cơ sở lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường.

- Đề tài là tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập môn học Luật Hình sự 1; Luật Hình sự 2; Luật Tố tụng hình sự; Tội phạm học; Khoa học điều tra hình sự cho giảng viên và sinh viên ngành luật trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Đề tài là tài liệu tham khảo cho các cơ quan, tổ chức, các nhà làm luật trong quá trình đánh giá và hoạch định chính sách pháp luật hình sự; nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện những quy định về tội gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay.

- Thực hiện đề tài nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của tác giả; đóng góp vào công trình nghiên cứu khoa học của tác giả.

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: Research on the legal regulations regarding environmental pollution crimes and solutions to enhance environmental protection awareness among university students in Hanoi.

Code number: 13.01.24.I.03

Coordinator: Doctor Vu Thi Thuy Dung

Implementing institution: Hanoi University of Natural Resources and Environment

Duration: from January 2024 to November 2024

2. Objective(s): The research topic examines certain theoretical issues regarding the crime of environmental pollution; assesses the current state of criminal law regulations on the crime of environmental pollution and the practical enforcement in Hanoi; and proposes some solutions to improve criminal law regarding the crime of environmental pollution as well as measures to enhance environmental awareness among university students in Hanoi.

3. Creativeness and innovativeness: The research topic has high theoretical and practical significance. This is the first work that conducts an in-depth study on the crime of environmental pollution as a scientific research topic. In addition, the project is based on survey results from students at several universities in Hanoi regarding their awareness of environmental protection, thereby providing a foundation to propose several feasible solutions aimed at enhancing the environmental protection awareness of university students in Hanoi

4. Research results:

- The research topic provides a comprehensive and thorough overview of the theoretical issues related to the crime of environmental pollution.

- The research topic serves as a comprehensive source of information on the current state of criminal law regarding the crime of environmental pollution in Vietnam and the awareness of environmental protection among university students in Hanoi. It also offers additional scientific arguments for improving the legal provisions of criminal law concerning environmental pollution in our country in the near future.

- The proposals and solutions for enhancing criminal law regarding the crime of environmental pollution in this research topic serve as reference materials for policymakers to continue refining the criminal law on this type of crime

5. Products:

- 01 comprehensive report on the research results of the topic
- 01 summary report
- 01 article published in the journal: Journal of Education and Society, ISSN 1859 – 3917, issue for September 2024. Title of the article: Solutions to Enhance Environmental Awareness Among University Students in Hanoi City.

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

**** Transfer alternatives***

- The results of the project will be fully transferred to the Department of Law under the Faculty of Political Theory at Hanoi University of Natural Resources and Environment for training purposes;

- The products of the project will be entirely handed over to the Library and Information Technology Center for storage and as reference materials for faculty members and learners.

**** Application institutions:*** Hanoi University of Natural Resources and Environment

**** Impacts and benefits of research results***

- The topic aims to systematize and supplement the theoretical foundations regarding the crime of environmental pollution.

- The topic serves as a reference material for teaching, scientific research, and studying the subjects of Criminal Law 1; Criminal Law 2; Criminal Procedure Law; Criminology; and Criminal Investigation Science for lecturers and students in the Law Department at Hanoi University of Natural Resources and Environment.

- The topic is a reference for agencies, organizations, and lawmakers in the process of evaluating and formulating criminal law policies; it also contributes to the ongoing improvement of regulations concerning the crime of environmental pollution in Vietnam today.

- Implementing this topic aims to enhance the author's research capacity and contribute to the author's scientific research work.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	ii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	4
3. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.....	5
4. Kết cấu của đề tài.....	5
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	7
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước	7
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước	9
1.3. Đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước mà đề tài kế thừa và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	14
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	17
CHƯƠNG 2 PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	19
2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	19
2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....	20
2.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	20
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG.....	22
3.1. Khái niệm về tội gây ô nhiễm môi trường.....	22
3.2. Dấu hiệu pháp lý của tội gây ô nhiễm môi trường	26
3.2.1. Khách thể của Tội gây ô nhiễm môi trường	26
3.2.2. Mặt Khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường	27
3.2.3. Mặt Chủ quan của tội gây ô nhiễm môi trường	30
3.2.4. Chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường.....	32
3.3. Hình phạt áp dụng đối với tội gây ô nhiễm môi trường	35
3.3.1. Hình phạt đối với cá nhân phạm tội.....	35
3.3.2. Hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội	39
3.4. Sự cần thiết quy định pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường.....	41

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	45
CHƯƠNG 4 THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	47
4.1. Thực trạng pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường	47
4.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.	53
4.2.1. <i>Khái quát chung về thành phố Hà Nội và tình hình ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội</i>	53
4.2.2. <i>Đánh giá tình hình áp dụng quy định Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội</i>	58
4.3. Thực trạng ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên trong các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	71
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	79
CHƯƠNG 5 HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	81
5.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường.....	81
5.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường	86
5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường	93
5.3. Giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên trong các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.	101
KẾT LUẬN CHƯƠNG 5	106
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	108
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113
PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT	120

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTTP	Cấu thành tội phạm
ONMT	Ô nhiễm môi trường
PLHS	Pháp luật hình sự
TAND	Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TP	Thành phố
TPVMT	Tội phạm về môi trường
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

STT	Bảng	Nội dung	Trang
1	4.1	Số liệu về tình hình xử phạt vi phạm hành chính hành vi gây ô nhiễm môi trường từ năm 2019 đến 2023	61
2	4.2	Số liệu về tình hình khởi tố và xét xử tội gây ô nhiễm môi trường từ năm 2018 đến 2023 tại thành phố Hà Nội	62

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo vệ môi trường (BVMT) sống là vấn đề đang được cả thế giới quan tâm. Vấn đề bảo vệ môi trường được nhận thức từ rất lâu trên thế giới, tuy nhiên chỉ được tập trung nghiên cứu và giải quyết trong nửa sau thế kỉ XX. Các văn bản luật quốc tế về môi trường được chính thức hình thành từ thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, giữa các quốc gia Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Phi. Cho đến nay, đã có hàng ngàn văn bản luật quốc tế về môi trường, trong đó có khoảng 300 Công ước quốc tế về BVMT. Trong những thập niên gần đây, con người đã ngày càng ý thức được vai trò và tầm quan trọng của môi trường đối với cuộc sống cũng như nhận thức được rằng vấn đề BVMT là vấn đề cấp thiết được quốc gia và cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta nhận thức sâu sắc tầm quan trọng đặc biệt của việc BVMT và điều này đã được ghi nhận trong văn bản pháp luật như Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hay Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020... Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản luật có liên quan đã bước đầu tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động BVMT, đạt được một số thành tựu cơ bản như mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế; công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt, nhận thức và ý thức về BVMT trong các cấp, ngành và đời sống nhân dân được nâng cao... Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì vấn đề ô nhiễm môi trường vẫn diễn ra phổ biến và ngày càng nghiêm trọng. Những năm qua, các tội phạm môi trường (TPMT) nói chung và Tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng vẫn không

ngừng gia tăng về cả quy mô và tính chất; các hành vi xâm phạm môi trường ngày càng tăng về số lượng, đa dạng, phức tạp về tính chất, mức độ nguy hiểm. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình các TPMT như do công tác quản lý của các cơ quan chức năng, cơ chế quản lý, chính sách BVMT của Nhà nước còn sơ hở, thiếu sót. Công tác đấu tranh, xử lý các TPMT còn nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền còn hạn chế, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp trong phòng ngừa, đấu tranh, xử lý...

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình TPMT nói chung và Tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng đang tiếp tục có nhiều biến động phức tạp do những thay đổi về điều kiện khách quan của kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước ta đã và đang đặt ra yêu cầu tiếp tục công cuộc cải cách tư pháp, cải cách hành chính nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã hội chủ nghĩa (XHCH) thể hiện trong Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự, bảo vệ trật tự, kỷ cương; bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân. Chính vì vậy, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật, giải thích, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là những công việc hết sức cần thiết. Trên cơ sở những định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng, tác giả cho rằng còn những khoảng trống, bất cập về lý luận cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.

Thành phố Hà Nội là một trong những thành phố lớn của cả nước, những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế, tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra một cách nghiêm trọng. Hiện tượng hiệu ứng nhà kính diễn ra thường xuyên trong những năm trở lại đây; nồng độ bụi luôn cao hơn gấp hai, ba lần

so với tiêu chuẩn cho phép, hiện tượng “*swong mù*” bao phủ nhiều ngày, song thực chất là khói bụi từ các phương tiện giao thông, từ các nhà máy trong và xung quanh thành phố; từ tình trạng xả thải vô ý thức của người dân và các công ty, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, còn các vấn đề khác như ô nhiễm nguồn nước, tiếng ồn, bùn thải điều này làm gia tăng các loại bệnh liên quan đến môi trường, nhiều căn bệnh có diễn biến cực kỳ nguy hiểm tăng nhanh,..Điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân, làm giảm chất lượng cuộc sống của người dân và thiệt hại lớn đến nền kinh tế của thành phố. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường ở TP. Hà Nội là sự thiếu ý thức, thiếu trách nhiệm đối với vấn đề bảo vệ môi trường của người dân, trong đó có sinh viên của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố. Vì vậy, để bảo vệ môi trường, bên cạnh sự định hướng đúng đắn và thống nhất của Đảng và Nhà nước, sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội, chúng ta cần không ngừng giáo dục để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân thành phố nói chung, sinh viên của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố nói riêng.

Vì những lý do trên, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự (PLHS) về Tội gây ô nhiễm môi trường; đánh giá thực trạng các quy định của PLHS về Tội gây ô nhiễm môi trường và thực tiễn thi hành nhằm đề ra những định hướng, giải pháp hoàn thiện kịp thời tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội là vấn đề mang tính cấp thiết, tính thời sự. Xuất phát từ những phân tích trên, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội*” làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

*** Mục tiêu nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội gây ô nhiễm môi trường; đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hình sự về Tội gây ô nhiễm môi trường và thực tiễn thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội; đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về Tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài liên quan đến tội gây ô nhiễm môi trường và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên. Đánh giá khái quát phạm vi và mức độ nghiên cứu của những công trình này nhằm xác định những nội dung được kế thừa và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong đề tài.

- Phân tích một số vấn đề lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường như khái niệm, đặc điểm, dấu hiệu pháp lý, hình phạt áp dụng đối với tội gây ô nhiễm môi trường quy định trong Bộ luật hình sự (BLHS)

- Phân tích, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hình sự (PLHS) về tội gây ô nhiễm môi trường; đánh giá quá trình áp dụng loại tội này trên thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.

- Thông qua kết quả khảo sát bằng bảng hỏi, đánh giá thực trạng ý thức BVMT của sinh viên tại một số trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội như Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Đại học Thương mại; Đại học Luật Hà Nội; Đại học Đại Nam.

- Xác định định hướng hoàn thiện tội gây ô nhiễm môi trường trong thời gian tới; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện PLHS về

tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức BVMT của sinh viên trong một số trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội trong thời gian tới.

3. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

**** Ý nghĩa khoa học***

Đề tài cung cấp cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn cho hoạt động nghiên cứu về tội gây ô nhiễm môi trường. Thông qua những kết quả nghiên cứu trong đề tài sẽ góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện PLHS đối với tội gây ô nhiễm môi trường; đặc biệt là nâng cao hiệu quả áp dụng PLHS đối với tội gây ô nhiễm môi trường hướng đến việc hạn chế và kiểm soát loại tội phạm này nhằm BVMT Việt Nam hiện nay. Những kết quả nghiên cứu của đề tài cũng góp phần xây dựng, giáo dục ý thức BMVT cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

**** Ý nghĩa thực tiễn***

Đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ nghiên cứu về xây dựng pháp luật, các cán bộ hoạt động thực tiễn, tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật. Ngoài ra, đề tài còn tài liệu bổ ích cho việc nghiên cứu giảng dạy môn học Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Tội phạm học, Khoa học Điều tra hình sự trong các học viện, các trường đại học đào tạo về Luật.

4. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài gồm 05 chương:

Chương 1: Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Một số vấn đề lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường

Chương 4: Thực trạng các quy định của pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường và thực tiễn thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chương 5: Hoàn thiện pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên trong các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

Sách chuyên khảo “*Environmental crime and justice*” (Tạm dịch: *Tội phạm môi trường và sự công bằng*) của tác giả Michael J Lynch và Paul B. Stretesky, Nxb. Oxford, 2001. Tác giả đã nghiên cứu và đề cập đến các vấn đề về các TPMT và hoạt động xét xử. Tác giả chỉ rõ vai trò của cơ sở dữ liệu tội phạm, dân sự, hành chính trong phòng, chống TPMT cũng như tác dụng của nó đối với hoạt động truy tố, xét xử các TPMT. Bên cạnh đó, tác giả đưa ra dự báo tình hình các TPMT trong mối liên hệ với tội phạm có tổ chức trong tương lai. Tuy nhiên, trong cuốn sách này, tác giả chủ yếu quan tâm đến vấn đề TPMT có liên quan đến hoạt động xét xử của Tòa án và xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền.

Sách chuyên khảo “*Environmental crime*” (Tạm dịch: *Tội phạm môi trường*) của nhóm tác giả Mary Clifford và Terry S. Edward đồng chủ biên, Nxb. Jones & Barlett Learning, Anh, 2012. Công trình nghiên cứu của các chuyên gia về các TPMT ở nhiều quốc gia, trong đó tập trung ở Hoa Kỳ đã cung cấp nhiều thông tin, tài liệu quốc tế về bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật của Hoa Kỳ về môi trường. Các tác giả đi sâu về cách nhận diện, xác định các TPMT và khám phá loại tội phạm này ở Hoa Kỳ. Đồng thời, các tác giả đã có những chỉ dẫn về sự khác biệt về pháp luật về cách thức xử lý tội phạm giữa một số quốc gia Châu Âu, Austraylia và Hoa Kỳ.

“*Handbook of Transnational Environmental Crime*” (Tạm dịch: *Sổ tay tội phạm môi trường xuyên quốc gia*) của biên tập viên Lorraine M. Elliott, William H. Schaedla, Nxb. Edward Elgar Publishing, Incorporated, Anh, 2016. Cuốn sách này đã chỉ ra hành vi tội phạm ngày càng gia tăng ở các quốc gia, chủ yếu là hành vi buôn bán động vật hoang dã, gỗ, nguồn cá và các chất gây ô nhiễm, chất thải và tội phạm trong thị trường carbon. Cuốn

sách cũng chỉ ra những hậu quả đối với môi trường, thiệt hại về người cũng như sự gia tăng của các nguồn tội phạm khác. Cuốn sách là tài liệu bổ ích, có giá trị đối với các cán bộ thực thi pháp luật khi đứng trước những thách thức của TPMT xuyên quốc gia.

Sách chuyên khảo “*Transnational Environmental Crime*” (Tạm dịch: *Tội phạm môi trường xuyên quốc gia*) của tác giả Rob White, Nxb. Taylor & Francis, Anh, năm 2018. Cuốn sách cung cấp một cách toàn diện và có hệ thống về các hành vi vi phạm môi trường xuyên quốc gia; đánh giá tác hại môi trường như ô nhiễm (không khí, nước và đất) và xâm hại tới các loài động vật hoang dã (bao gồm buôn bán bất hợp pháp ngà voi cũng như động vật sống); biến đổi khí hậu; mối đe dọa đối với đa dạng sinh học... Cuốn sách cũng đưa ra các quan điểm cho rằng việc phân tích những vấn đề về TPMT xuyên quốc gia như khái niệm; đặc điểm; các yếu tố tác động... là cơ sở cho việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện liên quan đến vấn đề BVMT.

Các nghiên cứu trên cho thấy, hầu hết đều đưa ra được khái niệm, đặc điểm của các TPMT nhằm phân biệt TPMT với các loại tội phạm khác. Các tác giả đều thống nhất cho rằng, các TPMT có những đặc điểm như: là hành vi trái pháp luật; xâm hại tới môi trường sống của con người, hệ sinh thái và những yếu tố khác liên quan; tác động đến lợi ích xã hội và các TPMT cần được quan tâm hơn nữa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Các công trình nghiên cứu thông qua việc nghiên cứu thực tiễn như các hành vi xâm hại đến môi trường tự nhiên và nhân tạo, như xả thải bất hợp pháp, buôn bán động vật hoang dã, ô nhiễm môi trường đến hoạt động đấu tranh phòng, chống các TPMT của cơ quan chức năng, hoạt động TPMT xuyên quốc gia hay dưới góc độ Luật so sánh. Điều này cho thấy tồn tại ở mỗi quốc gia, các TPMT cũng đang là vấn đề cấp thiết và được quan tâm. Từ thực trạng đó, các tác giả đã đánh giá nguyên nhân và đề xuất nhiều giải pháp khác nhau trong phòng

ngừa, đấu tranh, xử lý các TPMT, tập trung vào một số vấn đề như: sửa đổi, bổ sung quy định PLHS hiện hành; tăng cường áp dụng pháp luật; tăng cường hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tăng mức xử phạt để nâng cao tính răn đe với các TPMT, thay đổi nhận thức của xã hội cũng như cơ quan có thẩm quyền về tác hại của các TPMT và phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm này. Ngoài ra, các nghiên cứu đã chỉ ra sự phức tạp, tinh vi và có tổ chức của TPMT để cho thấy xu hướng hiện nay coi TPMT không chỉ là vấn đề của một quốc gia mà là vấn đề xuyên quốc gia. Vì vậy, vấn đề hợp tác quốc tế trong công tác BVMT và xử lý các TPMT là việc làm rất cần thiết. Tuy nhiên, có thể thấy qua các công trình nghiên cứu nêu trên chưa có công trình nghiên cứu nào đưa ra khái niệm toàn diện và bao quát được các cấu thành của các TPMT. Các công trình chủ yếu nghiên cứu thông qua thực tiễn, rất ít công trình nghiên cứu về lý luận. Mặc dù vậy, phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu của các tác giả trong các công trình nghiên cứu là kinh nghiệm mà tác giả có thể học hỏi trong quá trình triển khai nghiên cứu các vấn đề của đề tài.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

Sách chuyên khảo “*Tội phạm về môi trường – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của tác giả Phạm Văn Lợi (Chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2004. Công trình nghiên cứu khoa học này đi sâu phân tích những luận cứ khoa học và thực tiễn của việc quy định TNHS đối với các TPMT; lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật về BVMT ở Việt Nam từ giai đoạn trước khi có BLHS năm 1985 đến BLHS năm 1999, bên cạnh đó, nhóm tác giả đã khái quát các quy định của pháp luật về các TPMT ở một số nước như Trung Quốc, Cộng hòa Liên bang Đức, Singapore,...; đặc điểm, đặc trưng của các yếu tố cấu thành tội phạm (CTTP) của các TPMT trong BLHS năm 1999. Đồng thời, công trình đề cập khái quát đến tình hình các TPMT, các kết quả xử lý của cơ quan chức năng, từ đó có những đánh giá

khách quan về hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự trong điều tra, truy tố, xét xử các TPMT. Trên cơ sở đó, công trình nghiên cứu đưa ra các dự báo khoa học và kiến giải các biện pháp nhằm hoàn thiện PLHS và các luật chuyên ngành có liên quan, cũng như các biện pháp khác nhằm đấu tranh phòng, chống các TPMT đạt hiệu quả cao trong thời gian tới. Đây là công trình nghiên cứu có giá trị cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, kết quả nghiên cứu của công trình này là nguồn tham khảo hữu ích trong quá trình phân tích, đánh giá các nội dung của đề tài.

Luận án tiến sĩ “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường*” của Dương Thanh An, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2011. Luận án phân tích một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về TNHS đối với các TPMT như: khái niệm TNHS đối với các TPMT; cơ sở của TNHS đối với các TPMT; CSHS về các TPMT theo PLHS Việt Nam. Tác giả phân tích quá trình hình thành các quy định về TNHS đối với các TPMT từ khi có quy định trong BLHS năm 1985 đến bước đổi mới và hình thành chế định các TPMT trong BLHS năm 1999. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá thực trạng xây dựng và áp dụng TNHS đối với các TPMT qua các giai đoạn từ trước BLHS năm 1999, từ BLHS năm 1999 đến sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2009; những hạn chế và bất cập trong các quy định của BLHS nước ta về TNHS đối với các TPMT. Từ đó, tác giả chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế đó và kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLHS về TNHS đối với các TPMT. Luận án Tiến sĩ của tác giả Dương Thanh An là một công trình khoa học có giá trị, cung cấp những luận cứ khoa học để vận dụng giải quyết những nội dung của đề tài luận án. Tuy nhiên, tác giả luận án mới chỉ nghiên cứu dưới góc độ TNHS đối với các TPMT, chưa nghiên cứu rộng hơn cả về các quy định của pháp luật về các TPMT và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng.

Hội thảo khoa học “*Tội phạm môi trường - Kinh nghiệm quốc tế, thực trạng pháp luật và đề xuất hoàn thiện trong Bộ luật hình sự (sửa đổi)*” do Bộ

Tài nguyên và Môi trường, phối hợp với Ủy ban khoa học công nghệ và môi trường của Quốc hội; Chương trình phát triển Liên Hợp quốc tổ chức tháng 10 năm 2015 vừa qua tại Hà Nội. Hội thảo đã đi sâu phân tích cơ sở lý luận và thực trạng quy định của PLHS của Việt Nam và một số nước trên thế giới đối với các TPMT; các ý kiến đóng góp trong hội thảo cũng đã nêu rõ thực trạng và các nguyên nhân dẫn tới tình trạng phát sinh các TPMT. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự (sửa đổi) đối với các TPMT, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các TPMT ở Việt Nam trong thời gian tới.

Luận án tiến sĩ “*Các tội phạm về môi trường ở Việt Nam: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*” của Nguyễn Hữu Hòa, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2019. Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu toàn diện các TPMT ở Việt Nam dưới góc độ tội phạm học. Luận án cung cấp các luận cứ khoa học như khái niệm TPMT; đánh giá các dấu hiệu pháp lý của các TPMT qua bốn yếu tố: khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể; đánh giá các khung hình phạt áp dụng đối với các TPMT. Trên cơ sở đó, luận án phân tích và làm rõ tình hình các TPMT ở Việt Nam trong thời gian tới thông qua các số liệu cụ thể, xác định nguyên nhân của tình hình tội phạm (THTP) và từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về các TPMT, các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa nhóm tội phạm này, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về phòng ngừa tình hình các TPMT ở Việt Nam.

Luận án tiến sĩ “*Các tội phạm về môi trường trong Luật hình sự Việt Nam*” của Ngô Ngọc Diễm, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, năm 2021. Luận án nghiên cứu, phân tích và hệ thống hóa những vấn đề lý luận về các TPMT; làm rõ việc hình sự hóa các hành vi vi phạm pháp luật (VPPL) trong lĩnh vực môi trường là cần thiết nhằm BVMT sống của con

người cả hiện tại và tương lai; cùng với đó, để có cơ sở tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về các TPMT, luận án cũng đã tìm hiểu và làm rõ các tội phạm này tương ứng trong BLHS các nước. Trên cơ sở nghiên cứu toàn diện về hệ thống lý luận về các TPMT, tác giả phân tích làm sáng tỏ thực tiễn xử lý vi phạm hành chính (VPHC) đối với hành vi xâm hại đến môi trường cũng như tình hình xét xử để chỉ ra những hạn chế, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của BLHS về các TPMT trên địa bàn cả nước; từ đó chỉ ra định hướng và yêu cầu tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 về nhóm tội phạm này để nâng cao hơn nữa việc BVMT cũng như phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm này trong thời gian tới. Luận án là một công trình khoa học có giá trị, tuy nhiên, tác giả luận án mới chỉ nghiên cứu dưới góc độ các quy định của PLHS về các TPMT, chưa nghiên cứu dưới góc độ tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng.

Luận văn thạc sỹ “*Tội gây ô nhiễm môi trường trong Luật Hình sự Việt Nam*” của Phùng Trung Thắng, Khoa Luật – ĐH Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, năm 2014. Luận văn nghiên cứu các quy định về tội gây ô nhiễm môi trường nhằm làm rõ những vấn đề lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường; thực trạng quy định và nội dung tội gây ô nhiễm môi trường theo BLHS Việt Nam hiện hành; qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS đối với tội phạm gây ô nhiễm môi trường. Luận văn đã nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, các quy định của BLHS về tội gây ô nhiễm môi trường đề cập trong luận văn đã hết hiệu lực thi hành.

Luận văn thạc sỹ “*Tội gây ô nhiễm môi trường theo Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015*” của Trịnh Thị Thủy, Khoa Luật – ĐH Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, năm 2019. Luận văn làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường; thực trạng quy định và nội dung tội gây ô nhiễm môi trường theo quy định của BLHS năm 2015; qua đó đề xuất các giải pháp hoàn

thiện nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây ô nhiễm môi trường theo BLHS năm 2015 trong thực tiễn. Tuy nhiên, tại thời điểm nghiên cứu, tác giả luận văn mới chỉ nghiên cứu dừng lại ở mặt lý luận, chưa có đánh giá thực hiện các quy định của BLHS năm 2015 do thời điểm đó, BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành.

Sách chuyên khảo “*Bình luận các tội phạm trong lĩnh vực môi trường*” của tập thể tác giả Lê Tấn Tới, Nguyễn Trí Tuệ, Đỗ Đức Hồng Hà (Đồng chủ biên), Nxb. Lao Động, năm 2022. Công trình nghiên cứu khoa học này đã đi sâu bình luận các tội phạm trong lĩnh vực môi trường. Các vấn đề được đề cập đến như khái niệm, dấu hiệu pháp lý, đường lối xử lý của nhóm TPMT và của từng tội phạm cụ thể, trên cơ sở tất cả các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS đang có hiệu lực thi hành, các văn bản quốc gia và văn bản quốc tế, văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về các tội phạm về môi trường.

Bài báo “*Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác do làm ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay*” - Tác giả Bùi Đức Hiền, Viện Nhà nước và Pháp luật, Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 02+03, năm 2020 đã phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác do làm ô nhiễm môi trường; chỉ ra những bất cập, hạn chế của các quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề này và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Bài báo “*Một số vấn đề về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường và gợi mở hướng hoàn thiện pháp luật*” của tác giả Đàm Thị Diễm Hạnh, Tạp chí Khoa học kiểm sát số 3, năm 2020 đã phân tích một số bất cập, hạn chế trong các quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Bài báo “*Thực trạng và giải pháp phòng ngừa các tội phạm về môi trường ở Việt Nam hiện nay*” của Tác giả ThS. Nguyễn Hữu Hoà, Toà án Nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Toà án Nhân dân điện tử, năm 2018 đã đưa ra những thực trạng tội phạm về môi trường và đưa ra những giải pháp nhằm phòng ngừa tội phạm về môi trường.

Bài viết “*Giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh*” của Phạm Văn Lương, Tạp chí Công thương, số 27, tháng 12 năm 2021; Bài viết “*Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay*” của Nguyễn Việt Thanh, Nguyễn Ngọc Cần, Dương Văn Khánh, Trần Minh Sang, Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục, số 02(30), tháng 06 năm 2021. Hai công trình nghiên cứu này dựa trên các số liệu tác giả tiến hành khảo sát đã chỉ ra những thách thức về môi trường ở Việt Nam hiện nay, dựa trên các số liệu tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng ý thức BVMT của sinh viên trong các trường đại học ở Việt Nam nói chung, ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao ý thức BVMT của sinh viên trong các trường đại học ở Việt Nam nói chung, ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong thời gian tới.

1.3. Đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước mà đề tài kế thừa và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Qua nghiên cứu các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến TPMT nói chung, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng, tác giả có một số nhận xét, đánh giá như sau:

*** Những kết quả nghiên cứu mà đề tài sẽ kế thừa, phát triển**

Thứ nhất, Các công trình nghiên cứu khoa học nêu trên mang giá trị lý luận cao trong việc nghiên cứu các vấn đề về TPMT nói chung, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng. Các công trình này đã cho tác giả nền tảng lý luận cơ bản để triển khai nghiên cứu cho đề tài của mình. Dựa trên nền

tảng lý luận của các công trình nghiên cứu, tác giả phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận chung về tội gây ô nhiễm môi trường dưới góc độ quy định PLHS và hình phạt áp dụng đối với chủ thể thực hiện loại tội này.

Thứ hai, Các nhà nghiên cứu đều đồng nhất cho rằng TPMT là hành vi nguy hiểm xâm hại tới các quan hệ xã hội là môi trường sống tự nhiên và được tội phạm hóa trong luật hình sự. Các công trình nghiên cứu nêu trên đều đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến các TPMT như: khái niệm, dấu hiệu pháp lý chung của các TPMT và dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm cụ thể trong đó có tội gây ô nhiễm môi trường trên cơ sở phân tích bốn yếu tố cấu thành tội phạm, mà nổi bật là ở các tài liệu là giáo trình giảng dạy trong các cơ sở đào tạo luật và nghiên cứu bình luận BLHS chuyên sâu của các tác giả trong các thời kỳ. Những nghiên cứu này một phần sử dụng cho phân cơ sở lý luận để giúp cho tác giả làm sâu sắc thêm khung lý thuyết về tội gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, Các công trình nghiên cứu nêu trên nghiên cứu về thực tiễn áp dụng quy định của PLHS đối với TPMT nói chung, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng trên một địa bàn cụ thể và nghiên cứu chuyên sâu về hình phạt được áp dụng đối với các TPMT, tội gây ô nhiễm môi trường thông qua công tác xét xử để đánh giá tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân cơ bản. Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học về môi trường, dự báo tình hình các TPMT trong thời gian sắp tới nhưng nhìn chung hầu hết các công trình nghiên cứu trên đều đưa ra được những kiến nghị trong việc hoàn thiện các quy định của PLHS về nhóm các TPMT trong tương lai. Mặc dù các công trình nêu trên chủ yếu đánh giá về các quy định PLHS đối với các TPMT, chưa nghiên cứu nhiều dưới góc độ một tội phạm cụ thể nhưng các công trình nêu trên vẫn là nguồn tài liệu quý báu cho tác giả kế thừa và luận giải cho các luận điểm nghiên cứu của mình trong đề tài.

**** Những vấn đề đề tài cần tiếp tục nghiên cứu***

Trên cơ sở kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những tri thức đã được tổng kết ở các công trình khoa học trong và ngoài nước để bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận, thực tiễn về tội gây ô nhiễm môi trường, đề tài cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các vấn đề cụ thể sau:

Thứ nhất, Đề tài nghiên cứu, làm rõ những nhận thức cơ bản về tội gây ô nhiễm môi trường. Cụ thể: làm rõ khái niệm và đặc điểm của tội gây ô nhiễm môi trường nhằm nắm bắt được nội hàm của tội này để làm nền tảng cho hoạt động triển khai nghiên cứu.

Thứ hai, Đề tài xác định rõ các dấu hiệu pháp lý về tội gây ô nhiễm môi trường như mặt khách quan; mặt chủ quan; chủ thể và khách thể của loại tội phạm này. Phân tích và làm rõ các khung hình phạt áp dụng đối với các chủ thể thực hiện tội gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, Đề tài phân tích, đánh giá thực trạng các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, thông qua khảo sát bằng bảng hỏi, đề tài cũng chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc xây dựng và phát triển ý thức BVMT của sinh viên một số trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội như sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; sinh viên trường Đại học Luật Hà Nội; sinh viên trường Đại học Thương mại; sinh viên trường Đại học Đại Nam...

Thứ tư, Trên cơ sở đánh giá thực trạng và thực tiễn áp dụng các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội; đánh giá ý thức BVMT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội; đề tài xác định hướng hoàn thiện và giải pháp hoàn thiện tội gây ô nhiễm môi trường cũng như giải pháp nâng cao ý thức BVMT của sinh viên các trường đại học trong thời gian tới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nghiên cứu các công trình khoa học ở trong nước và ngoài nước về TPMT và tội gây ô nhiễm môi trường, có thể đi đến một số kết luận như sau:

Trên cơ sở tài liệu là luận án, sách giáo trình, sách chuyên khảo, các đề tài khoa học, bài báo được công bố trên các tạp chí và căn cứ vào đối tượng nghiên cứu là các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường, đề tài đã triển khai nội dung tình hình nghiên cứu theo hai vấn đề lớn là: Tình hình nghiên cứu trong nước và tình hình nghiên cứu ngoài nước. Trong đó, với mục đích có được các luận điểm khoa học về các vấn đề liên quan đến tội gây ô nhiễm môi trường một cách toàn diện nhất, đề tài đã lựa chọn các tài liệu mang tính đa ngành và triển khai tiếp cận các tài liệu nghiên cứu theo từng nhóm vấn đề: các công trình nghiên cứu về TPMT và các công trình nghiên cứu về tội gây ô nhiễm môi trường.

Các công trình nghiên cứu khoa học trên thế giới đã đề cập đến các TPMT từ khá sớm, một số lượng lớn các công trình nghiên cứu tổng quát và giải quyết các tình huống thực tiễn cụ thể. Trong đó, có nhiều quan điểm khoa học có giá trị cần được tiếp thu nghiên cứu các vấn đề tương ứng ở Việt Nam, cũng như sử dụng để đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định đối với các TPMT. Một số nghiên cứu chuyên sâu về TPMT nhưng cách tiếp cận vấn đề không dựa trên quan điểm duy vật biện chứng mà tập trung nghiên cứu chuyên sâu vào từng vụ việc cụ thể như thực trạng buôn bán động vật hoang dã, quý hiếm hay nghiên cứu một tình huống cháy rừng gây ô nhiễm môi trường ở một quốc gia nào đó và đặc biệt không căn cứ vào quy định của PLHS đối với các TPMT cụ thể.

Ở Việt Nam các TPMT được các nhà khoa học tập trung nghiên cứu từ sau khi BLHS năm 1985 ra đời và đặc biệt được nghiên cứu nhiều nhất từ sau khi BLHS năm 1999 và trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành. Nhiều công trình khoa học nghiên cứu tương đối toàn diện về một số vấn đề

liên quan đến TPMT ở các phạm vi khác nhau. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận đối với các TPMT. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu khoa học có đề cập đến vấn đề TPMT còn tản mạn, giải quyết ở từng vấn đề nhỏ, nghiên cứu chủ yếu các quy định của PLHS về các TPMT, chỉ có một số ít công trình nghiên cứu dưới góc độ tội danh cụ thể là tội gây ô nhiễm môi trường nhưng nghiên cứu trên địa bàn cụ thể hoặc giới hạn phạm vi nghiên cứu. Mặc dù vậy, các công trình nghiên cứu khoa học nêu trên đã cung cấp cho tác giả những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh phòng, chống các TPMT nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng để làm cơ sở tiếp tục nghiên cứu, kiến nghị hoàn thiện PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống TPMT nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Về nội dung: Dưới góc độ khoa học pháp lý, quan niệm như thế nào là TPMT và tội gây ô nhiễm môi trường đã được nhiều tác giả quan tâm, đề cập đến trong các sách, báo pháp lý. Trong đó, các tác giả đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về TPMT và tội gây ô nhiễm môi trường; sự khác nhau này chủ yếu xuất phát từ quan niệm theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp chứ không có sự khác nhau về nội dung của TPMT và tội gây ô nhiễm môi trường. Với nhận thức của mình, tác giả cho rằng nội dung của TPMT và tội gây ô nhiễm môi trường được thể hiện ở các dấu hiệu pháp lý của từng tội và hình phạt áp dụng đối với các chủ thể thực hiện loại TPMT nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng. Chính vì vậy, trong phạm vi nội dung của đề tài là nghiên cứu các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức BVMT của sinh viên các trường đại học, tác giả tập trung làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý và hình phạt áp dụng đối với tội gây ô nhiễm môi trường; đánh giá thực trạng và thực tiễn áp dụng các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn TP. Hà Nội và thực trạng ý thức BVMT của sinh viên tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, trường Đại học Luật Hà Nội, sinh viên trường Đại học Thương mại, sinh viên trường Đại học Đại Nam...; xác định các giải pháp hoàn thiện PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức BVMT của sinh viên ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Về không gian: Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với tội gây ô nhiễm môi trường và ý thức BVMT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội.

- Về thời gian: Đề tài tiến hành thu thập và nghiên cứu số liệu thống kê từ năm 2019 cho đến nay.

2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn TP. Hà Nội và ý thức BVMT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội.

2.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

*** Cách tiếp cận**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đường lối đổi mới đất nước, tinh thần cải cách tư pháp, chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng.

*** Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

- *Phương pháp phân tích*: phương pháp này sử dụng để nghiên cứu các tài liệu, bài viết liên quan đến tội gây ô nhiễm môi trường. Tác giả phân tích, vận dụng phương pháp để làm rõ các vấn đề về tội gây ô nhiễm môi trường.

- *Phương pháp thống kê*: phương pháp được sử dụng để thống kê điều tra, thu thập số liệu về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn toàn quốc. Trên cơ sở các số liệu đã thống kê, tác giả phân tích, so sánh, đánh giá các số liệu để làm rõ thực trạng quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường nhằm phát hiện, xử lý và áp dụng hình phạt đối với các hành vi phạm tội thuộc loại tội danh này.

- *Phương pháp so sánh pháp luật*: phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu lý luận và thực tiễn về tội gây ô nhiễm môi trường thông qua các quy định cụ thể của pháp luật hình sự trong nước qua các thời kì; đối chiếu, so

sánh với các quy định đã được ký kết trong các hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.

- *Phương pháp phân tích các vụ án điển hình*: thông qua các vụ án điển hình được thu thập, đề tài sẽ luận giải những vấn đề pháp lý để làm rõ, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, từ đó đưa ra quan điểm đường lối xử lý nhằm góp phần hoàn thiện PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường.

- *Phương pháp tổng kết thực tiễn*: phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu, tổng kết, đánh giá những kết quả từ thực tiễn thực hiện tội gây ô nhiễm môi trường. Việc vận dụng các quy định của pháp luật hình sự để xử lý tội gây ô nhiễm môi trường và áp dụng hình phạt cho các hành vi phạm tội này nhằm đúc kết kinh nghiệm, từ đó đưa ra được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường.

- *Phương pháp điều tra/khảo sát*: phương pháp này được chủ nhiệm đề tài sử dụng thông qua việc xây dựng các bảng câu hỏi lấy ý kiến của sinh viên tại một số trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội như Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, trường Đại học Luật Hà Nội, sinh viên trường Đại học Thương mại, sinh viên trường Đại học Đại Nam... về ý thức BVMT của sinh viên hiện nay. Trên cơ sở đó, có những số liệu đánh giá, tổng hợp nhằm đưa ra được giải pháp có tính khả thi về nâng cao ý thức BVMT của sinh viên đại học.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

3.1. Khái niệm về tội gây ô nhiễm môi trường

** Khái niệm môi trường*

Môi trường là một khái niệm rộng, ở góc độ chung nhất có thể hiểu đó là những điều kiện quan trọng, thiết yếu cho sự sống của con người nói chung và các sự sống khác tồn tại song song với con người.

Môi trường là các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.

Môi trường bao gồm các yếu tố sau đây: không khí, nước, đất, âm thanh, ánh sáng, lòng đất, núi, rừng, sông, hồ, biển, sinh vật, hệ sinh thái, các khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các hình thái vật chất khác.

Trong đó: Yếu tố tự nhiên: là các yếu tố xuất hiện và tồn tại không phụ thuộc vào ý chí của con người như: không khí, đất, nước, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên... Yếu tố vật chất nhân tạo: là các yếu tố do con người tạo ra, tồn tại và phát triển phụ thuộc vào ý chí của con người như: khu dân cư, khu sản xuất, di tích lịch sử,... Không khí, đất, nước là các yếu tố cơ bản duy trì sự sống của con người, còn cảnh quan thiên nhiên, danh lam, thắng cảnh có tác dụng làm cho cuộc sống con người thêm phong phú sinh động.

** Khái niệm ô nhiễm môi trường*

Hiện nay, ô nhiễm môi trường là khái niệm được định nghĩa dưới nhiều góc độ khác nhau. Dưới góc độ sinh học, ô nhiễm môi trường được hiểu là “*chỉ tình trạng của môi trường trong đó những chỉ số hoá học, lí học của nó bị thay đổi theo chiều hướng xấu đi*”. Dưới góc độ kinh tế học thì “*ô nhiễm môi trường là sự thay đổi không có lợi cho môi trường sống về các tính chất vật lí,*

hoá học, sinh học mà qua đó có thể gây tác hại tức thời hoặc lâu dài đến sức khoẻ của con người, các loài động thực vật và các điều kiện sống khác”. Dưới góc độ pháp lý, thì “Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên” [55, Điều 3]. Tóm lại, ô nhiễm môi trường được hiểu là việc chuyển các chất thải hoặc năng lượng vào môi trường đến mức có khả năng gây nguy hại đến sức khỏe của con người, đến sự phát triển sinh vật hoặc thậm chí làm giảm chất lượng môi trường.

** Khái niệm Tội gây ô nhiễm môi trường*

Hành vi gây ô nhiễm môi trường cũng chỉ quy định một tội danh về môi trường, đó là tội “vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng” tại Điều 195 Bộ luật Hình sự năm 1985. Trong quá trình thi hành Bộ luật Hình sự 1985, Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung và quy định một chương (Chương XVII) gồm 10 điều (từ Điều 182 đến Điều 191) tương ứng với 10 tội danh về môi trường, trong đó có 9 tội danh mới và một tội tách từ tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng quy định tại Điều 181 để cấu tạo thành tội “hủy hoại rừng” và coi hành vi hủy hoại rừng là hành vi phạm tội về môi trường. Đến kỳ họp thứ 6 ngày 21/12/1999, Quốc hội lại quy định các hành vi gây ô nhiễm môi trường thành một tội và quy định tại Điều 182 Bộ luật Hình sự 1999. Kế thừa Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng chỉ quy định hành vi gây ô nhiễm môi trường trong một điều luật tại Điều 235 [73].

Hiện nay, có rất nhiều các quan điểm được đưa ra nhưng pháp luật hình sự hiện hành vẫn chưa có khái niệm về tội gây ô nhiễm môi trường.

Có ý kiến cho rằng Tội gây ô nhiễm môi trường còn được hiểu là hành vi cố ý chôn, lấp, đổ, thải trái pháp luật các chất thải nguy hại có thành phần

nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ hoặc chất thải nguy hại khác làm ô nhiễm môi trường [26, tr134]. Trong khái niệm này, Mặt chủ quan được chỉ ra rõ ràng vì những hành vi trên còn hạn chế. Và chưa đưa ra được chủ thể phạm tội gây ô nhiễm môi trường.

Những quan điểm và ý kiến trên được rút ra từ các hành vi phạm tội gây ô nhiễm môi trường quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng vẫn còn chưa đầy đủ về mặt hành vi, lỗi và phạm vi ô nhiễm phạm tội,...

Có quan điểm cho rằng khái niệm tội gây ô nhiễm môi trường chú ý tới hai nội dung chính

Thứ nhất, dựa trên dấu hiệu chung của tội phạm

Khái niệm của tội gây ô nhiễm môi trường cũng như các tội khác đều có dấu hiệu phạm tội như hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quan hệ xã hội về môi trường, quy định trong BLHS năm 2015, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, đạt độ tuổi quy định BLHS 2015, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Việc xây dựng khái niệm về tội gây ô nhiễm môi trường trên cơ sở các dấu hiệu chung của tội phạm là phù hợp, là cơ sở cho việc phân biệt tội gây ô nhiễm môi trường với các tội phạm khác về môi trường đồng thời, thể hiện được những dấu hiệu đặc thù của loại tội phạm này [60, tr.55-57].

Thứ hai, việc xây dựng khái niệm phải phù hợp với chính sách hình sự của Việt Nam trong thời gian tới cũng như yêu cầu của công tác đấu tranh với tội phạm gây ô nhiễm môi trường

Chính sách hình sự của Nhà nước ta trong thời gian tới đối với các tội phạm về môi trường nói chung tội phạm gây ô nhiễm môi trường nói riêng tập trung và thể hiện ở một số khía cạnh nội dung như mở rộng phạm vi, lĩnh vực bảo vệ môi trường và tội phạm hóa các hành vi nguy hiểm cho xã hội

phát sinh (độ rung, tiếng ồn, âm thanh, ánh sáng), tăng nặng trách nhiệm hình sự và bảo đảm sự tương xứng giữa các chế tài; nghiên cứu quy định cấu thành tội phạm trong lĩnh vực môi trường dưới dạng cấu thành tội phạm hình thức, lỗi vô ý v.v..... Đối với phạm vi của tội gây ô nhiễm môi trường trong BLHS hiện hành, việc xử lý tội phạm xâm phạm tới môi trường hiện nay chỉ được tiến hành trong 03 lĩnh vực là môi trường nước, không khí và đất. Điều này sẽ hạn chế thẩm quyền của các cơ quan chức năng trong việc xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường trong các thành phần khác của môi trường khi mà đã bắt đầu xuất hiện những hành vi xâm phạm tới các lĩnh vực môi trường đó trong thực tiễn hiện nay. Mặt khác, hiện nay BLHS hiện hành vẫn chỉ truy cứu đối với trường hợp lỗi cố ý sẽ dẫn tới nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm cũng như khi chứng minh được tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Hiện tại, qua tham khảo BLHS của một số nước trên thế giới có quy định tương tự về tội gây ô nhiễm môi trường thì các nước đó cũng đã quy định cả trường hợp lỗi vô ý thực hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường [60, tr.55-57]. Theo tác giả, việc quy định cả hình thức lỗi vô ý là rất cần thiết, không những nâng cao được trách nhiệm của các cá nhân tổ chức mà còn nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm gây ô nhiễm môi trường v.v...

Từ hai yếu tố trên, tác giả của quan điểm đã đúc kết và đưa ra khái niệm về tội gây ô nhiễm môi trường như sau:

Khái niệm tội gây ô nhiễm môi trường là một tội phạm, được quy định trong BLHS do người có năng lực TNHS, có lỗi và đạt độ tuổi luật định khi thực hiện hành vi xâm phạm đến các quan hệ xã hội bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm bằng hành vi thải vào môi trường các chất gây ô nhiễm [60, tr.55].

Tác giả đồng tình với quan điểm trên vì việc xây dựng một khái niệm theo dấu hiệu chung của tội phạm và phù hợp với chính sách hình sự của Việt Nam trong thời gian tới cũng như yêu cầu của công tác đấu tranh với tội phạm gây ô nhiễm môi trường. Trong khái niệm của bất kì tội nào cũng cần có

những dấu hiệu chung như hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quan hệ xã hội về môi trường, quy định trong BLHS năm 2015, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, đạt độ tuổi quy định BLHS 2015, thực hiện hành vi với lỗi cố ý là rất quan trọng trong quá trình định tội danh và việc phân biệt tội gây ô nhiễm môi trường với các tội phạm khác, tránh sự nhầm lẫn, bỏ sót tội phạm.

Trong khái niệm trên, tác giả đã đưa ra những yếu tố quan trọng trong dấu hiệu của tội phạm như chủ thể của tội là do người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định khi thực hiện hành vi vi phạm; Tội phạm phải là người có lỗi; Quan trọng nhất trong khái niệm của tội là đưa ra hành vi phạm tội là hành vi thải vào môi trường các chất gây ô nhiễm, khái niệm đã chỉ rõ được hành vi vi phạm là thải các chất ô nhiễm nói chung vào môi trường và tội xâm phạm đến quan hệ xã hội bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm.

Trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa hiện nay, tội phạm môi trường ngày càng tinh vi nên để việc đưa ra một khái niệm vừa mang đủ các dấu hiệu chung của tội, nhằm phục vụ cho công tác đấu tranh với tội phạm môi trường và phải phù hợp với chính sách pháp luật hình sự của Việt Nam hiện tại và trong tương lai là rất cấp thiết trong thời gian tới.

3.2. Dấu hiệu pháp lý của tội gây ô nhiễm môi trường

3.2.1. Khách thể của Tội gây ô nhiễm môi trường

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội bị tội phạm xâm phạm. Bất cứ hành vi phạm tội nào cũng đều gây thiệt hại hoặc hướng tới gây thiệt hại cho quan hệ xã hội nhất định được luật hình sự bảo vệ. Không gây thiệt hại hoặc hướng tới gây thiệt hại cho đối tượng là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ thì hành vi khách quan không có tính gây thiệt hại và do vậy cũng không có tội phạm [74].

Khoa học luật hình sự Việt Nam phân biệt có ba loại khách thể của tội phạm: Khách thể chung của tội phạm, khách thể loại của tội phạm và khách

thể trực tiếp của tội phạm. Các khái niệm này đều chỉ các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại nhưng ở mức độ bao quát khác nhau. Trong đó, Khách thể chung là hệ thống các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại, khách thể loại là nhóm quan hệ xã hội cùng tính chất được nhóm các quy phạm pháp luật về hình sự bảo vệ và bị nhóm tội xâm hại, khách thể trực tiếp là quan hệ xã hội bị tội phạm cụ thể gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại và qua sự thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đó phản ánh được đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm [26, tr.134]

Tội gây ô nhiễm môi trường được quy định tại Điều 235, Chương XIX – Tội phạm về môi trường, Bộ luật Hình sự năm 2015. Tội gây ô nhiễm môi trường là tội tiêu biểu trong Chương XIX BLHS năm 2015, vậy nên khách thể của nhóm tội đồng nghĩa với việc xác định khách thể của tội gây ô nhiễm môi trường.

Khách thể của tội gây ô nhiễm môi trường theo quy định của BLHS năm 2015 là Tội phạm này xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cụ thể là sự trong sạch của không khí, nguồn nước, đất trong môi trường sống của con người và thiên nhiên.

3.2.2. Mặt Khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Biểu hiện diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài của Mặt khách quan gồm: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các điều kiện biểu hiện bên ngoài sự thực hiện hành vi phạm tội và gắn liền với hành vi như công cụ, thủ đoạn, phương tiện, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội. Mặt khách quan của tội phạm là một trong bốn yếu tố của tội phạm [26, tr.150]. Mặt khách quan là yếu tố then

chốt của cấu thành tội phạm nên không có mặt khách quan đồng nghĩa với không có các yếu tố khác của tội phạm và không có tội phạm.

Mặt khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường được thể hiện qua hành động hoặc không hành động. Dấu hiệu Mặt khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường được thể hiện qua các hành vi sau đây:

- Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy

Có 3 loại chất thải nguy hại là

+ Chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật Việt Nam

Danh mục chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt được ghi nhận trong Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. “*Vượt ngưỡng chất thải nguy hại*” hiểu là vượt giới hạn định lượng tính chất nguy hại hoặc thành phần nguy hại của một chất thải làm cơ sở để phân định, phân loại và quản lý chất thải nguy hại

+ Chất thải nguy hại có chứa chất phải loại trừ theo phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy

Danh mục các chất phải loại trừ theo Phụ lục A công ước Stockholm gồm: Aldrin (hóa chất diệt kí sinh trùng), Dieldrin (hóa chất dùng diệt môi và cây họ vải), Endrin,....

Các chất thải nguy hại khác là các chất thải không nằm trong các danh mục kể trên nhưng cũng có thể gây ảnh hưởng xấu tới môi trường và con người như chất thải chứa cặn kim loại, dầu máy đã qua sử dụng,... Với chất thải nguy hại cần xử lý bằng cách sử dụng các giải pháp công nghệ kỹ thuật để làm giảm, loại bỏ,... các yếu tố có hại trong chất thải.

Trong trường hợp chủ thể phạm tội đã thực hiện hành vi đã bị xử phạt hành chính thuộc một trong các hành vi quy định tại Điều 235 BLHS năm 2015 hoặc bị kết án về tội này nhưng chưa được xóa án tích thì lượng chất thải xả ra có khối lượng từ 500 kilôgam hoặc từ 1.500 kilôgam.

Hành vi trong trường hợp này là chôn, lấp, đổ, thải các chất thải các chất thải nguy hại thẳng ra môi trường, không theo quy định về quản lý và xử lý chất thải nguy hại bị coi là trái pháp luật khi khối lượng xả thải từ 1.000 kilôgam trở lên hoặc từ 3.000 kilôgam trở lên và vi phạm các quy định của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 36/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30-6-2015 về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản khác có liên quan thì mới cấu thành tội phạm gây ô nhiễm môi trường.

- Hành vi xả thải ra môi trường nước thải nguy hại

Nước thải nguy hại là nước thải có chứa chất thải nguy hại. Nước thải được định nghĩa là nước đã bị thay đổi đặc điểm tính chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

- Hành vi thải ra môi trường khí thải nguy hại

Khí thải là chất thải dạng khí hoặc hơi được thả ra môi trường không khí như khói từ các nhà máy, các lò gạch,... có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định trong các bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các loại khí thải.

- Hành vi chôn, lấp, đổ thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường là chất thải không thuộc danh mục chất thải nguy hại hoặc thuộc danh mục chất thải nguy hại nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại. Phải tuân thủ quy định của pháp luật khi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường.

- Hành vi xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ

Đối tượng của hành vi này là nước thải có chứa chất phóng xạ, chất thải rắn có chứa chất phóng xạ hoặc khí thải có chứa chất phóng xạ. Hành vi xả thải ra môi trường nước thải, chôn lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ cấu thành tội phạm khi chất phóng xạ có trong nước thải, chất thải rắn hay khí thải được xả thải ra môi trường vượt giá trị quy định trong pháp luật hình sự.

Qua các hành vi trên, cho thấy dấu hiệu mặt khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường, trong điều luật chỉ mô tả hành vi và mô tả tương đối cụ thể mà không mô tả hậu quả của tội phạm. Đây là điểm khác so với BLHS năm 1999. Trong BLHS năm 1999 chỉ mô tả hành vi khách quan một cách khái quát là *“thải vào không khí, nguồn nước, đất các chất gây ô nhiễm môi trường... vượt quá quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải ở mức độ nghiêm trọng...”*. Bên cạnh đó, Trong Bộ luật Hình sự năm 1999 còn mô tả hậu quả là: *“làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác”*. Theo các nhà luật học, chuyên gia nghiên cứu thì điều luật được mô tả khái quát như vậy sẽ rất khó áp dụng vì *“các tội phạm về môi trường có đặc tính là gây ra hậu quả một cách lâu dài và gián tiếp (thông qua môi trường), chứ không rõ ràng và trực tiếp như các tội phạm khác. Vậy nên, việc chứng minh hậu quả cũng như quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả trong điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về môi trường là rất khó khăn hoặc không thể thực hiện”*. Để khắc phục hạn chế trên, Tại Điều 235 BLHS năm 2015 đã quy định tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức theo hướng mô tả rõ ràng, chi tiết từng hành vi phạm tội với mức định lượng cụ thể để việc phát hiện dấu hiệu phạm tội được dễ dàng và thuận tiện.

3.2.3. Mặt Chủ quan của tội gây ô nhiễm môi trường

Mặt chủ quan là trạng thái tâm lý bên trong của người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội bao gồm: lỗi, động cơ, mục đích.

Có thể hiểu rằng: “*Lỗi là thái độ tâm lí của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý*”. Lỗi là dấu hiệu không thể thiếu trong mọi cấu thành tội phạm. Trong luật hình sự Việt Nam, nguyên tắc có lỗi được coi là nguyên tắc cơ bản. Người phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam không phải chỉ đơn thuần vì người này đã có hành vi khách quan gây thiệt hại cho xã hội mà còn vì đã có lỗi trong việc thực hiện hành vi khách quan đó. Theo nguyên tắc này, luật hình sự Việt Nam không chấp nhận việc quy tội khách quan, nghĩa là truy cứu TNHS con người chỉ dựa trên cơ sở hành vi khách quan mà không xét đến lỗi của họ. Việc thừa nhận nguyên tắc có lỗi trong luật hình sự Việt Nam chính là sự thừa nhận và tôn trọng tự do thực sự của con người.

Hiện nay, có nhiều quan điểm về yếu tố lỗi của tội gây ô nhiễm môi trường. Trong sách Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các tác giả đã đưa ra quan điểm rằng: Các tội phạm về môi trường được thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, thấy trước hậu quả của hành vi đó, tuy không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra. Từ những thiệt hại, tác động tới môi trường của tội phạm môi trường gây ra, nhóm tác giả cho rằng tội gây ô nhiễm môi trường hầu hết là lỗi cố ý.

Về dấu hiệu hậu quả của tội gây ô nhiễm môi trường không bắt buộc trong mặt chủ quan. Khi Tội phạm thực hiện hành vi gây nguy hại tới môi trường tại thời điểm đó nhưng có thể ngay sau đó hoặc sau 5 năm, 10 năm hoặc thời gian dài hơn hậu quả mới xảy ra. Vậy nên thực tế, kể cả khi có hậu quả xảy ra, việc xác định những hành vi khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường phải là nguyên nhân chính gây ra hậu quả hay không là vấn đề khó xác minh đồng thời hậu quả cũng khó có thể xác định bởi nhiều nguyên nhân khách quan.

Trong mặt chủ quan của tội gây ô nhiễm môi trường, dấu hiệu lỗi của người thực hiện hành vi gây ô nhiễm môi trường là lỗi cố ý. Người phạm tội biết rõ hành vi xả thải vào môi trường các chất gây ô nhiễm là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả sẽ gây những tác hại xấu tới môi trường, sức khỏe, con người nhưng vẫn mặc cho hậu quả xảy ra.

3.2.4. Chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường

Theo quy định tại Điều 235 BLHS năm 2015 chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường bao gồm cá nhân và pháp nhân thương mại.

Hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS chỉ được coi là tội phạm nếu *“do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý”*. Điểm mới trong định nghĩa khái niệm tội phạm của BLHS năm 2015 là Bộ luật bổ sung chủ thể thứ hai của *“hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS”*. Chủ thể thực hiện hành vi không chỉ là người có năng lực trách nhiệm hình sự như quy định tại Điều 8 BLHS 1985 và 1999 mà còn quy định về chủ thể chịu trách nhiệm hình sự khác đó là *“pháp nhân thương mại”*.

Đối với Cá nhân:

Theo quy định của Luật hình sự Việt Nam thì chủ thể của tội phạm gây ô nhiễm môi trường là cá nhân và pháp nhân. Đối với cá nhân gồm hai dấu hiệu bắt buộc đó là phải có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định.

- Người có năng lực trách nhiệm hình sự - Chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi của xã hội và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý. Điều đó thể hiện nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự là nguyên tắc có lỗi. Điều kiện để người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cố ý hay vô ý thì họ phải có năng lực TNHS. Đó là năng lực nhận thức được ý nghĩa xã hội của hành vi và năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi của xã hội, người không có năng lực nhận

thức hoặc năng lực điều khiển hành vi thì không có đủ điều kiện để có lỗi và do vậy bị coi là phạm tội khi thực hiện hành vi được quy định trong BLHS.

Người phạm tội gây ô nhiễm môi trường được coi là có năng lực trách nhiệm hình sự khi họ nhận thức được hành vi của họ bị pháp luật cấm và họ có khả năng điều khiển hành vi, lựa chọn các hành động phù hợp và hướng các hoạt động này đến mục đích nhất định, nhưng họ vẫn thực hiện hành vi bị pháp luật cấm, đó chính là hành vi xả thải vào môi trường các chất thải nguy hại và các chất thải vượt quá mức cho phép.

Do đó một người khi thực hiện hành vi xả thải vào môi trường như quy định của điều luật mà không có năng lực trách nhiệm hình sự thì họ không phải là chủ thể của tội phạm, không phải chịu TNHS về hành vi của mình.

Người không có năng lực TNHS được hiểu là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự [54, Điều 21].

- Độ tuổi

Luật hình sự Việt Nam dựa trên cơ sở thực tiễn tội phạm và tham khảo pháp luật hình sự của các nước khác trên thế giới đã xác định tuổi 14 là tuổi bắt đầu có năng lực TNHS và tuổi 16 là tuổi có năng lực TNHS đầy đủ.

Theo Điều 12 BLHS năm 2015, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. Đây là những tội phạm mà chủ thể của những tội phạm này đòi hỏi phải là người đủ 16 tuổi trở lên. Bên cạnh đó, đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các Điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của BLHS năm 2015.

Trước đây, trong các BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999, việc xác định TNHS của người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi được gắn với loại tội phạm. BLHS năm 1985 quy định người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về những tội phạm nghiêm trọng do cố ý; BLHS năm 1999 quy định người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. So sánh các quy định này với quy định tương ứng trong BLHS năm 2015 có thể thấy, BLHS năm 2015 quy định cụ thể và có sự giới hạn hơn phạm vi các tội phạm mà người ở độ tuổi từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu THHS.

Như vậy, có thể thấy rằng, nếu như trước đây đối với tội gây ô nhiễm môi trường thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể phải chịu TNHS về tội gây ô nhiễm môi trường rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1999 quy định Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 182 BLHS năm 1999 thì người phạm tội thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng vì mức cao nhất của khung hình phạt là mười năm tù. Do đó những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS khi thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 182 BLHS năm 1999.

Thấy rằng, đến BLHS 2015 thì khoản 2 Điều 12 quy định người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng về tội phạm được quy định tại 28 Điều luật đã được xác định. Theo đó không có quy định về Điều 235: Tội gây ô nhiễm môi trường.

Như vậy, ở tội phạm gây ô nhiễm môi trường thì người từ đủ 16 tuổi trở lên mới phải chịu TNHS về hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Đối với Pháp nhân thương mại

Theo quy định này, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội do pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý. Khi tội phạm do người đại diện hoặc nhân danh pháp nhân thương mại thực hiện vì lợi ích của pháp nhân và có sự chỉ đạo điều hành của pháp nhân đó thì không chỉ cá nhân phải chịu trách nhiệm hình sự mà pháp nhân đó cũng phải chịu trách nhiệm hình sự. Việc BLHS bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại là xuất phát từ yêu cầu cấp bách của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, nhằm góp phần khắc phục những bất cập, những hạn chế trong việc xử lý các vi phạm của pháp nhân trong thời gian qua và có những cơ sở khách quan và chủ quan sau: Về khách quan, pháp nhân có hành vi nguy hiểm cho xã hội và hành vi phạm tội của pháp nhân là hành vi chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân và được thể hiện qua hành vi của người đại diện hoặc người được pháp nhân ủy quyền.

3.3. Hình phạt áp dụng đối với tội gây ô nhiễm môi trường

3.3.1. Hình phạt đối với cá nhân phạm tội

BLHS năm 2015 quy định mức hình phạt áp dụng đối với cá nhân phạm tội gây ô nhiễm môi trường, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm đối với các hành vi:

- Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;

- Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 500 kilôgam đến dưới 1.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 1.500 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại khác nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 235 BLHS 2015 hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

- Xả thải ra môi trường từ 500 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 300 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

- Xả thải ra môi trường 500 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 300 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 100 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 300 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 235 BLHS 2015 hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

- Thải ra môi trường từ 150.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ

100.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

- Thải ra môi trường 150.000 mét khối (m³) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 50.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 100.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 235 BLHS 2015 hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

- Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 100.000 kilôgam đến dưới 200.000 kilôgam hoặc từ 70.000 kilôgam đến dưới 100.000 kilôgam nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 235 BLHS 2015 hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

- Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 50 milisivơ (mSv) trên năm đến dưới 200 milisivơ (mSv) trên năm hoặc giá trị suất liều từ 0,0025 milisivơ (mSv) trên giờ đến dưới 0,01 milisivơ (mSv) trên giờ.

- Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm đối với các hành vi:

- Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt

ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 10.000 kilôgam đến dưới 50.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;

- Xả thải ra môi trường từ 5.000 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 10.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 500 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

- Thải ra môi trường từ 300.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 500.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 150.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

- Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 200.000 kilôgam đến dưới 500.000 kilôgam;

- Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 200 milisivơ (mSv) trên năm đến dưới 400 milisivơ (mSv) trên năm hoặc giá trị suất liều từ 0,01 milisivơ (mSv) trên giờ đến dưới 0,02 milisivơ (mSv) trên giờ;

- Hành vi gây hậu quả nghiêm trọng.

- Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm đối với các hành vi sau đây:

Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật 5.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc 50.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại khác;

- Xả thải ra môi trường 10.000 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc 5.000 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

- Thải ra môi trường 500.000 mét khối (m³) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc 300.000 mét khối (m³) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

- Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường 500.000 kilôgam trở lên;

- Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều 400 milisivơ (mSv) trên năm trở lên hoặc giá trị suất liều 0,02 milisivơ (mSv) trên giờ trở lên;

- Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

3.3.2. Hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Theo quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015, pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: (1) hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại. Việc thực hiện hành vi phạm tội phải do người đứng đầu pháp nhân thương mại (Đại diện theo pháp

luật hoặc theo ủy quyền) hoặc các cá nhân là thành viên của pháp nhân thương mại đã nhân danh pháp nhân đó thực hiện. Hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân thương mại có thể được thực hiện dưới hình thức như: Sử dụng danh nghĩa của pháp nhân; sử dụng con dấu của pháp nhân hoặc sử dụng nguồn vốn của pháp nhân...(2) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại. Người đứng đầu pháp nhân thương mại hoặc các cá nhân là thành viên của pháp nhân thương mại đó khi thực hiện hành vi phạm tội đều phải hướng đến mục đích là tìm kiếm lợi nhuận, lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất cho pháp nhân thương mại của mình; (3) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại. Mọi chủ trương, kế hoạch, sự điều động cũng như hình thức và phương pháp thực hiện hành vi phạm tội đều được quyết định bởi sự quản lý, chỉ đạo điều hành hoặc chấp thuận của người đứng đầu pháp nhân thương mại. Ở đây, hành vi chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của người đứng đầu pháp nhân thương mại có ý nghĩa quyết định đối với hành vi phạm tội đã thực hiện vì nếu không có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của người đứng đầu pháp nhân thương mại thì hành vi phạm tội của một hoặc một số thành viên của pháp nhân thương mại đã không được thực hiện; (4) Hành vi phạm tội chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo Điều 27 BLHS năm 2015. Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 cũng quy định tại khoản 2 Điều 2 về việc pháp nhân thương mại chỉ chịu TNHS đối với các tội quy định tại Điều 76, trong đó có nhóm TPMT nói chung, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng.

Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự với: 04 khung hình phạt chính và 01 khung hình phạt bổ sung. Cụ thể:

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 235 BLHS 2015, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng;

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 235 BLHS 2015, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 235 BLHS 2015, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của BLHS 2015, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định về TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội, và hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội gây ô nhiễm môi trường. Hình phạt sẽ được áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội sẽ bao gồm các hình phạt như: Phạt tiền; Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm; Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm; Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; Ngoài ra còn có thể bị áp dụng các biện pháp khác như phạt tiền, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

3.4. Sự cần thiết quy định pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường

Việc đặt ra quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường nói chung, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng. Cụ thể:

Một là, Việc quy định tội gây ô nhiễm môi trường trong BLHS Việt Nam thể hiện sự quyết tâm phòng chống tội phạm về ô nhiễm môi trường, hòa mình vào công tác đấu tranh chống tội phạm môi trường trên thế giới. Hiện nay toàn thế giới đang rất quan tâm và đẩy mạnh công tác phòng chống

các tội phạm về môi trường, Việt Nam cũng củng cố bộ máy chính quyền, các cơ quan, các cấp, ban ngành cũng như chỉnh lý toàn bộ hệ thống văn bản pháp lý sao cho công tác phòng chống tội phạm về môi trường đạt được hiệu quả cao nhất. Việc hình sự hóa các hành vi gây ô nhiễm môi trường nhằm răn đe, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân. Mỗi chúng ta cần phải có ý thức cũng như trách nhiệm bảo vệ môi trường sống. Việc xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho người dân là một việc thiết yếu, bởi nếu ngay bản thân mỗi người đều không có ý thức bảo vệ môi trường thì cho dù có áp dụng những chính sách, biện pháp nào cũng sẽ không đạt hiệu quả. Việc hình sự hóa tội phạm môi trường có tính chất răn đe các chủ thể phạm tội, qua đó giáo dục làm cho mỗi thành viên trong xã hội nhận thức đúng đắn về môi trường và ngày càng có những hành vi bảo vệ môi trường tốt hơn.

Hai là, Thực tế cho thấy, trong thời gian gần đây số lượng các vụ án về TPMT nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng gia tăng đáng kể về cả số lượng lẫn chất lượng. Nhiều vụ việc gây ô nhiễm môi trường bị phát hiện và đăng tải trên các phương tiện truyền thông dẫn đến mất niềm tin của người dân đối với các cơ quan chức năng trong việc xử lý các chủ thể thực hiện hành vi gây ô nhiễm môi trường. Nhiều vụ việc cho thấy rõ thái độ thờ ơ, đùn đẩy trách nhiệm thậm chí cố tình bao che các hành vi gây ô nhiễm vì mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương đã khiến cho các hành vi gây ô nhiễm môi trường không được ngăn chặn kịp thời và tại nhiều nơi đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người dân. Việc BLHS quy định tội gây ô nhiễm môi trường đã thể hiện tính răn đe mạnh mẽ, quyết liệt đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường, đồng thời, cũng là sự cảnh báo tới các đối tượng đang có ý định thực hiện và buộc họ phải cân nhắc tới những hậu quả pháp lý hình sự bất lợi có thể bị áp dụng. Điều này dần lấy được niềm tin của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống ô nhiễm môi trường và tăng cường hơn nữa pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Ba là, Tạo cơ chế phối hợp thực hiện đồng bộ, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp tham gia phòng, chống tội phạm gây ô nhiễm môi trường. Thực tiễn cho thấy, nhiều vụ án mà lực lượng Cảnh sát môi trường đã phát hiện và xử lý trong thời gian qua, ngoài sự giúp đỡ, báo tin của nhân dân thì sự giúp đỡ, hỗ trợ và phối hợp của các ngành, các cấp khác là rất quan trọng. Đây chính là một trong những lý do Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 7 năm 2010, quy định về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường (Nghị định số 72/2010/NĐ-CP). Theo đó, những nội dung nhằm thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về môi trường nói chung, tội phạm về gây ô nhiễm môi trường nói riêng được quy định cụ thể đối với các cơ quan quản lý chuyên môn ở trung ương như Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, các cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các cấp v.v... đồng thời, các cơ quan này có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình công tác.

Tại nhiều địa phương, các cơ quan này đã xây dựng quy chế, kế hoạch phối hợp theo từng năm công tác từng đơn vị. Ví dụ: sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường của Công an tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp của tỉnh, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với các địa phương có khả năng, nguy cơ hoặc đã xảy ra ô nhiễm để lên phương án khắc phục, ngăn chặn; sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu với ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường và tập trung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, chủ động phát hiện và xử lý kịp thời các cơ sở vi phạm gây ô nhiễm môi trường; sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu với ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế ưu

đãi, hỗ trợ, khuyến khích nước và nhân dân giao phó nếu không có sự hỗ trợ từ các ngành, các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị của đất nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Muốn hoàn thiện các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường trước tiên cần phải nhận thức một cách đúng đắn cơ sở lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường. Đó là việc nghiên cứu một cách có hệ thống, khoa học và logic về khái niệm, các yếu tố cấu thành, hình phạt áp dụng đối với tội gây ô nhiễm môi trường và sự cần thiết của việc quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường.

Trong Chương 3, dưới các góc độ nghiên cứu lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường tác giả đã chỉ ra việc quy định hành vi gây ô nhiễm môi trường thành một tội được quy định trong BLHS là một thành quả và nhận thức đúng đắn về bảo vệ môi trường khi chúng ta đang đứng trước những thách thức vô cùng lớn về việc làm thế nào để bảo vệ môi trường sống. Quy định của BLHS về môi trường có tính thiết thực và có ý nghĩa trên nhiều phương diện. Theo đó, tác giả đã làm rõ nội hàm khái niệm tội gây ô nhiễm môi trường là một tội phạm, được quy định trong BLHS do người có năng lực TNHS, có lỗi và đạt độ tuổi luật định khi thực hiện hành vi xâm phạm đến các quan hệ xã hội bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm bằng hành vi thải vào môi trường các chất gây ô nhiễm. Từ khái niệm cũng như nhận thức nội hàm của khái niệm về tội gây ô nhiễm môi trường, tác giả rút ra được các đặc điểm của loại tội phạm này dấu hiệu của tội phạm như chủ thể của tội là do người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định khi thực hiện hành vi vi phạm; Tội phạm phải là người có lỗi; Quan trọng nhất trong khái niệm của tội là đưa ra hành vi phạm tội là hành vi thải vào môi trường các chất gây ô nhiễm, khái niệm đã chỉ rõ được hành vi vi phạm là thải các chất ô nhiễm nói chung vào môi trường và tội xâm phạm đến quan hệ xã hội bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm.

Tội gây ô nhiễm môi trường được cấu thành bởi nhiều yếu tố, trong đó mỗi yếu tố đều đóng vai trò quan trọng trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về loại tội phạm này. Các yếu tố cấu thành gồm khách thể của tội gây ô

nhiễm môi trường - các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cụ thể là sự trong sạch của không khí, nguồn nước, đất trong môi trường sống của con người và thiên nhiên; mặt khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường trong đó bao gồm các hành vi gây tác động đến môi trường, hậu quả mà hành vi gây ra; mặt chủ quan của tội gây ô nhiễm môi trường và chủ thể của của tội gây ô nhiễm môi trường. Tác giả cũng chỉ rõ, trong mặt chủ quan của tội gây ô nhiễm môi trường, dấu hiệu lỗi của người thực hiện hành vi gây ô nhiễm môi trường là lỗi cố ý. Người phạm tội biết rõ hành vi xả thải vào môi trường các chất gây ô nhiễm là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả sẽ gây những tác hại xấu tới môi trường, sức khỏe, con người nhưng vẫn mặc cho hậu quả xảy ra và chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường là cá nhân, pháp nhân thương mại. Hình phạt áp dụng đối với chủ thể thực hiện tội gây ô nhiễm môi trường gồm cá nhân và pháp nhân thương mại. Hình phạt áp dụng đối với cá nhân cao nhất là phạt tù đến 07 năm và phạt tiền đến 03 tỷ đồng. Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại chủ yếu là hình phạt tiền. Hình phạt được xem là chế tài có tính răn đe rất cao đối với các chủ thể vi phạm.

CHƯƠNG 4

THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.1. Thực trạng pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường

Thứ nhất, về hành vi khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường

Theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), hành vi khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường thể hiện ở các dạng hành vi vi phạm liên quan đến việc chôn, lấp, đổ, thải, xả thải, phát tán ra môi trường trái pháp luật các loại chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn có chứa chất phóng xạ, nước thải, khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường... Đây là những hành vi vi phạm diễn ra phổ biến, trực tiếp gây ô nhiễm đất, nước, không khí (những thành phần cơ bản, quan trọng của môi trường). Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định những hành vi vi phạm này là tội phạm là phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và thực tiễn hiện nay.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy có một số hành vi gây ô nhiễm môi trường diễn ra cũng khá phổ biến, đang gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật, tự nhiên và diễn biến ngày càng phức tạp, nghiêm trọng, như: Thải bụi có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường; xả nước thải có chứa thông số vi sinh vật (*Salmonella*, *Shigella*, *Vibrio cholerae*) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải có nồng độ pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật; gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường... Đây là các hành vi bị nghiêm

cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và được quy định cụ thể với các chế tài xử lý hành chính theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ), nhưng chưa được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý về hình sự. Do đó, để bảo đảm tính dự báo và tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý với chế tài nghiêm khắc hơn, việc bổ sung các hành vi vi phạm này với những điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự cụ thể vào trong cấu thành tội phạm của tội gây ô nhiễm môi trường là vấn đề cần đặt ra để nghiên cứu.

Thứ hai, về dấu hiệu định tội danh và định khung của tội gây ô nhiễm môi trường

Dấu hiệu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc đã bị kết án về tội gây ô nhiễm môi trường, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm được quy định là dấu hiệu định tội trong một số trường hợp cụ thể. Đây là điểm mới trong đường lối xử lý đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Với quy định này, việc xử lý các hành vi vi phạm sẽ nghiêm khắc, mang tính răn đe hơn, tránh trường hợp các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây ô nhiễm môi trường liên tục, nhiều lần nhưng lại không bị truy cứu trách nhiệm hình sự do mỗi lần vi phạm chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bên cạnh các dấu hiệu mang tính định lượng khác, điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn quy định dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng*” và “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” là dấu hiệu độc lập để định khung hình phạt cho người phạm tội. Rõ ràng, để thống nhất trong nhận thức và cả thực tiễn áp dụng, đòi hỏi Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao cần có những hướng dẫn cụ thể về vấn đề này. Cụ thể, vụ việc của Công ty thuộc da Hào Dương, địa chỉ tại Khu công nghiệp Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong vụ việc này, công ty Hào Dương, trong giai đoạn từ 10/07/2012 đến 24/10/2019; đã 10 lần bị bắt quả tang vi phạm xả trái phép chất thải công nghiệp chưa qua xử lý ra môi trường. Trong đó như lần bắt quả tang vào ngày 10/07/2012, đã phát hiện nồng độ nước thải có chỉ tiêu vượt 22.3 lần khí thải có chỉ tiêu vượt 13.7 lần ngưỡng cho phép. Bị xử phạt nhiều lần, nhưng Công ty này vẫn liên tiếp tái phạm trong thời gian ngắn, thể hiện việc không tuân thủ pháp luật, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe, tính mạng, tài sản của người dân các vùng xung quanh. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng khẳng định hành vi của Công ty Hào Dương chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự.

Như đã phân tích ở trên, lý do của bất cập này một phần do quy định của BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 lúc đó không quy định hướng dẫn cụ thể thế nào là xả thải “*vượt quá quy chuẩn quốc gia, ... ở mức nghiêm trọng*” cho nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự. Hiện nay, Điều 235 tội gây ô nhiễm môi trường nhà làm luật vẫn còn sử dụng “*gây quả nghiêm trọng*” thì bên cạnh việc thiếu hướng dẫn thế nào là “*hậu quả nghiêm trọng*” còn một nguyên nhân khác, xuất phát từ thực tiễn là hành vi xả thải gây ra thiệt hại lâu dài, thâm lặng chứ không phải hiển hiện tức thì như các hành vi xâm phạm sở hữu hay xâm phạm sức khỏe, tính mạng, việc chứng minh thiệt hại do Công ty Hào Dương trực tiếp gây ra là vấn đề vô cùng khó. Tuy nhiên một lý do nữa, là Công ty Hào Dương là pháp nhân, trong khi đó chủ thể tội phạm theo quy định của PLHS hiện hành đã có quy định là PNTM nhưng thiếu văn bản hướng dẫn quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015

Thứ ba, về chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường – pháp nhân thương mại phạm tội

Tội gây ô nhiễm môi trường là một trong 09 tội danh thuộc các tội phạm về môi trường mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự. Để truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại về tội gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cần xác định có hành vi gây ô nhiễm môi trường xảy ra thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và phải bảo đảm đủ các điều kiện cụ thể, như: Hành vi gây ô nhiễm môi trường được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi gây ô nhiễm môi trường được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi gây ô nhiễm môi trường được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Vấn đề phân loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại nói chung để xác định thời hiệu truy cứu TNHS đối với các tội phạm cụ thể, trong đó có tội gây ô nhiễm môi trường cũng chưa có sự thống nhất về mặt nhận thức. Có quan điểm cho rằng, căn cứ vào Điều 9 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và quy định về hình phạt đối với pháp nhân thương mại thì chỉ có thể phân loại tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng. Tác giả cho rằng, quan điểm này chưa phù hợp. Theo quy định, việc phân loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại chỉ căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà không căn cứ vào mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt áp dụng cho pháp nhân thương mại phạm tội như trường hợp đối với người phạm tội, bởi lẽ: Trong các hình phạt chính được áp dụng đối với pháp nhân thương mại có các hình phạt đặc thù như đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn và được quy định là hình phạt cao nhất của khung hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại ở một số tội phạm, nhưng BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có quy định về việc phân loại tội phạm dựa

trên các hình phạt này; mặt khác, một số tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại là phạt tiền, nếu xác định đây chỉ là tội phạm ít nghiêm trọng thì không hợp lý, bởi vì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong trường hợp này có thể tương ứng với loại tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đối với người phạm tội. Do đó, việc phân loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại phạm tội cần được xác định như sau: Nếu pháp nhân thương mại phạm tội theo điểm, khoản nào của điều luật và được viện dẫn tương ứng với khoản nào của cùng tội danh áp dụng cho người phạm tội, thì xác định loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại tương ứng với loại tội phạm đối với người phạm tội.

Với nhận thức đó và theo quy định tại khoản 2 Điều 27 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội theo điểm a khoản 5 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì thời hiệu truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại là 05 năm, vì khoản 1 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là tội phạm ít nghiêm trọng, nên tương ứng với pháp nhân thương mại phạm tội theo điểm a khoản 5 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng là tội phạm ít nghiêm trọng. Tương tự, thời hiệu truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội theo điểm b, c khoản 5 Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là 10 năm (cả hai trường hợp này đều là tội phạm nghiêm trọng).

Bên cạnh các trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội theo các khoản tương ứng đối với người phạm tội, tại điểm d khoản 5 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn quy định pháp nhân thương mại phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Đây là trường hợp pháp

nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra hoặc pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm. Các vấn đề cụ thể này cần có sự hướng dẫn để áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Mặt khác, trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội theo điểm d khoản 5 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì sẽ thuộc loại tội phạm nào để xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được chính xác, bởi vì, pháp nhân thương mại phạm tội trong trường hợp này không tương ứng với khoản cụ thể nào của Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với người phạm tội như các trường hợp phạm tội theo điểm a, b và c khoản 5 Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Thứ tư, về hình phạt

Phạt tiền được quy định là hình phạt chính trong cấu thành cơ bản và tất cả cấu thành tăng nặng của tội phạm; mức phạt tiền được quy định cao hơn (kể cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung) so với quy định tại Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 1999, trong khi hình phạt tù có thời hạn được quy định ít nghiêm khắc hơn. Quy định về hình phạt đối với tội gây ô nhiễm môi trường hiện hành phù hợp với mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã đặt ra, đó là “*giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền... đối với một số loại tội phạm*”, trong đó có các tội phạm về môi trường. Việc mở rộng áp dụng phạt tiền đối với các tội phạm về môi trường, trong đó có tội gây ô nhiễm môi trường sẽ là xu hướng tất yếu trong chính sách hình sự đối với loại tội phạm này thời gian tới.

Tuy nhiên, việc quy định mức phạt tù có thời hạn đối với tội gây ô nhiễm môi trường theo hướng ít nghiêm khắc hơn lại là vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu. Mức phạt tù có thời hạn được áp dụng đối với người phạm

tội theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cao nhất là đến 07 năm tù (trước đây là đến 10 năm).

Theo cách phân loại tội phạm quy định tại Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cấu thành tội phạm nặng nhất của tội gây ô nhiễm môi trường chỉ là tội phạm nghiêm trọng. Với việc xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao nhất của tội phạm chỉ là loại tội phạm nghiêm trọng, tác giả cho rằng chưa phù hợp với hậu quả thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường đã, đang và sẽ gây ra cho con người và môi trường sinh thái tự nhiên. Trên phương diện quốc tế, một số quốc gia đã có những hoạt động pháp lý để các thành viên của Quy chế Rome về Tòa án Hình sự quốc tế (ICC) chấp nhận hành vi hủy diệt môi trường là tội phạm hình sự quốc tế (bên cạnh tội diệt chủng, tội ác chống lại nhân loại, tội phạm chiến tranh và tội xâm lược) để có thể xử lý bằng các chế tài nghiêm khắc hơn. Dưới góc độ phòng ngừa tội phạm, mức hình phạt 07 năm tù là chưa đủ sức răn đe các đối tượng đang có ý định phạm tội. Ngoài ra, thời hạn điều tra (xác định theo loại tội phạm) sẽ ngắn hơn, trong khi phương thức, thủ đoạn phạm tội, che giấu tội phạm của các đối tượng, nhất là pháp nhân thương mại ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn, điều này sẽ gây khó khăn nhất định cho quá trình điều tra các vụ án gây ô nhiễm môi trường xảy ra. Từ những lý do trên, việc nghiên cứu, nâng mức hình phạt tù có thời hạn đối với tội gây ô nhiễm môi trường là vấn đề cần được đặt ra.

4.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4.2.1. Khái quát chung về thành phố Hà Nội và tình hình ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

**** Khái quát chung về thành phố Hà Nội***

Hà Nội là thủ đô, thành phố trực thuộc trung ương và là 1 trong 2 đô thị loại đặc biệt của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là thành

phố lớn nhất (về mặt diện tích) Việt Nam, có vị trí là trung tâm chính trị, 1 trong 2 trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục quan trọng tại Việt Nam. Hà Nội nằm về phía Tây Bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, với địa hình bao gồm vùng đồng bằng trung tâm và vùng đồi núi ở phía Bắc và phía Tây thành phố. Với diện tích 3.359,82 km², và dân số 8,4 triệu người, Hà Nội là thành phố trực thuộc trung ương có diện tích lớn nhất Việt Nam, đồng thời cũng là thành phố đông dân thứ 2 và có mật độ dân số cao thứ 2 trong 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh của Việt Nam, nhưng phân bố dân số không đồng đều. Hà Nội có 30 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 12 quận, 17 huyện và 1 thị xã.

Hà Nội đã sớm trở thành 1 trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa ngay từ những buổi đầu của lịch sử Việt Nam. Với vai trò thủ đô, Hà Nội là nơi tập trung nhiều địa điểm văn hóa giải trí, công trình thể thao quan trọng của đất nước, đồng thời cũng là địa điểm được lựa chọn để tổ chức nhiều sự kiện chính trị và thể thao quốc tế. Đây là nơi tập trung nhiều làng nghề truyền thống, đồng thời cũng là 1 trong 3 vùng tập trung nhiều hội lễ của miền Bắc Việt Nam. Thành phố có chỉ số phát triển con người ở mức cao, dẫn đầu trong số các đơn vị hành chính của Việt Nam. Nền ẩm thực Hà Nội với nhiều nét riêng biệt cũng là một trong những yếu tố thu hút khách du lịch tới thành phố. Năm 2019, Hà Nội là đơn vị hành chính Việt Nam xếp thứ 2 về tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), xếp thứ 8 về GRDP bình quân đầu người và đứng thứ 41 về tốc độ tăng trưởng GRDP. Thành phố được UNESCO trao tặng danh hiệu "Thành phố vì hòa bình" vào ngày 16 tháng 7 năm 1999. Khu Hoàng thành Thăng Long cũng được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới [75].

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu Hà Nội có đặc trưng nổi bật là gió mùa ẩm, nóng và mưa nhiều về mùa hè, lạnh và ít mưa về mùa đông; được chia thành bốn mùa rõ rệt trong năm: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mùa xuân

bắt đầu vào tháng 2 (hay tháng giêng âm lịch) kéo dài đến tháng 4. Mùa hạ bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 8, nóng bức nhưng lại mưa nhiều. Mùa thu bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 10, trời dịu mát, lá vàng rơi. Mùa đông bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau, thời tiết giá lạnh, khô hanh. Ranh giới phân chia bốn mùa chỉ có tính chất tương đối, vì Hà Nội có năm rét sớm, có năm rét muộn, có năm nóng kéo dài, nhiệt độ lên tới 40°C, có năm nhiệt độ xuống thấp dưới 5°C.

Hà Nội quanh năm tiếp nhận được lượng bức xạ mặt trời khá dồi dào. Tổng lượng bức xạ trung bình hàng năm khoảng 120 kcal/cm², nhiệt độ trung bình năm 24,9°C, độ ẩm trung bình 80 – 82%. Lượng mưa trung bình trên 1700mm/năm (khoảng 114 ngày mưa/năm).

Trong lịch sử phát triển, Hà Nội cũng đã nhiều lần trải qua các biến đổi bất thường của khí hậu – thời tiết. Tháng 5 năm 1926, Hà Nội chứng kiến một đợt nắng khủng khiếp có ngày nhiệt độ lên tới 42,8°C. Tháng 1 năm 1955, mùa đông giá buốt nhất trong lịch sử, Hà Nội sống trong cái giá lạnh xuống đến 2,7°C. Và gần đây nhất tháng 11 năm 2008, sau khi vừa mở rộng địa giới hành chính, Hà Nội hứng chịu một cơn mưa dữ dội chưa từng thấy. Hầu như tất cả các tuyến phố đều ngập chìm trong nước, lượng mưa lớn vượt quá mọi dự báo đã gây ra một trận lụt lịch sử ở Hà Nội, làm nhiều người chết, gây thiệt hại vật chất đáng kể [76].

** Khái quát về tình hình ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Là một trong hai trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam, Thủ đô Hà Nội thu hút nhiều nguồn lao động đến sinh sống và làm việc, dẫn đến sự quá tải về hạ tầng đô thị do gia tăng dân số, đi cùng với quá trình đô thị hóa nhanh khiến môi trường Thủ đô bị ô nhiễm nghiêm trọng. Điều này đặt ra bài toán khó cho các cấp ủy, chính quyền về phát triển đô thị gắn với vẫn bảo vệ được môi trường.

Theo thống kê, tổng dân số Hà Nội hiện nay đạt hơn 8 triệu người. Mật độ dân số của thành phố Hà Nội là 2.398 người/km², cao gấp 8,2 lần so với mật độ dân số của cả nước. Điều này tạo áp lực ngày càng lớn về các hạ tầng giao thông, kỹ thuật thành phố. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa nhanh tác động tiêu cực dẫn đến môi trường tại Hà Nội, cụ thể:

Ô nhiễm môi trường do tăng lượng chất thải sinh hoạt, theo kết quả thống kê, việc gom rác ở Hà Nội chưa đạt hiệu quả triệt để, vẫn còn khoảng 15% lượng rác thải không được thu gom, xử lý mà vứt tại các kênh, rạch hay các khu đất trống trong địa bàn thành phố. Hiện nay, tỷ lệ này đang có xu hướng tăng cao. Trung bình mỗi ngày có khoảng 7.000 tấn, trong đó có 10 - 15% không được thu gom. Lượng rác thải này đủ để gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường khá nghiêm trọng. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu huỷ rác thải rắn đã và đang trở thành vấn đề nan giải đối với những nhà quản lý đô thị tại Hà Nội. Các cơ quan có thẩm quyền tại Hà Nội đã đề ra những phương án để xử lý chất thải rắn bằng phương pháp phân loại rác thải rắn tại nguồn. Tuy nhiên, do yếu tố nguồn lực và nhân lực còn hạn chế, chương trình này vẫn chưa thể triển khai rộng rãi trên toàn địa bàn thành phố. Vấn đề tồn đọng về rác thải đã và đang gây ô nhiễm môi trường, gây mất mỹ quan cho quá trình đô thị hoá.

Ô nhiễm môi trường do lượng nước thải sinh hoạt, hiện nay, ở Hà Nội nói riêng và các khu đô thị trên nước ta nói chung hầu hết nước thải sinh hoạt đều chưa được xử lý mà đổ thẳng ra các sông hồ trong đô thị. Tổng lượng nước thải hằng ngày của thành phố Hà Nội vào khoảng 320.000m³ trong đó có tới 1/3 là nước thải công nghiệp. Trên thực tế, đã có những con sông ở Hà Nội đã trở thành dòng sông chết do bị ô nhiễm quá nghiêm trọng, như sông Tô Lịch,... ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng sống của những người dân khu vực đó.

Ô nhiễm môi trường không khí: Cho đến nay, Hà Nội vẫn luôn trong top những thành phố có độ ô nhiễm môi trường không khí cao nhất thế giới. Chất lượng không khí của Hà Nội “không có dấu hiệu được cải thiện”. Yếu tố gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội chủ yếu do ô nhiễm bụi, nồng độ bụi lơ lửng trong không trung, tổng số TSP, bụi PM10 và bụi mịn (PM2,5 PM1).

Ô nhiễm tiếng ồn, với một khu đô thị lớn như Hà Nội, mức độ đô thị hoá cao, mật độ xe cộ tham gia giao thông luôn ở mức dày đặc, tiếng ồn đến từ còi xe, nẹt bô... đã trở thành nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, bởi tiếng ồn và gây những khó chịu đến cuộc sống của người dân, đồng thời làm xấu bộ mặt của đô thị. Theo Kết quả nghiên cứu và đánh giá của Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường tại 12 đường và nút giao thông chính tại các đô thị như Hà Nội, tiếng ồn trung bình vào ban ngày là 77,8 đến 78,1 dBA (mức âm quy định của tiếng ồn), vượt tiêu chuẩn cho phép từ 7,8 đến 8,1 dBA. Tiếng ồn tương đương trung bình vào ban đêm là 65,3-75,7 dBA (vượt tiêu chuẩn từ 10-20 dBA). Còn ở các khu công nghiệp, người lao động ở mọi ngành nghề đều phải tiếp xúc với tiếng ồn. Trong tổng số khoảng 52 triệu người lao động, có khoảng từ 10 - 15 triệu người phải tiếp xúc với tiếng ồn cao hơn mức quy định đã gây ra ô nhiễm môi trường bởi tiếng ồn. Trong khi đó, việc chịu đựng lâu tiếng ồn có cường độ 50 deciben (dB) có thể khiến con người giảm hiệu suất làm việc, nhất là lao động trí óc; tiếng ồn 70 dB có thể làm tăng nhịp thở, nhịp tim, huyết áp, ảnh hưởng đến dạ dày và giảm hứng thú lao động; tiếng ồn 90dB sẽ gây mệt mỏi, mất ngủ, tổn thương chức năng thính giác, mất thăng bằng cơ thể và suy nhược thần kinh.

Ô nhiễm môi trường đất, Hà Nội hiện nay có chất lượng môi trường đất bị ô nhiễm ngày càng gia tăng. Nguyên nhân là do đất chịu tác động của các chất thải từ hoạt động công nghiệp và đô thị hoá, xây dựng, sinh hoạt và các bãi chôn lấp rác thải; các chất độc hóa học tồn lưu; nước thải ngấm vào đất,

gây ô nhiễm môi trường đất và làm thay đổi hàm lượng các chất hóa học trong đất. Ngoài ra, một số khu vực là nơi chứa đựng và lưu trữ các chất thải của quá trình sản xuất, hay chất thải rắn sinh hoạt tiềm tàng nhiều nguy cơ gia tăng ô nhiễm môi trường đất. Tại khu vực đô thị, chỉ có khoảng 15% số bãi chôn lấp chất thải rắn bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh. Nước rỉ từ các hầm ủ, bãi chôn lấp không được xử lý theo quy định sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm [77].

4.2.2. Đánh giá tình hình áp dụng quy định Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

**** Kết quả đạt được***

Thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế những năm qua cho thấy, Việt Nam đã mở ra một giai đoạn mới trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Bên cạnh hiệu quả về phát triển kinh tế – xã hội, Việt Nam cũng đối diện với vấn đề môi trường bị ô nhiễm. Các khu công nghiệp, làng nghề, khu đô thị được hình thành nhanh chóng làm cho nguồn rác thải công nghiệp cũng như rác thải sinh hoạt đưa vào môi trường ngày càng nhiều, gây ô nhiễm không khí, đất, nước. Hầu hết các khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý môi trường tập trung hoặc có nhưng hoạt động chỉ mang tính chất đối phó; việc các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xả nước thải trực tiếp ra sông, biển là khá phổ biến. Tình trạng nhập khẩu trái phép chất thải vào nước ta dưới hình thức phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trong nước, kể cả thiết bị công nghệ lạc hậu dẫn đến nguy cơ biến nước ta thành bãi thải công nghiệp. Tình trạng săn bắt, buôn bán động vật hoang dã, quý hiếm xảy ra hết sức nghiêm trọng, làm giảm tính đa dạng sinh học; số vụ ngộ độc thực phẩm, ngộ độc hóa chất bảo vệ thực vật tăng nhanh làm cho tình hình các TPMT và VPPL về BVMT ở Việt Nam ngày càng gia tăng, không những ảnh

hưởng tới tính mạng, sức khỏe và tài sản của cá nhân, tổ chức mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng đối với môi trường nói chung.

Theo Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, mỗi năm toàn lực lượng phát hiện khoảng 5-6 ngàn vụ vi phạm pháp luật về môi trường, tuy nhiên việc xử lý hình sự chỉ chiếm một số rất ít trong những con số đó. Điều đó cho thấy tình hình xử lý tội phạm môi trường hiện nay chưa theo kịp thực tế hoạt động xâm hại môi trường.

Theo các chuyên gia nghiên cứu xuất phát từ tình hình thực tế thì từ trước tới nay Việt Nam mới chỉ khởi tố điều tra và đưa ra xét xử đối với các hành vi vi phạm thuộc hai tội danh: Hủy hoại rừng và vi phạm quy định bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm. Trong khi đó, các tội danh khác, mặc dù gây thiệt hại rất lớn cho môi trường và sức khỏe, tài sản của người dân nhưng không thể truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi hàng loạt các vụ việc vi phạm pháp luật môi trường như Sở Tài nguyên và Môi trường (Tài nguyên và Môi trường) Thành phố Hà Nội vừa có báo cáo về kết quả triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải. Hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường (hệ thống hòa bùn nhà máy PA) của Công ty Cổ phần DAP - Vinachem 4,5 tháng kể từ ngày 24/3/2023 đến ngày 8/8/2023.

Theo báo cáo này, trong quý I/2022 (Từ 15/12/2021 – 15/3/2022), Công an Thành phố Hà Nội đã phát hiện, xử lý 661 vụ việc, 667 cá nhân, 7 tổ chức vi phạm về xây dựng, môi trường đô thị; xử phạt thu nộp ngân sách trên 1,6 tỷ đồng. Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông Vận tải xử phạt 73 trường hợp lôi kéo bùn đất gây mất an toàn giao thông, vệ sinh đường bộ, xử phạt thu nộp ngân sách 397 triệu đồng. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã ban hành 168 quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 820 triệu

đồng. Ngoài ra, Thanh tra Sở Xây dựng đã tổ chức 19 cuộc kiểm tra; qua đó, phát hiện, lập hồ sơ và ban hành 9 quyết định xử phạt hành chính trong xây dựng với tổng số tiền 260 triệu đồng.

Theo đó, căn cứ các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường đã quyết định xử phạt Công ty CP DAP –Vinachem đối với hành vi xây lấp, lấp đặt đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường là 180.000.000 đồng. Phạt tiền đối với hành vi xả nước thải vào môi trường có chứa các thông số môi trường vượt ngưỡng cho phép là 1.334.000.000 đồng. Tổng mức tiền phạt của 02 hành vi là 1.514.000.000 đồng. Qua công tác kiểm tra, thanh tra mức độ ô nhiễm môi trường đã phát hiện hàng loạt các đối tượng thực hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Số lượng vụ việc bị phát hiện ngày càng tăng cao và được thể hiện qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 4.1: Số liệu về tình hình xử phạt vi phạm hành chính hành vi gây ô nhiễm môi trường từ năm 2019 đến 2023

Năm	Gây ô nhiễm môi trường	Đối tượng vi phạm		Xử lý hành chính		Chuyển cơ quan khác	
		Cá nhân	Tổ chức	Vụ	Tiền phạt (triệu đồng)	Vụ	Đối tượng
2019	3280	1575	1246	2229	115.823,46	587	461
2020	6983	4844	2294	5226	89.368,59	507	555
2021	8039	6224	1512	6742	143.58,09	615	608
2022	5844	4125	1716	4897	119.595,30	526	361
2023	6735	5315	1420	5012	184.217,02	624	435

Nguồn: Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Bộ Công an

Các vụ án được điều tra, truy tố, xét xử theo một trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; không có vụ việc nào sai về quy trình và được đưa ra xét xử kịp thời, công minh, đúng pháp luật, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người được sống trong môi trường trong lành, đem lại sự bình yên, ổn định tình hình an ninh trật tự, xã hội, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Bên cạnh đó, hầu hết các hành vi xâm phạm tới môi trường là khách thể được PLHS bảo vệ được Tòa án định tội danh và quyết định hình phạt đúng người đúng tội. Một số vụ việc do pháp nhân thực hiện nhưng do chưa được quy định trong PLHS là chủ thể của tội phạm nên đã được Tòa án chuyển cơ quan khác áp dụng chế tài hành chính, dân sự nghiêm khắc như xử phạt hành chính, bồi thường khắc phục sự cố môi trường phần nào trở về nguyên vẹn tình trạng vốn có của nó.

Bảng 4.2: Số liệu về tình hình khởi tố và xét xử tội gây ô nhiễm môi trường từ năm 2018 đến 2023 tại thành phố Hà Nội

Năm	Số vụ án bị khởi tố	Số vụ án bị đưa ra xét xử	Số bị can bị khởi tố	Số bị cáo bị đưa ra xét xử
2019	3	1	3	0
2020	1	1	2	0
2021	2	1	1	0
2022	1	1	2	0
2023	2	1	3	1

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm gây ô nhiễm môi trường diễn ra hết sức phức tạp và phổ biến khắp nơi trên cả nước. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, môi trường sống, kinh tế, văn hóa xã hội ở nhiều địa phương trong cả nước. Từ số liệu trên, ta có thể thấy rằng năm 2018 số vụ gây ô nhiễm môi trường là 6006 vụ. Đến năm 2019 số vụ gây ô nhiễm môi trường giảm gần nửa xuống còn 3280. Tuy nhiên trong các năm 2020 và

2021 thì số vụ vi phạm về gây ô nhiễm môi trường tăng vọt lên đến 8039 vụ. Năm 2022, số vụ giảm nhưng đến năm 2023 lại có xu hướng tăng.

** Hạn chế, bất cập và nguyên nhân*

Bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động xử lý đối với tội gây ô nhiễm môi trường vẫn còn có những hạn chế nhất định, bất cập thể hiện ở những điểm sau:

Một là, Nhiều trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội nhưng không bị truy cứu TNHS và xét xử

Theo Cục cảnh sát phòng, chống TPMT, trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024 có hàng chục nghìn vụ VPPL môi trường xảy ra mỗi năm, trong đó những vụ việc gây bức xúc, có hậu quả nặng nề và lâu dài lại được thực hiện bởi các chủ thể là pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, thực tế cho thấy pháp nhân thương mại không bị truy cứu TNHS và hầu hết chỉ xử lý hành chính. Vụ việc dưới đây là một ví dụ. Nội dung của vụ việc đó như sau: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (sau đây gọi là Công ty Rạng Đông) gian dối về sự cố ô nhiễm thủy ngân sau vụ cháy công ty năm 2019. Vào lúc 18h00 phút ngày 28/8/2019, Công ty Rạng Đông cháy kho nhà xưởng sản xuất tại cơ sở 87-89 phố Hạ Đình quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội. Toàn bộ 480.000 bóng đèn huỳnh quang bị cháy sử dụng thủy ngân (ký hiệu hóa học là Hg), có độc tính cao đã phát tán ra môi trường, trong khi trước đó, công ty lại báo cáo không sử dụng thủy ngân lỏng trong sản xuất mà chỉ sử dụng hợp chất Amalgam. Tại kho chứa sản phẩm rộng khoảng 6.000 m² bị cháy hôm đó có 480.000 bóng đèn huỳnh quang chứa 9,6 kg thủy ngân lỏng, 1,6 triệu bóng đèn compact (mỗi bóng sử dụng 11,5 mg Amalgam, hàm lượng thủy ngân khoảng 22-30%) có lượng thủy ngân là 4-5,5 kg. Công ty thừa nhận toàn bộ 480.000 bóng đèn huỳnh quang bị cháy sử dụng thủy ngân lỏng, có khối lượng thủy ngân theo tính toán của các nhà khoa học là 30 mg/bóng. Hầu hết thủy ngân trong các bóng đèn đã phát tán ra môi trường

cùng với khói và khí thải của đám cháy. Khối lượng hóa chất còn lại tại nhà máy gồm hơn 4,5 triệu viên Amalgam có tổng trọng lượng 41,75 kg, 108,9 kg thủy ngân lỏng. Trong số này có 34,3 kg thủy ngân lỏng được bảo quản an toàn cùng với Amalgam trong tủ cấp đông tại khu vực bị cháy. Còn lượng thủy ngân đã phát tán ra ngoài môi trường do sự cố cháy nổ có thể từ 15,1 kg đến 27,2 kg. Theo dữ liệu khí tượng thủy văn và mô hình lan truyền ô nhiễm, ước tính phạm vi phát tán tối đa của khói thải khoảng 1,5 km. Trong đó phạm vi ô nhiễm khoảng 200 m tính từ tường rào của công ty và theo hướng gió có thể ảnh hưởng trong khoảng cách 500 m. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh ngoài hàng rào công ty cho thấy hàm lượng thủy ngân không vượt quy chuẩn nhưng đã xác định được hàm lượng đáng kể (thời điểm quan trắc, trời mới mưa, mát với nhiệt độ thấp). Do đặc thù thủy ngân là kim loại tồn tại ở dạng lỏng, không tan trong nước, rất nặng và dễ sa lắng, dễ bốc hơi ngay cả ở nhiệt độ thường nên hóa chất này có thể còn nằm lại trên các mái nhà, cây cối, trên các bề mặt và các vật dụng lưu chứa hở, có nguy cơ gây ô nhiễm trở lại môi trường. Cho tới nay, công ty Rạng Đông chưa phải chịu trách nhiệm pháp lý nào về việc gian dối, che giấu thông tin về sự cố môi trường.

Theo Luật BVMT năm 2020, đây là sự cố môi trường nghiêm trọng, không chỉ gây ô nhiễm môi trường mà còn đe dọa trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người dân khi thủy ngân là chất kịch độc. Các thiệt hại của người dân trong sự cố môi trường này chưa được tính toán và bồi thường, cũng chưa có quyết định khởi tố nào được ký để đưa người có trách nhiệm trong Công ty Rạng Đông ra xử lý trước pháp luật.

Thêm một vụ việc có thể chứng minh cho hạn chế, bất cập thứ nhất đã nêu. Vụ việc này có nội dung: Công ty cổ phần gốm sứ CTH để chất thải đổ ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước sạch Sông Đà. Theo nội dung vụ án, đầu tháng 10/2019, N.T.H.T là trưởng phòng kinh doanh, kiêm trợ lý Giám

độc cho Công ty CTH (chủ quản lý nguồn chất thải) có điện thoại thỏa thuận thuê L.Đ.V xử lý dầu thải cho Công ty CTH với giá 1.000đ/lít và N.T.H.T cho số điện thoại của Trung nhân viên quản lý chất thải của Công ty CTH để liên hệ công việc. Ngày 6/10/2019, L.Đ.V điện thoại chỉ đạo cho N.C.Đ và H.V.T là nhân viên lái xe đến Công ty CTH nhận 8.830kg dầu thải không đưa đi xử lý mà chỉ đạo đổ ra thượng nguồn của sông Đà, tiếp theo chảy vào hồ chứa nước thô của nhà máy nước sạch Sông Đà. Ngày 09/10/2019 người dân và nhân viên Công ty nước sạch Viwasupco phát hiện nguồn nước thô tại hồ Đàm Bài có vệt dầu loang nên đã báo cho Công an để tiến hành điều tra và xử lý vụ việc có dấu hiệu của tội phạm gây ô nhiễm môi trường. Kết luận giám định của cơ quan chức năng, trong các mẫu chất thải thu thập tại hiện trường vụ đổ thải đều có thành phần nguy hại, đặc biệt là benzene, gây ô nhiễm nguồn nước sạch. Trong quá trình điều tra, Công ty CTH thừa nhận là chủ quản lý nguồn chất thải nguy hại, và kết luận giám định chất thải đổ xuống Sông Đà có chứa chất thải nguy hại: limonene, cymene, mesitylene, xylene, ethylbenzen, toluene, benzen...và bột cao su. Về hàm lượng và số lần vượt ngưỡng chất thải nguy hại (đặc biệt là benzen). Hơn nữa, Công ty CTH đã từng bị Cục cảnh sát điều tra phòng chống TPMT xử phạt vi phạm hành chính về quản lý chất thải nguy hại. Tuy nhiên trong vụ án này, Công ty CTH thuê lái xe đổ chất thải ra môi trường không phải là người đại diện cho pháp nhân nên pháp nhân không bị xử lý TNHS mà chỉ xử lý TNHS đối với cá nhân người lái xe với hành vi đổ chất thải gây ô nhiễm môi trường theo Điều 235 BLHS năm 2015.

Qua vụ án, cho thấy thấy bất cập từ quy định điều kiện để PNTM phải chịu TNHS là phải “*hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM*”. Tuy nhiên tình tiết này chưa có văn bản hướng dẫn thi hành. Mặt khác, cơ quan tiến hành tố tụng chưa phân biệt rõ mức độ nguy hiểm của những hành vi khi nào xử lý hành chính và khi nào cần áp dụng chế tài hình

sự. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng chưa truy cứu TNHS của PNTM.

Một vấn đề nữa là giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đó là bồi thường thiệt hại do hành vi tội phạm gây ô nhiễm môi trường bắt buộc phải tiến hành giám định “*Mức độ ô nhiễm môi trường*”, theo khoản 6 Điều 206 BLTTHS năm 2015 quy định về các trường hợp bắt buộc phải tiến hành giám định. Tuy nhiên trong thực tiễn giải quyết các vụ việc Cơ quan tiến hành tố tụng chỉ tiến hành giám định đối với thành phần của chất thải để xác định có chứa các chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm để phục vụ cho việc định tội danh nhưng không hề tiến hành giám định về “*Mức độ ô nhiễm*” để phục vụ việc quyết định hình phạt và cũng rất khó khăn cho việc áp dụng biện pháp tư pháp buộc bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường. Việc phân tích nội dung của các vụ việc trên đây cho thấy tính chất rất nghiêm trọng liên quan đến lĩnh vực môi trường do pháp nhân thực hiện nhưng tất cả đều chỉ bị xử lý hành chính, không có trường hợp nào bị xử lý hình sự.

Hai là, nhiều hành vi VPPL môi trường rất nghiêm trọng nhưng cá nhân thực hiện chỉ bị xử lý hành chính dẫn đến tỷ lệ xét xử hình sự thấp

Việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật và tội phạm về môi trường ngày một khó khăn hơn. Nguyên nhân do phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này ngày một tinh vi hơn, có sự đối phó với các cơ quan chức năng, đòi hỏi lực lượng Công an nhân dân phải áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp nghiệp vụ, huy động lực lượng và phương tiện, tổ chức theo dõi thời gian dài. Một khó khăn khác trong công tác điều tra, xử lý là nhiều vi phạm có yếu tố nước ngoài, trong một số vụ việc khi xử lý phải cân nhắc vì yếu tố ngoại giao, giải quyết bài toán “*phát triển kinh tế - bảo vệ môi trường - công ăn việc làm của người lao động*”. Nhiều nơi, nhiều lúc việc xử lý còn gặp cản trở, áp lực từ phía các hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ...

Ba là, Việc xử lý vi phạm pháp luật về môi trường chưa có sự đồng đều, thống nhất và chưa thực sự nghiêm minh, có nguyên nhân là do quan điểm xử lý giữa các địa phương, một số bộ, ngành chưa thống nhất. Nhiều nơi do ưu tiên phát triển kinh tế cũng như những nguồn lợi mà mình được hưởng. Việc quá chú trọng kêu gọi đầu tư đã làm cho việc quan tâm đến bảo vệ môi trường không được coi trọng. Chính cơ quan quản lý đã bỏ lỏng công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án mới của doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Bốn là, Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và ô nhiễm môi trường nói riêng chưa thống nhất và đồng bộ. Hiện nay chỉ có Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về việc ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó BLHS năm 2015 đã ban hành và có hiệu lực thi hành. Nhưng Nghị định 155/2016/NĐ-CP vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định. Theo đó nếu dưới mức định lượng được quy định trong BLHS thì hành vi vi phạm đó phải bị xử lý hình sự. Tuy nhiên đối chiếu giữa Nghị định 155/2016/NĐ-CP và BLHS hiện hành thì chưa có sự thống nhất và điều đó đã tạo ra những lỗ hổng pháp luật gây khó khăn cho quá trình áp dụng trên thực tiễn. Do đó cần phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2016/NĐ-CP để phù hợp và tạo ra tính đồng bộ trong hệ thống Văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và lĩnh vực ô nhiễm môi trường nói riêng.

Năm là, Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường chưa phát huy được hiệu quả cần thiết. Công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT nói chung và TPMT, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các hoạt động tuyên truyền chỉ mang tính hình thức, nội dung tuyên truyền còn chung chung, không cụ thể, việc tuyên truyền chưa nhằm đến mục đích cuối cùng là thay đổi tư duy cho các đối tượng VPPL về môi trường cũng như làm cho các đối tượng này thấy

được hậu quả rất nghiêm trọng do các hành vi phạm tội về môi trường gây ra. Trong một thời gian dài, quan niệm về vấn đề BVMT còn bị xem nhẹ, ý thức BVMT, ý thức pháp luật của đại bộ phận người dân chưa cao, đặc biệt với hộ gia đình sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ còn hạn chế. Một bộ phận dân cư khu vực miền núi chưa hiểu biết gì về môi trường, TPMT, BVMT nên vẫn có hình thức đốt rừng làm nương rẫy, săn bắt, mua bán động vật hoang dã, phá rừng... Đây là thói quen, nhưng cũng là hành vi tạo tiền đề cho TPMT phát triển. Các quy định mới về TPMT, hành vi bị coi là TPMT cũng chưa được phổ biến, giáo dục tới người dân để nâng cao kiến thức, ý thức pháp luật. Chưa phát huy được vai trò của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực BVMT và giám sát chặt chẽ công tác quản lý, việc chấp hành pháp luật về BVMT của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Trên thực tế, BVMT dường như vẫn đang được xem là trách nhiệm của nhà nước. Quan điểm BVMT là trách nhiệm của toàn xã hội vẫn chưa được thực thi một cách đầy đủ do thiếu những quy định xác định rõ vai trò, quyền hạn, trách nhiệm, phân định nhiệm vụ giữa nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng dân cư.

Đối với chính quyền địa phương, việc chạy đua thu hút nguồn vốn đầu tư đã làm cho chính sách ưu đãi của địa phương đối với các cá nhân, tổ chức được mở rộng trên nhiều lĩnh vực trong đó có tác động đến vấn đề môi trường. Nhiều dự án đầu tư có quy mô lớn và mặc dù đã được các chuyên gia cảnh báo về khả năng nguy cơ xảy ra ô nhiễm môi trường cho các địa phương có dự án triển khai xảy ra là rất cao nhưng đã không nhận được sự quan tâm của lãnh đạo của địa phương cũng như trách nhiệm của chính các cơ quan có liên quan trực tiếp. Việc tạo điều kiện quá mức và những ưu đãi lớn trong suốt quá trình đầu tư xây dựng và đi vào vận hành các dự án, công trình nhà máy, xí nghiệp nhưng đi ngược lại với trách nhiệm quản lý, giám sát, thanh tra

kiểm tra đã dẫn tới những hậu quả ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khi mà các cá nhân, tổ chức không tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT. Về phía người dân, ý thức BVMT thực sự là vấn đề đáng lo ngại khi mà hiện nay người dân vẫn thực hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường mang tính chất nhỏ lẻ, quy mô hẹp mà phần nhiều trong số đó là do thói quen, văn hóa, trình độ dân trí của từng nơi v.v... Chính vì vậy, việc giáo dục ý thức BVMT trước những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại chính địa phương của người dân là hết sức cần thiết.

Sáu là, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức của bộ phận cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và sự phối hợp trong điều tra, truy tố, xét xử giữa các cơ quan có thẩm quyền còn hạn chế, chưa nhịp nhàng, chặt chẽ

Thực tiễn cho thấy rằng, công tác phòng ngừa, đấu tranh với VPPL và tội phạm còn có những hạn chế. Công tác phát hiện, xử lý VPPL và TPMT hiệu quả chưa cao, hiệu lực răn đe, phòng ngừa thấp. Tiến độ và chất lượng giải quyết nhiều vụ án còn kéo dài, chưa nghiêm minh. Năng lực và trách nhiệm của một bộ phận cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, Tòa án còn yếu, nhiều trường hợp tiêu cực, sa sút phẩm chất đạo đức, VPPL, một số trường hợp phải xử lý hình sự. Viện kiểm sát trong quá trình hoạt động cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, như khi truy tố còn thiếu những chứng cứ quan trọng để buộc tội các đối tượng phạm tội về môi trường, dẫn đến Tòa án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung...

Đối với Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án cần xét xử công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Tuy nhiên, hoạt động xét xử các TPMT của Tòa án còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, vẫn còn có những Thẩm phán thiếu tích cực rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, còn có tư tưởng cơ hội, vụ lợi; có những Thẩm phán

chưa tích cực chủ động trong việc tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nên nhận thức chưa sâu, chưa chắc thậm chí có Thẩm phán nắm vấn đề chung chung, không thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến TPMT; còn có hiện tượng Thẩm phán chán nản, không yên tâm công tác muốn được chuyển sang những công việc có thu nhập cao hơn...

Công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng có lúc, có nơi chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả, dẫn tới việc nhận thức và vận dụng các quy định của BLHS giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa có sự thống nhất. Việc xử lý VPPL về môi trường chưa có sự đồng đều, thống nhất và chưa thực sự nghiêm minh, có nguyên nhân là do quan điểm xử lý giữa các địa phương, một số bộ, ngành chưa thống nhất. Nhiều nơi do ưu tiên phát triển kinh tế nên kêu gọi đầu tư dàn trải, cấp phép kinh doanh ồ ạt, không quan tâm đến việc thẩm định, đánh giá ảnh hưởng của các dự án đối với môi trường, nhất là các dự án thuộc lĩnh vực trọng điểm hoặc khi xử lý đối với các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế nhà nước còn chưa quyết liệt và thiếu tính nghiêm khắc

Bây là, Do nhận thức của người dân nói chung về pháp luật môi trường còn nhiều hạn chế.

Trong khi người dân vừa là tác nhân gây ô nhiễm, vừa là nạn nhân sống trong ô nhiễm, thậm chí còn chưa nhận thức được rõ ràng về vấn đề này và hậu quả của nó. Từ góc độ cộng đồng, nhiều tổ chức và doanh nghiệp trong họa động sản xuất, kinh doanh, khai thác, chế biến,... cũng vẫn chủ yếu quan tâm về lợi nhuận mà chưa quan tâm đến môi trường và lợi ích lâu dài của môi trường đối với cộng đồng, xã hội và thế hệ con cháu trong tương lai. Từ góc độ quản lý của Nhà nước thì công tác bảo vệ môi trường mặc dù luôn được nêu ra nhưng vẫn còn ở hàng thứ yếu khi xử lý đối kháng lợi ích, vẫn tập trung ưu tiên phát triển kinh tế. Nhận thức của cán bộ và trách nhiệm xử lý

các vi phạm pháp luật về môi trường còn rất hạn chế, quy trình, thủ tục còn tồn tại quá nhiều các bất cập, việc giám sát, phát hiện chưa đi liền với xử lý, mức phạt quá thấp, chỉ phạt tiền và yêu cầu khắc phục mà không yêu cầu khôi phục hiện trạng, phạt một lần rồi không giám sát tiếp nên trên thực tế có nhiều doanh nghiệp lẽ ra phải đầu tư trang thiết bị xử lý chất thải lại chấp nhận các hình thức xử lý vi phạm. Để người dân kiện được theo thủ tục hình sự hay dân sự đều khó khăn, vì hình sự thì cơ quan điều tra phải vào cuộc, dân sự thì người dân phải tự đưa ra chứng cứ, trong khi đó các quy định về trách nhiệm phát hiện, giám định, đền bù thiệt hại còn chưa rõ ràng và không khả thi. Trong khi đó, ví dụ; chứng cứ là các yếu tố ô nhiễm thì phải có giám định qua các máy móc chuyên dụng,... đắt đỏ, mà người dân thì không thể theo đuổi, chưa chắc đã được xử lý mà lại mất thời gian, công sức, tốn kém, bỏ công ăn, việc làm,... Ngoài ra, nhu cầu phát triển kinh tế và giải quyết công ăn việc làm của người lao động đã có tác động đến việc xử lý, đóng cửa các doanh nghiệp vi phạm,... cấp phép đầu tư, kinh doanh ồ ạt, không quan tâm đến việc thẩm định, đánh giá ảnh hưởng lâu dài đối với môi trường.

Nguyên nhân cơ bản dẫn tới những bất cập, hạn chế trên đối với quá trình áp dụng tội gây ô nhiễm môi trường của BLHS hiện hành là do phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này ngày một tinh vi hơn, có sự đối phó với các cơ quan chức năng. Mặt khác, những quy định chưa thật sự hợp lý, rõ ràng về điều kiện truy cứu TNHS, chế tài trong BLHS hiện hành cũng như thiếu những văn bản hướng dẫn cụ thể cũng là một trong các nguyên nhân gây ra những bất cập trên. Bên cạnh đó việc xử lý vi phạm pháp luật về môi trường chưa có sự đồng đều, và chưa thực sự nghiêm minh, quan điểm xử lý, chính sách giữa các địa phương, bộ ngành về vấn đề ưu tiên phát triển kinh tế hay ưu tiên bảo vệ môi trường còn chưa thống nhất.

4.3. Thực trạng ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên trong các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội

BVMT đang là một trong những vấn đề quan trọng được Đảng và Nhà nước rất quan tâm trong chiến lược phát triển chung của đất nước. Nhận thức được vai trò quan trọng của BVMT trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã luôn coi BVMT là vấn đề cốt yếu. Năm 2004, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013, về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; và ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT. Ngày 13/4/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn năm 2030 chủ trương đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào nội dung giáo dục môi trường ở các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục và đào tạo quốc gia; mở rộng các chuyên ngành đào tạo về môi trường, trong đó ưu tiên đào tạo các chuyên ngành có nhu cầu lớn trong xã hội; xây dựng bộ tài liệu, giáo trình truyền thông môi trường phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Đặc biệt, năm 2020, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tiếp tục tinh thần của những năm trước, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 1803/BGDĐT-KHCNMT về việc hướng dẫn các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch BVMT năm 2019. Như vậy, giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên được hiểu là quá trình tác động có mục đích của chủ thể giáo dục với nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện phù hợp nhằm trang bị tri thức khoa học, định hướng tình cảm,

niềm tin, giá trị và ý chí sẵn sàng hành động BVMT, hướng đến xây dựng văn hóa môi trường cho sinh viên. Mục đích của giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên là giúp hình thành và phát triển ý thức BVMT của bộ phận xã hội có vai trò quan trọng này. Việc truyền thụ, hình thành và nâng cao năng lực tư duy sáng tạo, trình độ chuyên môn, kỹ năng sống, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên có tầm quan trọng, nhằm phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ trên mọi mặt trận trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên ở các trường đại học có ý nghĩa quan trọng không chỉ với mục tiêu giáo dục toàn diện con người thế hệ mới, mà còn tạo sự lan tỏa trong cộng đồng ý thức bảo vệ môi trường, ứng xử văn minh với môi trường, để môi trường ngày một tốt hơn, hữu dụng hơn đối với con người, làm cho quan hệ giữa con người và giới tự nhiên ngày càng thân thiện. Bảo vệ môi trường cũng có ý nghĩa là bảo vệ cuộc sống của chúng ta, để thực hiện bảo vệ môi trường có hiệu quả, trở thành mối quan tâm sâu sắc và hành động xây dựng ý thức BVMT có ý nghĩa to lớn. Mục đích của giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên hướng đến là: từ chỗ đạt được mục đích tinh thần thì còn làm cho sinh viên chuyển biến trong hành động thực tiễn một cách tích cực nhất và đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp BVMT của toàn dân. Bên cạnh đó, giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ nhận thức của sinh viên về các chuẩn mực đạo đức môi trường để định hướng hành vi của sinh viên, khắc phục tình trạng thói quen xấu làm ảnh hưởng môi trường. Đồng thời, cũng góp phần thể hiện đức tính tốt đẹp về tình yêu thiên nhiên, tôn trọng, giữ gìn và BVMT sống.

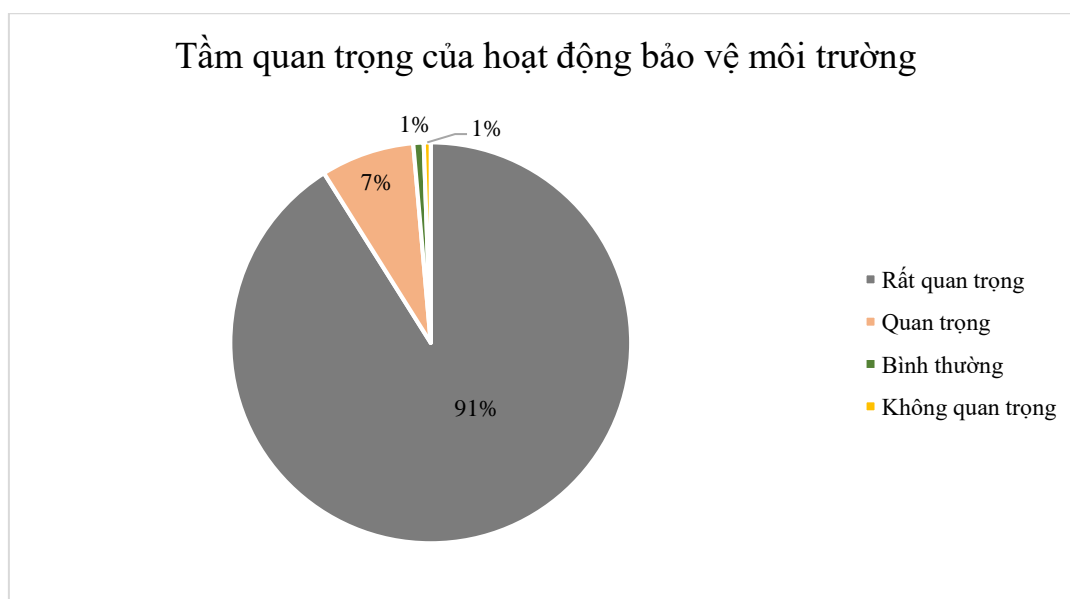
Hiện nay, việc trang bị kiến thức về BVMT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội nói riêng, toàn quốc nói chung được đặc biệt quan tâm. Sinh viên có những hiểu biết về chuẩn mực hành vi đạo đức môi trường và chuẩn mực hành vi mang tính pháp luật; hiểu được ý nghĩa của việc thực hiện theo các chuẩn mực đó và có trách nhiệm giám sát thực hiện

các quy định của pháp luật. Để đánh giá về thực trạng ý thức BVMT của sinh viên, tác giả đã tiến hành khảo sát ý thức BVMT của sinh viên tại một số trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội. Tuy nhiên, trên địa bàn TP. Hà Nội có rất nhiều trường đại học, vì vậy trong giới hạn bài viết của tác giả, tác giả lựa chọn khảo sát sinh viên tại ba trường đại học công lập và một trường đại học dân lập có đào tạo về luật, cụ thể: Trường Đại học Luật Hà Nội – đào tạo chuyên ngành Luật; Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội – chuyên ngành về lĩnh vực tài nguyên và môi trường có đào tạo về ngành Luật; Trường Đại học Thương mại – đào tạo về lĩnh vực kinh tế thương mại và trường Đại học Đại Nam – đại học dân lập có đào tạo về ngành Luật. Dựa trên các số liệu tiến hành khảo sát, tác giả đưa ra một số đánh giá như sau:

- Trên cơ sở tiến hành điều tra khảo sát bằng bảng hỏi đối với sinh viên tại một số trường đại học nói trên cho thấy, các trường đại học đã chú trọng và quan tâm đến giáo dục, xây dựng ý thức BVMT cho sinh viên đặc biệt sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Phần lớn sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đều nhận thức được tầm quan trọng của việc BVMT, có những hiểu biết về chuẩn mực hành vi đạo đức môi trường và chuẩn mực hành vi mang tính pháp luật. Sinh viên từng bước chủ động trong việc tham gia các hoạt động BVMT do nhà trường phát động từ đó góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường tại trường đại học, đồng thời hình thành ý thức trách nhiệm tự giác của sinh viên trong BVMT.

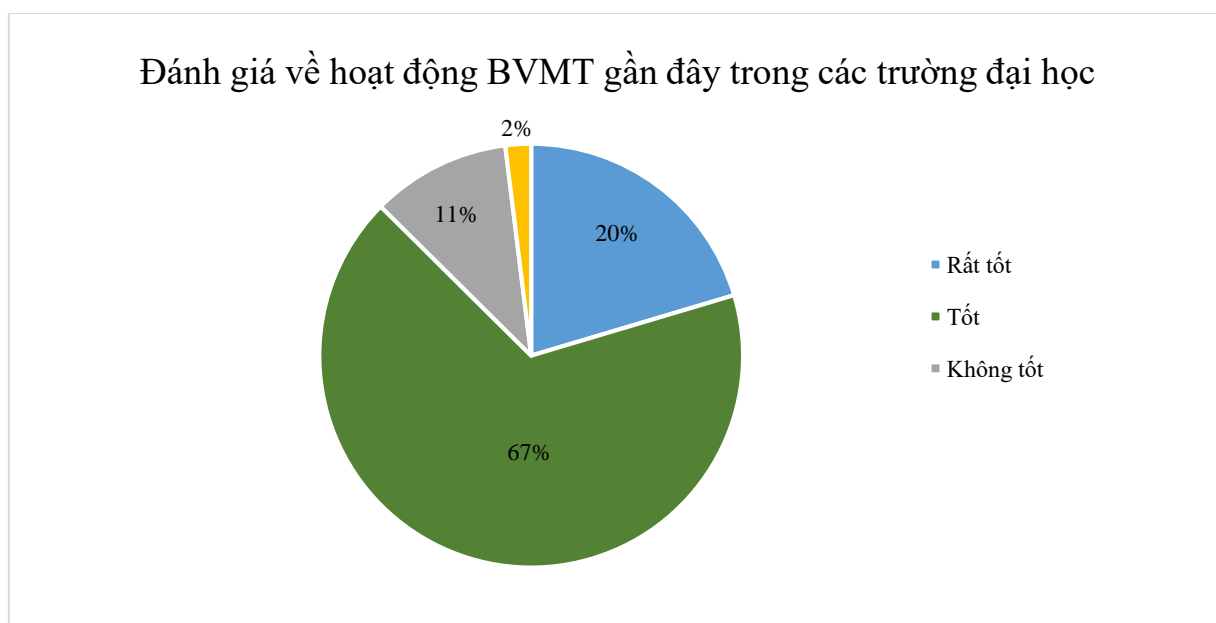
- Sinh viên tại các trường đại học tác giả tiến hành khảo sát ngày càng chủ động và tích cực tham gia các hoạt động BVMT thiết thực. Nhà trường cũng phối hợp với Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên để tổ chức các chương trình liên quan đến hoạt động BVMT. Sinh viên tại Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, sinh viên Trường Đại học Đại Nam tham gia các phong trào hưởng ứng ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, các chiến dịch hạn chế sử dụng túi nilong... sinh viên Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường

Hà Nội tổ chức các chương trình thiện nguyện – làm vệ sinh tại các cơ sở tôn giáo trên địa bàn thành phố; tổ chức cuộc thi Tìm hiểu về Tài nguyên và Môi trường gắn với chuyển đổi số; phối hợp tham gia cuộc thi GEFE Business Challenge nhằm nâng cao tư duy kinh xanh trong thời kỳ chuyển đổi, thúc đẩy đổi mới bền vững và trau dồi kiến thức kinh doanh xanh cho sinh viên; phối hợp với Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên tại địa phương tổ chức dọn dẹp vệ sinh môi trường khu vực quanh địa bàn trường và địa phương lân cận... Thông qua những hoạt động đó, sinh viên có thêm kiến thức thực tế để mở rộng sự hiểu biết đối với vấn đề môi trường xung quanh, tạo nên những ảnh hưởng tích cực trong việc giáo dục ý thức BVMT cho mọi người xung quanh.



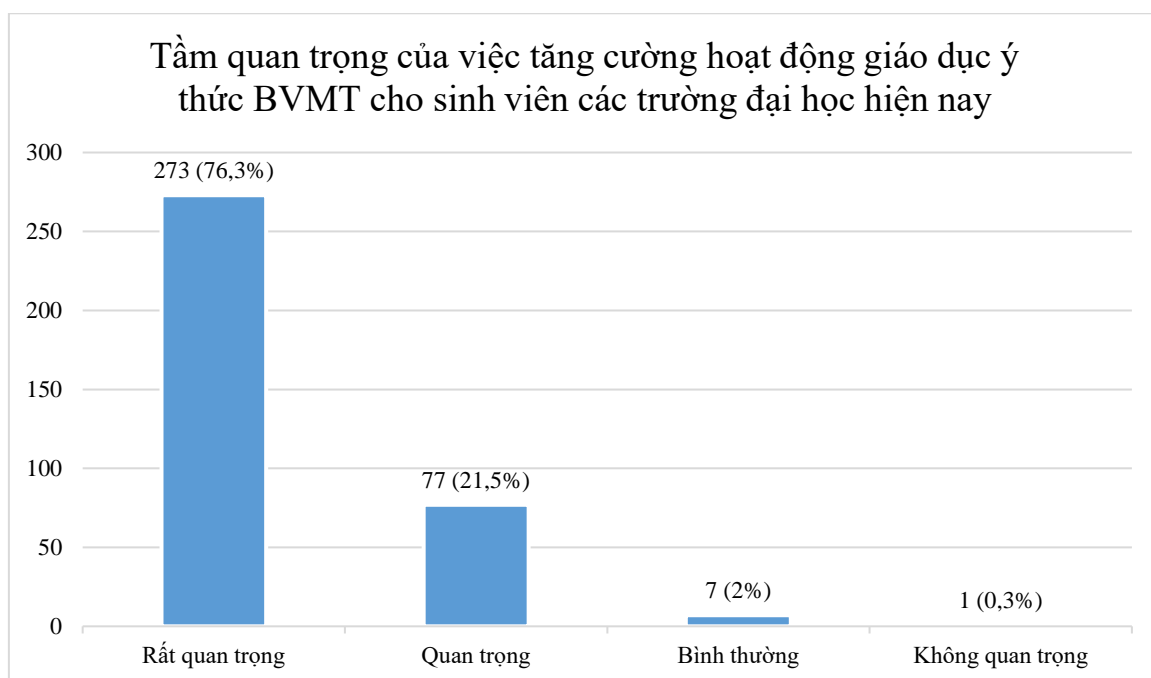
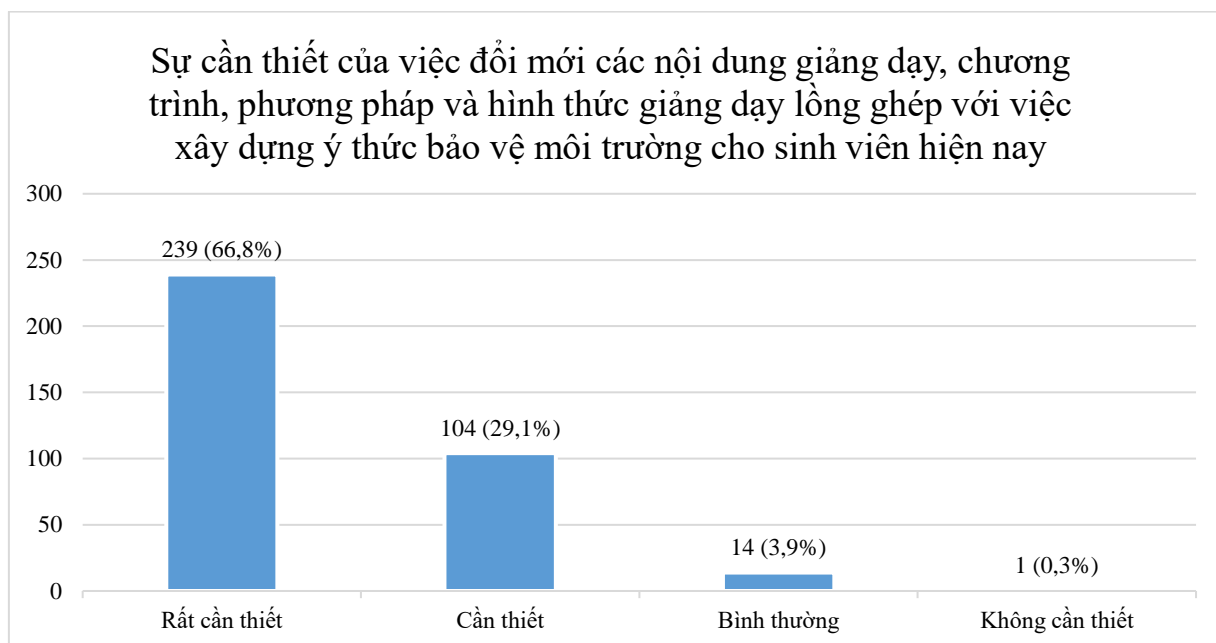
- Về phía nhà trường, các trường đại học nêu trên đặc biệt là Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đẩy mạnh các hoạt động gắn liền với phong trào xây dựng trường học xanh, trường học thân thiện môi trường; đẩy mạnh hoạt động giáo dục ý thức BVMT cả trong chương trình giáo dục chính khóa và ngoại khóa, góp phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng, hành động BVMT hiệu quả. Cụ thể: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chú trọng lồng ghép nội dung BVMT trong các môn học tại trường như

học phần Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật pháp và chính sách biển; Luật Khoáng sản; Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai; Luật Môi trường...; Trường Đại học Thương mại tổ chức hoạt động đổi rác thải nhựa lấy các phần quà sách, đồ dùng học tập; Trường Đại học Đại Nam tổ chức cuộc thi thiết kế trang phục từ giấy bìa, chai nhựa, các vật liệu, phế liệu... Các hoạt động nhà trường phát động đều được sinh viên nhiệt tình tham gia, hưởng ứng. Sinh viên đánh giá rất cao đối với các hoạt động BVMT tại các trường đại học, thể hiện qua bảng khảo sát:

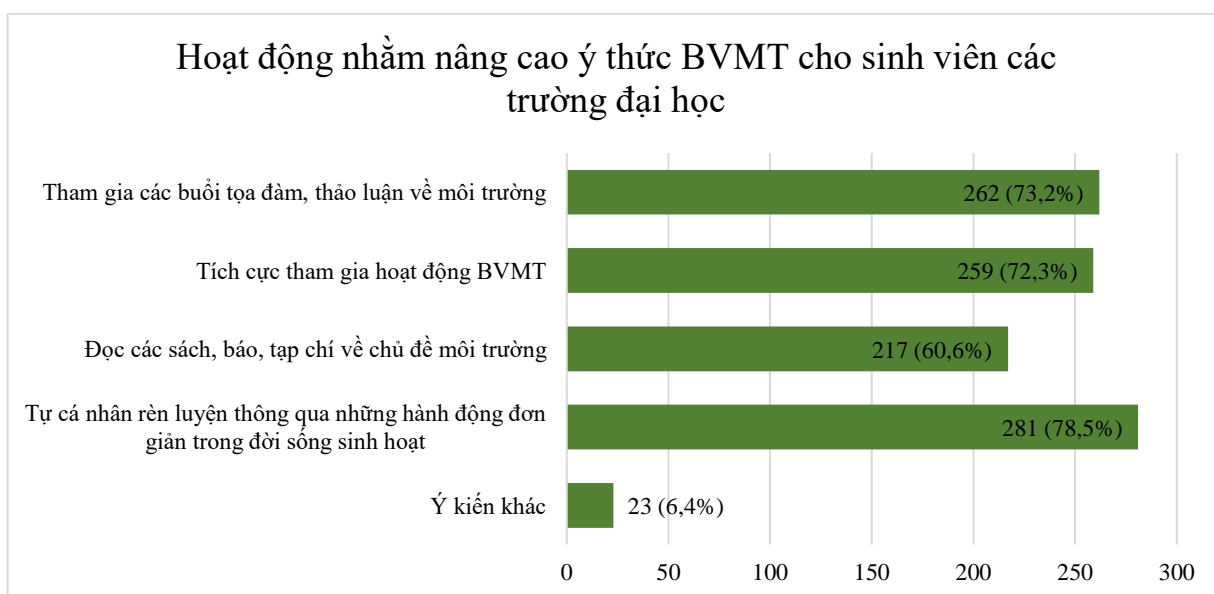


- Nhằm nâng cao ý thức BVMT cho sinh viên, hằng năm, nhà trường đã chỉ đạo các xây dựng kế hoạch giáo dục BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu, triển khai tới tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Bên cạnh việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai cho sinh viên dưới các hình thức như thi văn nghệ, sân khấu hóa;... thì bên cạnh đó, nhà trường lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục BVMT vào các môn học trong chương trình đào tạo. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chỉ đạo giảng viên cần tích cực đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp, nội dung giảng dạy các học phần trong nhà trường, lồng ghép giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên trong hoạt động

giảng dạy trên lớp và hoạt động thực tế. Trên lớp, ngoài việc giảng dạy kiến thức trong sách, trong giáo trình, giảng viên chủ động cho sinh viên thảo luận các vấn đề gắn với BVMT như trong học phần Luật Môi trường, Luật Đất đai, Luật pháp và chính sách biển; Luật Tài nguyên nước... Bên cạnh đó, nhà trường còn tổ chức các buổi học tham quan nhận thức gắn với môi trường, để sinh viên có góc nhìn toàn cảnh về BVMT và nhận thức sâu sắc về việc BVMT.



- Hằng năm, các trường đại học bên cạnh việc giảng dạy và học tập, sinh viên được chủ động tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan tới các lĩnh vực học tập. Thông qua báo cáo khảo sát, có thể thấy sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học rất tích cực, các đề tài được lựa chọn đều gắn với ý thức BVMT hiện nay. Đặc biệt, ở trường ĐH Tài nguyên và Môi trường, sinh viên qua việc nghiên cứu khoa học đã xây dựng được các mô hình xanh gắn phát triển kinh tế với BVMT, hay các sáng chế từ các nguyên vật liệu nhựa... Các sản phẩm đều được đánh giá rất cao, có công trình nghiên cứu khoa học còn đạt giải cuộc thi Sinh viên với nghiên cứu khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức;...



Tuy nhiên, bên cạnh việc sinh viên đã có những nhận thức nhất định về việc BVMT thì vẫn tồn tại một bộ phận SV còn thiếu hiểu biết, nhận thức kém về việc BVMT, thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu quan tâm đến các vấn đề về môi trường. Thực tế cho thấy, có không ít sinh viên tại các trường đại học tác giả tiến hành khảo sát vẫn giữ thói quen sống và ứng xử theo tập tục địa phương. Một số sinh viên thiếu ý thức, thiếu tự giác trong học tập, rèn luyện kỹ năng, hành vi, ý thức BVMT, nhiều sinh viên cho rằng, BVMT không phải là việc của bản thân sinh viên nên không coi trọng. Sự hiểu biết pháp luật nói chung

và pháp luật về BVMT còn nhiều hạn chế, thậm chí có sinh viên còn có những hành vi coi thường pháp luật dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT diễn ra phổ biến ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

Để xảy ra thực trạng nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng có thể kể đến một số nguyên nhân như:

- Một số cơ sở giáo dục mới chỉ chú trọng đến đào tạo kiến thức chuyên môn, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong quá trình định hướng, quản lý, giám sát hoạt động giáo dục ý thức BVMT, nhất là ở các trường không đào tạo các chuyên ngành về môi trường.

- Hình thức giáo dục ý thức còn mang tính phong trào, thời điểm, nặng thành tích. Việc lồng ghép giảng dạy nội dung về môi trường rất ít, các hoạt động ngoại khóa (seminar, tọa đàm, diễn đàn) gần như không có.

- Công tác giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội được thực hiện chủ yếu thông qua các hoạt động của Hội sinh viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... Các hoạt động này thường không thể hiện được tính xuyên suốt, chưa đạt ra kết quả cụ thể, những tác động của chương trình chủ yếu chỉ tập trung vào bộ phận sinh viên tham gia hoạt động, không mang tính lan tỏa rộng rãi.

- Công tác tuyên truyền mặc dù đã được các trường đại học tiến hành, song đôi lúc còn nặng tính hình thức, chưa đa dạng về hình thức tuyên truyền dẫn đến chưa thu hút được đông đảo sinh viên tham gia và tạo sự lan tỏa trong cộng đồng xã hội.

Qua phân tích thực trạng ý thức BVMT của sinh viên hiện nay cho thấy, sự cần thiết phải có những biện pháp khả thi nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên của các trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Đánh giá thực trạng và thực tiễn áp dụng tội gây ÔNMT là một hoạt động quan trọng nhằm nắm bắt được những mặt đạt được cũng như những thuận lợi trong quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện PLHS về loại tội phạm này. Qua đó, tiếp tục đẩy mạnh, phát huy những mặt đạt được cũng như những điểm mạnh trong quá trình thực hiện PLHS về tội gây ÔNMT. Đồng thời, xác định được những khó khăn, hạn chế và thách thức trong quá trình áp dụng PLHS về tội gây ÔNMT trong thực tiễn để từ đó xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Trước hết, đánh giá về thực trạng PLHS về tội gây ÔNMT được hiểu là việc đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về loại tội phạm này. Qua kết quả nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra rằng hành vi khách quan của tội gây ÔNMT được thể hiện ở các dạng hành vi vi phạm liên quan đến việc chôn, lấp, đổ, thải, xả thải, phát tán ra môi trường trái pháp luật các loại chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm...Tuy nhiên thực tiễn cho thấy một số hành vi diễn ra phổ biến và bị nghiêm cấm trong Luật BVMT năm 2020 như thải bụi, tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép...lại chưa được hình sự hóa trong tội gây ô nhiễm môi trường; dấu hiệu định tội và định khung của tội gây ÔNMT vẫn chưa được xác định rõ ràng, cụ thể; mặc dù tội gây ÔNMT đã quy định chủ thể của tội này gồm cá nhân và pháp nhân thương mại, tuy nhiên việc truy cứu TNHS đối với chủ thể là pháp nhân thương mại gặp nhiều khó khăn do cách phân loại tội phạm tại Điều 9 chưa rõ ràng, và vì vậy mức phạt tù có thời hạn đối với tội gây ÔNMT theo hướng ít nghiêm khắc hơn lại là vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu. Mức phạt tù có thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cao nhất là đến 07 năm tù (trước đây là đến 10 năm).

Quá trình đánh giá tội gây ÔNMT còn được thể hiện thông qua việc đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường tại thành phố Hà Nội. Có thể thấy, các vụ án được điều tra, truy tố, xét xử theo một trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; không có vụ việc nào sai về quy trình và được đưa ra xét xử kịp thời, công minh, đúng pháp luật, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người được sống trong môi trường trong lành, đem lại sự bình yên, ổn định tình hình an ninh trật tự, xã hội, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Bên cạnh đó, hầu hết các hành vi xâm phạm tới môi trường là khách thể được PLHS bảo vệ được Tòa án định tội danh và quyết định hình phạt đúng người đúng tội. Một số vụ việc do pháp nhân thực hiện nhưng do chưa được quy định trong PLHS là chủ thể của tội phạm nên đã được Tòa án chuyển cơ quan khác áp dụng chế tài hành chính, dân sự nghiêm khắc như xử phạt hành chính, bồi thường khắc phục sự cố môi trường phần nào trở về nguyên vẹn tình trạng vốn có của nó. Bên cạnh những kết quả đạt được, việc áp dụng các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường tại thành phố Hà Nội cũng bộc lộ một số những hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục, hoàn thiện mà nguyên nhân cơ bản dẫn tới những bất cập, hạn chế này là do quá trình áp dụng tội gây ô nhiễm môi trường của BLHS hiện hành là do phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này ngày một tinh vi hơn, có sự đối phó với các cơ quan chức năng. Mặt khác, những quy định chưa thật sự hợp lý, rõ ràng về điều kiện truy cứu TNHS, chế tài trong BLHS hiện hành cũng như thiếu những văn bản hướng dẫn cụ thể cũng là một trong các nguyên nhân gây ra những bất cập trên. Bên cạnh đó việc xử lý vi phạm pháp luật về môi trường chưa có sự đồng đều, và chưa thực sự nghiêm minh, quan điểm xử lý, chính sách giữa các địa phương, bộ ngành về vấn đề ưu tiên phát triển kinh tế hay ưu tiên bảo vệ môi trường còn chưa thống nhất.

CHƯƠNG 5

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

5.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường

Thứ nhất, Hoàn thiện PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Về chủ trương hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, hoàn thiện PLHS về tội ô nhiễm môi trường nói riêng được thể hiện bằng những Nghị quyết riêng của Đảng. Trong đó phải kể đến Nghị quyết số 48 NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã không chỉ đặt ra những định hướng cơ bản cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam gắn với quá trình thực thi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mà còn có tác dụng nâng cao nhận thức của toàn xã hội về tầm quan trọng và những yêu cầu của việc xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, với trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, hướng tới một Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong định hướng xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm Đảng ta chỉ đạo: *“Hoàn thiện chính sách hình sự, bảo đảm yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa, hạn chế hình phạt tử hình, giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền; cải tạo không giam giữ đối với các loại tội ít nghiêm trọng...”*. Tiếp đến, Nghị quyết số 49 NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải

cách tư pháp đến năm 2020 đã đề ra nhiều chủ trương lớn với một hệ thống các giải pháp đồng bộ vừa có tính đột phá đối với những vấn đề bức xúc, vừa có tính chiến lược lâu dài, tạo cơ sở quan trọng cho công cuộc cải cách tư pháp đi vào chiều sâu. Đặc biệt, Đảng ta đề ra một trong những phương hướng và nhiệm vụ cải cách tư pháp đến năm 2020 là: Hoàn thiện chính sách, PLHS phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN....coi trọng việc hoàn thiện CSHS và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền; cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm...giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế. Quy định TNHS nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết trên là kim chỉ nam cho mọi hoạt động thực thi CSPLHS ở nước ta. Vì vậy, quá trình thực hiện các chính sách về các TPMT nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng cũng phải được đánh giá và thể hiện trên cơ sở những quan điểm, định hướng này.

Thứ hai, Hoàn thiện PLHS về tội ô nhiễm môi trường phù hợp với lợi ích kinh tế

Các TPMT liên quan đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế vì vậy quá trình xây dựng giải pháp phải tiên liệu được tính phù hợp với các điều kiện kinh tế của đời sống xã hội. Chẳng hạn như, khi đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của PLHS về PNTM phạm tội, đặc biệt liên quan đến chế tài áp dụng, phải tính đến sự ảnh hưởng của nó đối với con người trong PNTM đó, phải đảm bảo được tính hài hòa, phù hợp. Mặt khác, các giải pháp cũng phải nhằm thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế

nhưng vẫn đảm bảo các yếu tố BVMT. Bởi vì môi trường và kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ và qua lại lẫn nhau. Môi trường là nguồn lực cho sự phát triển của kinh tế. Khi kinh tế phát triển sẽ đảm bảo các nguồn lực cần thiết để thực hiện BVMT. Chính vì thế, trong giai đoạn phát triển, khai thác và sử dụng môi trường luôn là nhu cầu tất yếu để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, việc khai thác này phải trong một giới hạn cho phép của pháp luật để đảm bảo sự phát triển bền vững và giữ gìn môi trường sống cho con người. Các CSPLHS về các TPMT nhằm đảm bảo cho quá trình khai thác, sử dụng môi trường được duy trì trong giới hạn đó. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, nhiều biện pháp phòng ngừa sẽ ít nhiều tác động đến hoạt động khai thác, sử dụng môi trường hợp pháp, bằng cách gia tăng thêm nhiều thủ tục, nhiều điều kiện về vật chất, nhiều điều kiện về con người... khiến cho hoạt động khai thác, sử dụng môi trường hợp pháp bị cản trở, không đảm bảo được các điều kiện cho phát triển sản xuất, kinh doanh. Chính vì thế, hoàn thiện PLHS về tội ô nhiễm môi trường phải được thực hiện dựa trên sự cân đối của lợi ích phát triển kinh tế và đảm bảo đẩy lùi được hành vi xâm hại tới môi trường.

Thứ ba, Hoàn thiện PLHS về tội ô nhiễm môi trường phù hợp với chính trị, văn hóa xã hội của đất nước

Yếu tố chính trị cũng là một trong những yếu tố quan trọng, cần phải cân nhắc tính phù hợp khi đưa ra giải pháp. Việt Nam là quốc gia có nền chính trị ổn định, vững mạnh, được thể hiện trong những chính sách, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ, yếu tố chính trị cũng chịu sự tác động rất lớn, việc xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật bắt buộc phải xem xét đến yếu tố chính trị. Các giải pháp đưa ra phải hướng đến việc ổn định trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó, khi xây dựng các giải pháp, phải đảm bảo sự phù hợp với các lĩnh vực văn hóa, đạo đức xã hội. Đặc biệt là các giải pháp hoàn thiện CSPLHS đối với hình phạt áp dụng cho

các tội phạm môi trường. Hình phạt là chế tài tác động trực tiếp đến quyền của con người, do đó, cần phải cân nhắc kỹ đến sự phù hợp với văn hóa, đạo đức xã hội. Qua các lần pháp điển hóa của PLHS, qua các văn bản luật hình sự có thể thấy, CSPLHS về TPMT thay đổi phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam qua các thời kỳ. Sự thay đổi này nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, khi những quy định của pháp luật hiện hành không còn phù hợp buộc phải sửa đổi, bổ sung thậm chí là bãi bỏ. Tính phù hợp sẽ quyết định đến nguyên tắc đảm bảo tính khả thi của các giải pháp khi áp dụng vào đời sống thực tiễn và mang lại hiệu quả áp dụng của pháp luật vào điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Thứ tư, Hoàn thiện PLHS về tội ô nhiễm môi trường phù hợp với chuẩn mực quốc tế

Việt Nam đã và đang tích cực tham gia 19 điều ước quốc tế về môi trường, trong đó tập trung triển khai thực hiện hiệu quả điều ước song phương và đa phương. Đó là, thúc đẩy thực hiện hoạt động hợp tác trong khuôn khổ các Bản ghi nhớ đã ký với Lào, Nga, Ba Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Hà Lan, Italia, Hàn Quốc, Cu Ba, Pháp; xem xét, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền việc ký kết các Bản ghi nhớ cấp Bộ về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu với các đối tác quốc tế tiềm năng. Đa phương, phát huy và thúc đẩy hợp tác với các đối tác trọng tâm như: WB, ADB, UNEP, UNDP, ASEAN, GEF, APEC...; các đối tác trong khuôn khổ các Công ước quốc tế đặc biệt Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC); chú trọng quan hệ hợp tác với các đối tác, tổ chức đa phương có lợi cho mục đích bảo vệ chủ quyền biển và hải đảo, các khuôn khổ đa phương về biển và tài nguyên nước (COBSEA, PEMSEA, UNCLOS...). Tiếp tục đề xuất, thực hiện và quản lý các dự án trong các lĩnh vực biến đổi khí hậu, môi trường, biển đảo, tài nguyên nước trong khuôn khổ hợp tác với ADB, UNDP, WB, Quỹ Thích ứng, UNEP, UNIDO. Thúc đẩy việc ký kết tham gia 04 thỏa thuận

quốc tế bao gồm: Quỹ Thông tin đa dạng sinh học toàn cầu (GBIF); Hiệp hội Khí hậu và Không khí sạch (CCAC); Diễn đàn Khoa học- Chính sách liên chính phủ về đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái (IPBES); Đối tác Không khí sạch Châu Á-Thái Bình Dương (APCAP). Tham gia các hội nghị quốc tế lớn: Hội nghị các bên của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP) Hội nghị các bên tham gia Công ước đa dạng sinh học (COP); các cuộc họp Các quan chức cấp cao (SOM) và các cuộc họp nhóm công tác trong khuôn khổ ASEAN; các Hội nghị cấp cao của ủy hội sông Mê Kông quốc tế, CLV, CLMV...

Bộ Tài nguyên và Môi trường tích cực triển khai thực hiện hiệu quả công tác BVMT, như: chủ động thu hút các nguồn lực đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực quản lý nhà nước của ngành ở các cấp trung ương và địa phương; trao đổi kinh nghiệm cũng như học hỏi, vận động tài trợ để triển khai các nhiệm vụ BVMT, nhất là nội dung hợp tác quốc tế đã đi vào chiều sâu, như đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm hóa chất tồn lưu, bảo tồn đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu,... Tham gia tổ chức các sự kiện lớn về bảo vệ môi trường hằng năm, như: Giờ trái đất, Ngày trái đất (22/4), Ngày môi trường thế giới (5/6), Ngày quốc tế đa dạng sinh học (22/5), Chiến dịch làm cho sạch thế giới hơn,...

Trong giai đoạn hiện nay, đứng trước các hành vi xâm phạm môi trường ngày càng gia tăng, không những làm giảm năng lực phát triển kinh tế đất nước mà còn ảnh hưởng môi trường sống của con người, hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia và luật pháp quốc tế quy định về biện pháp xử lý ngày càng mạnh tay và chặt chẽ hơn, đặc biệt chú trọng hơn về biện pháp xử lý hình sự.

Để đảm bảo được sự tương thích trong quy định của PLHS quốc gia và quốc tế, đòi hỏi phải rà soát lại tất cả các quy định trong BLHS cũng như các văn bản hướng dẫn liên quan đến xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm môi trường, trên cơ sở đó, đối chiếu với các quy định, yêu cầu trong các Hiệp

định, hiệp ước mà Việt Nam đã ký kết, hoặc đàm phán để ký kết. Chúng ta có thể tham khảo, học hỏi kinh nghiệm của các nước về chính sách pháp luật đối với tội phạm môi trường – các quốc gia đã đi trước chúng ta rất nhiều trong công tác xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về môi trường, đặc biệt là pháp luật về xử lý hình sự đối với các hành vi xâm phạm môi trường. Việc tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để học hỏi, vận dụng cho phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam nhằm đảm bảo sự kế thừa kinh nghiệm xây dựng pháp luật của quốc tế đồng thời đảm bảo pháp luật Việt Nam bắt kịp với xu thế chung của pháp luật quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

5.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường

Việc BVMT không chỉ bảo vệ cho chúng ta hôm nay mà còn bảo vệ cuộc sống cho thế hệ mai sau. Nếu chúng ta thờ ơ với những tiêu cực đang tồn tại trong môi trường hiện nay thì thế hệ sau phải gánh chịu hậu quả nghiêm trọng. Sự vô ý thức của con người hiện nay có thể đe dọa đến đời sống tương lai. Vậy nên, việc đưa ra giải pháp để hoàn thiện các quy định về tội gây ô nhiễm môi trường là việc cấp thiết, cụ thể:

Thứ nhất, hoàn thiện hành vi khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường

Hiện nay, những hành vi gây ô nhiễm môi trường đã và đang xảy ra phổ biến và gây ra hậu quả ngày càng nghiêm trọng gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống sinh hoạt cũng như sức khỏe của chúng ta nhưng trong pháp luật hình sự chưa có quy định về hành vi gây ô nhiễm môi trường về về độ rung, tiếng ồn, mùi. Mà những hành vi gây ô nhiễm môi trường đó chỉ dừng lại ở việc bị xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể: Theo quy định tại Điều 4 Nghị định 155/2016/NĐ-CP thì:

Hình thức xử phạt chính: Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính là Cảnh cáo; Phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

Ngoài các hình thức xử phạt chính thì cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

“i) Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung, phát sáng, phát nhiệt, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; buộc lập, thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường; buộc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định;”

Thực tế hiện nay cho thấy ngày càng xảy ra nhiều hành vi vi phạm pháp luật về môi trường về tiếng ồn, độ rung và mùi. Do đó cần bổ sung thêm quy định về trách nhiệm hình sự đối với những hành vi vi phạm về tiếng ồn, độ rung và mùi theo hướng:

“Điều 235: Tội gây ô nhiễm môi trường

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Đối với hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn trên 100 dBA.

b) Đối với hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn trên 70 dBA và dưới 100 dBA nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một

trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đối với hành vi vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Đối với hành vi vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường từ 11 lần đến dưới 20 lần.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;

d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.”

Về vấn đề gây ô nhiễm môi trường không khí thì theo quy định thì hành vi xả thải phải đạt một tải lượng nhất định ra không khí thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mà quy định này gây khó ở việc xác định tải lượng này với môi trường không khí là không hề dễ dàng. Theo đó cần thiết phải có văn bản hướng dẫn thi hành về việc xác định tải lượng đối với hành vi thải vào không khí những chất gây ô nhiễm môi trường. Trên thực tế việc xác định tải lượng về hàm lượng các chất thải vào không khí là rất khó.

Thứ hai, về dấu hiệu định tội danh và định khung của tội gây ô nhiễm môi trường

Cần có văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Bộ luật Hình sự quy định về các tội phạm về môi trường, trong đó có các tội phạm liên quan đến gây ô nhiễm môi trường. Cần có văn bản quy phạm pháp luật nhằm hướng dẫn chi tiết và cụ thể về cách hiểu và áp dụng như thế nào đối với 3 mức độ đó là: “*gây hậu quả nghiêm trọng*”, “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” và “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*”.

“*Nghiêm trọng*” nghĩa là ở trong tình trạng xấu trầm trọng, có nguy cơ dẫn đến những hậu quả hết sức tai hại. Như vậy có thể suy ra:

- Gây hậu quả nghiêm trọng nghĩa là hành vi đó gây bất lợi, làm biến đổi các thành phần môi trường theo chiều hướng xấu và để lại hậu quả lớn cho xã hội.

- Gây hậu quả rất nghiêm trọng nghĩa là hành vi đó gây bất lợi, làm biến đổi các thành phần môi trường; để lại hậu quả rất lớn và có mức độ nguy hại cao hơn cho xã hội so với những hành vi gây hậu quả nghiêm trọng.

- Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nghĩa là hành vi đó gây bất lợi, làm biến đổi các thành phần môi trường; để lại hậu quả đặc biệt lớn cho xã

hội và có mức độ nguy hại vượt trội hơn cho xã hội so với những hành vi gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể nào đối với việc áp dụng pháp luật hình sự trong các vụ án cụ thể. Việc không có hướng dẫn cụ thể dẫn tới hậu quả bỏ lọt tội phạm và làm cho việc công tác phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm về môi trường nói riêng chưa được xử lý nghiêm minh và triệt để.

Thứ ba, về chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường – pháp nhân thương mại phạm tội

Theo như phân tích ở mục 4.2.2, tác giả cho rằng cần sửa đổi quy định tại Điều 9 BLHS về phân loại tội phạm, theo đó quy định theo hướng:

“Điều 9: BLHS về phân loại tội phạm

1. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật này, tội phạm mà cá nhân thực hiện được phân thành 04 loại sau đây:

a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

b) Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;

c) Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;

d) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do

Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

2. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật này, tội phạm mà pháp nhân thực hiện được phân thành 03 loại sau đây:

a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền;

b) Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;”

Bên cạnh đó, cần mở rộng khái niệm PNTM phạm tội, không chỉ giới hạn các điều kiện là pháp nhân như quy định của BLDS và Luật doanh nghiệp, pháp nhân thương mại cần được hiểu là: “*những tổ chức được thành lập hợp pháp và hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận*”. Có thể xây dựng thuật ngữ mới như không chỉ dùng thuật ngữ “*pháp nhân thương mại*” mà sử dụng thuật ngữ “*pháp nhân và các tổ chức hoạt động vì mục đích thương mại*” để bao hàm được cả các pháp nhân thương mại hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các tổ chức hoạt động theo Luật hợp tác xã, các hộ gia đình sản xuất và tổ chức không có tư cách pháp nhân khác (doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH một thành viên) và cũng không loại trừ pháp nhân công. Vì đây cũng là một trong nhóm các tổ chức có khả năng vi phạm PLHS trong lĩnh vực môi trường lớn nhưng chưa bị xử lý.

Bên cạnh đó, tác giả mạnh dạn đề xuất pháp nhân công cũng phải chịu TNHS đối với việc thực hiện TPMT. Trong thời gian qua, nhiều hành vi vi

phạm pháp luật về môi trường xảy ra do cơ quan nhà nước thực hiện đã khẳng định điều này. Ví dụ vụ việc Bán đảo Sơn Trà với hành vi của UBND thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt 18 dự án giao đất, cho thuê đất mà không làm đúng trình tự, thủ tục, khiến toàn bộ diện tích rừng nguyên sinh bị phá hủy làm khu nghỉ dưỡng. Các cơ quan chuyên môn giúp việc, tư vấn cho UBND thành phố cũng sai phạm trong phân khu chức năng; giao đất không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền. Vụ việc này cho thấy, chính các cơ quan nhà nước lại là pháp nhân có cơ sở, điều kiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường lớn nhất. Bởi nắm quyền lực nhà nước trong tay, việc lợi dụng, lạm dụng quyền lực đó để cho phép hành vi xâm hại môi trường một cách công khai là điều rất dễ dàng.

Thứ tư, về hình phạt tiền

Các TPMT nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng có những đặc thù nhất định, đặc biệt trong đa số các trường hợp người phạm tội vì vụ lợi, vì lợi ích kinh tế mà thực hiện tội phạm. Vì vậy tác giả cho rằng cần phát huy tối đa tác dụng của hình phạt tiền. Đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng do tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhà làm luật không nên qui định phạt tù bên cạnh phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ mà chỉ nên qui định các hình phạt nhẹ hơn phạt tù ở dạng chế tài lựa chọn để tạo điều kiện cho Tòa án quyết định hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính ở chế tài trong CTTTP cơ bản của tất cả các TPMT. Mặt khác, để thể hiện sự phù hợp với tình hình kinh tế xã hội hiện nay cũng như đảm bảo sự thống nhất với quy định trong xử phạt vi phạm hành chính cần quy định tăng mức phạt tiền đối với một số tội đang có chiều hướng ngày càng tăng, phức tạp như tội gây ô nhiễm môi trường; tội hủy hoại rừng;... Để nâng cao hiệu quả của phạt tiền, BLHS hiện hành nên bổ sung điều luật qui định riêng về trường hợp nếu người phạm tội cố tình không chấp hành phạt tiền thì họ sẽ bị buộc phải chấp hành hình

phạt tù. Để tăng cường tính khả thi của phạt tiền, một số nước trên thế giới như Bỉ, Singapore, Cộng hoà Liên bang Nga, Hunggari... qui định biện pháp qui đổi từ phạt tiền sang phạt tù trong trường hợp người phạm tội cố tình lẩn tránh việc thi hành hình phạt tiền.

5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường

Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật nhằm tác động vào và điều chỉnh các quan hệ xã hội. Sự tác động đó chỉ thực sự có hiệu quả cao khi tất cả các nguyên tắc, quy định của pháp luật được thực hiện một cách đầy đủ và chính xác. Tuy nhiên, nếu nhà nước chỉ trông chờ vào ý thức chủ quan của chủ thể pháp luật thì sẽ có rất nhiều quy phạm pháp luật không được thực hiện. Nguyên nhân có thể là do các chủ thể không muốn thực hiện hoặc không đủ khả năng thực hiện nếu thiếu sự tham gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đặc biệt, khi các hành vi vi phạm pháp luật trong đó có các tội phạm gây ô nhiễm môi trường xảy ra, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, của các nhóm xã hội và của công dân, đòi hỏi có các chế tài, biện pháp xử lý thích đáng từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy việc áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân tổ chức cụ thể.

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về tội gây ô nhiễm môi trường, cần tập trung vào các giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội gây ô nhiễm môi trường

Hoạt động bảo vệ môi trường và đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường là hoạt động đặc thù của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cùng với đó là hoạt động của đội ngũ chuyên viên, cán bộ của các cơ quan đó. Để hoạt động đó có hiệu quả thì đội ngũ cán bộ phải trang bị cho mình một nền tảng tri thức vững chắc và toàn diện. Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường ở Việt Nam hiện nay, trước tiên cần tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, cụ thể như sau:

Đối với Cơ quan điều tra

Phòng, chống tội phạm về môi trường là lĩnh vực nghiệp vụ mới của lực lượng Công an nhân dân. Chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thường khó phát hiện, thu thập, bảo quản. Hành vi xâm hại đến môi trường lại diễn ra trong một thời gian dài, đến khi bị phát hiện thì nó đã gây ra hậu quả lớn và trên diện rộng cho xã hội. Vì vậy, để đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm về môi trường cần phải nâng cao năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ điều tra. Trước hết mỗi cán bộ điều tra phải tuân thủ pháp luật và nắm vững quy định của Bộ Công an về nhiệm vụ công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng cảnh sát môi trường. Trong đó, cần nắm vững đối tượng điều tra nghiên cứu, đấu tranh, phòng ngừa đặc biệt là các vi phạm pháp luật về môi trường trong sản xuất, kinh doanh, xuất, nhập khẩu, thăm dò khai thác tài nguyên, môi trường sinh thái, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dân cư... Bên cạnh đó, cán bộ điều tra phải thực hiện nhiệm vụ với tinh thần tích cực, khẩn trương, kiên quyết và thận trọng trong công tác điều tra các tội phạm về môi trường.

Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường các cấp. Làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo huấn luyện, phân công bố trí cán bộ Cảnh sát môi trường. Đồng thời phối hợp với lực lượng Cảnh sát các nước có kinh nghiệm để tổ chức phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường.

Trong hoạt động thực tế, để phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về môi trường thì cần phải trang bị những trang thiết bị cần thiết và hiện đại nhất cho lực lượng Cảnh sát nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Đó là các thiết bị đo kiểm; thu, bảo quản và vận chuyển mẫu; phân tích môi trường về đất, nước, khí, chất rắn, phóng xạ... Việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật này phải đảm bảo yêu cầu về kiểm định, đo lường chất lượng của Nhà nước và theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an. Khi thực hiện việc kiểm tra các cá nhân, tổ chức cần nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật cũng như quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Không được chống đối, cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra của lực lượng cảnh sát nhân dân đối với cơ sở cũng như địa điểm hoạt động của mình.

Tăng cường năng lực tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, nhất là ở cấp cơ sở để bảo đảm thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật và Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Có cơ chế và quy định trách nhiệm phối hợp, phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường giữa các ngành, các cấp với lực lượng Công an nhân dân.

Cần tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học, các chuyên đề về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; đồng thời tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường cho đội ngũ cán bộ điều tra. Xây dựng hệ thống tài liệu tham khảo phục vụ công tác điều tra. Thường xuyên mở những lớp tập huấn, hội nghị chuyên đề, tổng kết, rút kinh nghiệm về việc Cơ quan điều tra áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về môi trường trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Đối với Viện kiểm sát nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố. Nhằm nâng cao chất lượng công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về môi trường, Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần thực hiện tốt vai trò của mình trong việc thực hành quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, góp phần đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân không chỉ nhằm mục tiêu trừng trị trừng trị và giáo dục người phạm tội mà còn răn đe, phòng ngừa chung đối với những người có nguy cơ thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, cũng như làm cho những người đã phạm tội này không còn điều kiện dễ dàng tiếp tục thực hiện tội phạm.

Đối với Tòa án nhân dân

Tòa án nhân dân có vị trí trung tâm và hoạt động xét xử là trọng tâm trong các hoạt động cải cách tư pháp, nhiệm vụ chủ yếu của Tòa án là phải nâng cao chất lượng xét xử, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, việc áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án về tội phạm về môi trường là một vấn đề quan trọng. Từ việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật sẽ phát huy tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa người phạm tội. Thông qua tổng kết thực tiễn xét xử từ đó chỉ ra nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này để kiến nghị các cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp khắc phục những thiếu sót trong công tác xây dựng và áp dụng pháp luật.

Bên cạnh đó, cần khẩn trương thành lập Tòa môi trường với tư cách là Tòa chuyên trách thuộc hệ thống Tòa án nhân dân để chuyên xét xử các tội phạm về môi trường.

Thứ hai, Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục ý thức pháp luật về tội gây ô nhiễm môi trường

Để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm về môi trường thì công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục ý thức pháp luật về tội phạm môi

trường có vai trò vô cùng quan trọng. Hiện nay, chúng ta đã có Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật ở từng địa phương và cơ sở. Việc phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật bảo vệ môi trường và phòng chống các tội phạm về môi trường nói riêng đã thu được kết quả nhất định. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn nặng về tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Nội dung tuyên truyền, phổ biến chưa thật sát với nhu cầu, điều kiện của đối tượng cần được tuyên truyền, phổ biến nhất là những người dân sống ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Chúng ta đang thiếu một hệ thống dịch vụ pháp lý đủ mạnh để giúp người dân, doanh nghiệp nắm vững pháp luật, xử sự theo pháp luật trong hoạt động nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác thông tin pháp luật chưa kịp thời, thống nhất. Do đó, cần phải:

Một là: Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phạm môi trường. Trong đó, cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Xác định được rõ vị trí, trách nhiệm của các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước và các đoàn thể trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Đưa ra mục tiêu, định hướng nội dung và xác định đối tượng cần giáo dục pháp luật về tội phạm môi trường trong từng thời kỳ cho phù hợp;
- Kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường theo các định hướng đã xác định.

Hai là: Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, trang bị những tri thức cần thiết về môi trường, sinh thái cho quần chúng nhân dân, cho các doanh nghiệp qua các phương tiện truyền thông đại chúng như sách báo, phát thanh, truyền hình, qua các buổi tập huấn... Qua đó có thể nêu những điển hình tốt về bảo vệ môi trường, đồng thời cũng thường xuyên thông báo về sự trù

phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với những người có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Giáo dục đạo đức môi trường là một giải pháp văn hóa quan trọng nhằm tạo ra “cái tốt”, “cái thiện” trong cách ứng xử của con người với thế giới tự nhiên. Một trong những biện pháp giáo dục đạo đức môi trường nhanh và hiệu quả và dễ đi vào lòng người, đó là: sử dụng các hình thức văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt là các hình thức hoạt động đa dạng của văn hóa quần chúng, du lịch. Thông qua các hoạt động này, người dân sẽ quan tâm đến việc giữ gìn, tôn tạo những danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn, khu dự trữ sinh quyển của quốc gia...

Việc khai thác, sử dụng các yếu tố của tâm lý xã hội như dư luận xã hội, thói quen, phong tục tập quán để điều chỉnh hành vi của con người trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Để tạo ra những dư luận tích cực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì trước hết phải cung cấp cho người dân những thông tin cập nhật về môi trường, về tác hại của những hoạt động phá hoại môi trường đến sức khỏe và sự sống của con người, đến sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Sự lên án của dư luận xã hội, trong nhiều trường hợp lại có tác dụng mạnh mẽ hơn cả những nguyên tắc đạo đức, những quy định hay những điều luật đã ban hành. Vì vậy, tạo dư luận xã hội tích cực đối với hoạt động bảo vệ môi trường là một biện pháp cần thiết và rất có hiệu quả để nâng cao ý thức của người dân trong việc tham gia bảo vệ môi trường. Đặc biệt là những hương ước, luật tục tồn tại từ rất lâu đều là những văn bản quy phạm mang tính xã hội quy định cách ứng xử không chỉ trong quan hệ con người với con người mà cả trong quan hệ giữa con người với tự nhiên, dựa trên cơ sở thỏa thuận của cộng đồng và luôn được điều chỉnh bởi dư luận xã hội. Những hương ước, luật tục mang đậm bản sắc dân tộc đều thể hiện những nét độc đáo riêng, nhưng quy tụ lại đều hướng tới mục đích là sống hài hòa với thế giới tự nhiên. Có nhiều thói quen, phong tục, tập quán đến nay vẫn còn giá trị đối với việc bảo vệ môi trường.

Ba là: Xây dựng và củng cố đội ngũ báo cáo tuyên truyền viên pháp luật về môi trường có kỹ năng, nghiệp vụ, có kiến thức chuyên môn, đồng thời trang bị đầy đủ các điều kiện vật chất cần thiết để đáp ứng được yêu cầu đặt ra cho các đối tượng được phổ biến, đặc biệt là phổ biến kiến thức về môi trường nói chung và tội phạm về môi trường nói riêng đối với nhóm đối tượng là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm cao, các cơ sở sản xuất trong các làng nghề.

Thứ ba, Tăng cường trang bị cơ sở vật chất, đào tạo chuyên môn, bảo đảm phục vụ tốt cho việc xác minh thiệt hại

Việc xác minh thiệt hại không những được sử dụng làm căn cứ truy cứu TNHS đối với tội phạm gây ô nhiễm môi trường mà còn giúp cho người dân bị ảnh hưởng làm cơ sở để thực hiện quyền yêu cầu bồi thường đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... gây ô nhiễm môi trường. Thực trạng chung của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường hiện nay là hầu hết các trang bị thiết bị kiểm định, đo đạc, phân tích còn thiếu, không đầy đủ và đồng bộ. Những thiết bị đo nhanh tại hiện trường chỉ được cấp phát hạn chế cho một số ít chiến sỹ trong đơn vị, không bảo đảm được sự chủ động cần thiết khi cùng một thời điểm phải tiến hành huy động lực lượng tại nhiều nơi trên địa bàn quản lý. Đa số các phương tiện máy móc hầu như vẫn còn rất sơ sài, khó đáp ứng được yêu cầu phát hiện vi phạm. Trong thời gian gần đây, một số phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường tại một số địa phương mới được trang bị một số loại máy tăng cường như: máy đo đa chỉ tiêu về nước, bụi, khí thải công nghiệp, kim loại nặng, đo độ rung, độ ồn, đo coliform trong nước thải, máy phân tích dầu, đo phóng xạ .v.v... Tuy nhiên, đó chỉ là những giải pháp trang bị mang tính chất tạm thời vì các chất cần kiểm nghiệm, đo đạc rất đa dạng và phức tạp. Mặt khác, việc trang bị này chỉ tập trung ưu tiên cho những địa bàn trọng điểm, những khu công nghiệp lớn, dễ xảy ra ô nhiễm môi trường trên diện rộng mà chưa trang bị đồng bộ, đầy

đủ cho toàn lực lượng trên cả nước. Hơn nữa, trình độ của chiến sĩ vận hành các máy móc, thiết bị chuyên sâu này còn gặp rất nhiều khó khăn. Khâu đào tạo nhân lực trong lĩnh vực này cũng cần nhiều đầu tư để đạt “chuẩn” cán bộ kiểm định (đạt chức danh kiểm định viên) nhằm tránh sai sót trong quá trình thu mẫu, bảo quản mẫu, phân tích và kiểm định mẫu môi trường. Điều đáng nói là muốn đạt chuẩn về cả máy móc và con người đều cần rất nhiều kinh phí đầu tư, tuy nhiên đây lại là vấn đề của không ít địa phương hay của các ngành chuyên trách thực hiện bảo vệ môi trường. Do đó, trong thời gian tới, đề nghị Bộ Công an, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường cũng như các cơ quan hữu quan khác cần tập chung đầu tư, nghiên cứu vấn đề này, đặc biệt là sự giúp đỡ về mặt kỹ thuật từ các tổ chức, chuyên gia nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ...

Thứ tư, Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc phòng chống tội phạm gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam

Vấn đề ngăn chặn những hành vi gây ô nhiễm môi trường nói riêng, bảo vệ môi trường nói chung, từ lâu đã trở thành vấn đề mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự cam kết, phối hợp chặt chẽ trong hành động của tất cả các quốc gia trên thế giới. Quy định về tội phạm gây ô nhiễm môi trường nói riêng cũng như tội phạm về môi trường trong BLHS hiện hành không phải là vấn đề quá mới khi mà một số nước đã có quy định này từ lâu. Tuy nhiên, hiện nay, việc áp dụng trên thực tế quy định này của nước ta chưa thực sự đem lại hiệu quả và đang tỏ ra bất lực đối với tội phạm gây ô nhiễm môi trường như nhiều chuyên gia nhận định. Vì vậy, trong thời gian tới, một trong những giải pháp quan trọng mà nhà làm luật cần tăng cường thúc đẩy là hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống tội phạm gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tập chung vào các nội dung hợp tác cụ thể như:

- Nghiên cứu trao đổi quy định của BLHS về tội gây ô nhiễm môi trường với các chuyên gia pháp luật của những nước cũng có quy định tương

tự trong BLHS của họ hoặc luật chuyên ngành bảo vệ môi trường để tham khảo kinh nghiệm lập pháp cũng như phương thức áp dụng trong thực tiễn theo đặc thù của từng nước. Thông qua đó, chọn lọc, so sánh và đề xuất các phương án lập pháp phù hợp với hệ thống luật pháp hình sự của Việt Nam cũng như đặc điểm của đất nước ta về loại tội phạm này;

- Đề nghị các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực môi trường giúp đỡ, thực hiện các nghiên cứu, khảo sát về tình hình tội phạm gây ô nhiễm môi trường tại các địa phương trên cả nước để tìm hiểu những nguyên nhân chính phát sinh các hành vi gây ô nhiễm môi trường gây nguy hại lớn cho môi trường tại các địa phương này;

- Tham khảo các nước có kinh nghiệm áp dụng hiệu quả việc xác định thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra làm căn cứ truy cứu TNHS và bồi thường thiệt hại đối với loại tội phạm này;

- Phối hợp với các nước có trình độ khoa học công nghệ về môi trường tiên tiến, đề nghị hỗ trợ hoặc lên phương án đề xuất với Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ...nhập khẩu các trang thiết bị, máy móc đo đạc, phân tích ô nhiễm môi trường để trang bị cho các lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường trong toàn quốc;

- Cử các cán bộ, chiến sĩ của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường cũng như của các cơ quan bảo vệ môi trường khác đi học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công tác phát hiện, điều tra các tội phạm về môi trường cũng như làm chủ các trang thiết bị kỹ thuật được đầu tư một cách thành thực, mang lại hiệu quả cao nhất...

5.3. Giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên trong các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, Tăng cường hoạt động giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên

Việc giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên muốn đạt hiệu quả cao cần phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở như Đoàn, Hội sinh

viên của các trường đại học và của địa phương. Tăng cường sự lãnh đạo của Đoàn và Hội sinh viên trong các trường đại học đối với việc giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên cần chú trọng đến việc:

- Xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển theo hướng đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội và phát triển bền vững, từ đó có định hướng phù hợp cho giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên từng trường trong từng giai đoạn, thời kỳ nhất định;

- Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về BVMT và các văn bản về giáo dục BVMT; thực hiện xanh hóa học đường, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giáo dục ý thức BVMT;

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về BVMT cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, đồng thời quan tâm đến công tác thanh niên sinh viên, phát huy vai trò sinh viên trong những chương trình hành động vì môi trường;

- Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về đảm bảo môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, xanh - sạch - đẹp; xử lý kịp thời những vi phạm, biểu hiện trì trệ, thờ ơ, vô trách nhiệm với nhiệm vụ chung đó, tạo môi trường thuận lợi cho việc giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên.

Thứ hai, Đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy cho sinh viên phù hợp với thực tiễn nhằm xây dựng ý thức BVMT cho sinh viên

Nội dung, chương trình, giáo trình là yếu tố cốt lõi, cơ bản của quá trình dạy học, nó tạo nên nội dung cơ bản của hoạt động giảng dạy của giảng viên, tác động đến việc lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng của sinh viên. Khi xây dựng nội dung, chương trình để xây dựng ý thức BVMT thông qua các môn học chính khóa, trước hết cần khắc phục cách làm theo kiểu cắt khúc theo từng bậc học mà phải xây dựng nội dung, chương trình để nâng cao ý thức BVMT một cách tổng thể, nhất quán từng từ bậc mầm non đến bậc đại học; Phải lựa chọn nội dung khoa học cần thiết cho việc hình thành ý thức,

tình cảm, niềm tin, ý chí, thái độ, hành vi và kỹ năng sống cho sinh viên; Những tri thức thiết thực, gần gũi, gắn với đời sống và vận dụng tốt khi các em sinh viên phải đối mặt với các vấn đề môi trường hiện tại.

Đổi mới phương pháp giảng dạy để xây dựng ý thức BVMT cho sinh viên cũng phải tuân theo nguyên tắc cơ bản là đặt sinh viên vào vị trí trung tâm của quá trình dạy học, giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, gợi mở, nêu vấn đề... Việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm xây dựng ý thức BVMT cho sinh viên thông qua các buổi học ngoại khóa kết hợp với các buổi học chính khóa trên lớp, sinh viên được trực tiếp tham gia các hoạt động BVMT từ đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi sinh viên.

Thứ ba, Bồi dưỡng nâng cao năng lực về giáo dục ý thức BVMT cho đội ngũ giảng viên tại các trường đại học; lồng ghép những kiến thức về môi trường trong những bài giảng và những hoạt động thực nghiệm

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đại học trong thời kỳ mới là mục tiêu của cả quá trình từ đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ và không ngừng phát huy năng lực sáng tạo, cống hiến đóng góp của giảng viên. Đây sẽ là yếu tố quan trọng và cũng là nòng cốt của sự nghiệp giáo dục nói chung, giáo dục ý thức BVMT nói riêng nên cần được quan tâm đúng mức. Cùng với việc bồi dưỡng nâng cao năng lực về giáo dục ý thức BVMT cho đội ngũ giảng viên, các trường cần chú trọng lồng ghép kiến thức về môi trường trong những bài giảng và các hoạt động thực nghiệm, cụ thể như: tổ chức các khóa bồi dưỡng, thành lập câu lạc bộ môi trường của sinh viên, đăng bài trên website của đơn vị, các diễn đàn dành cho sinh viên, tổ chức cuộc thi, hoạt động tình nguyện,... Cùng với đó, các trường có thể bổ sung môn học hoặc lồng ghép chuyên đề về môi trường, ý thức BVMT trong các môn học khác. Như vậy, sự tích hợp này sẽ phát triển thêm những nội dung vận dụng thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVMT trong các trường học.

Thứ tư, Tăng cường khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, sáng tạo trong lĩnh vực BVMT, phát huy vai trò xung kích của sinh viên trên mặt trận tuyên truyền BVMT trong cộng đồng

Do tính chất, yêu cầu trong giáo dục, đào tạo sinh viên đại học khác với giáo dục phổ thông nên sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức cơ bản về BVMT mà còn phải chủ động, tích cực với hoạt động sáng tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động lĩnh hội và khám phá tri thức khoa học. Mặc dù việc tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên mới chỉ là bước đầu của hành trình dài trong sự nghiệp nghiên cứu của họ, song đó là hình thức phát huy cao nhất tính tự giác, tinh thần tự học hỏi, tự bồi dưỡng ở sinh viên. Cùng với đó, sinh viên với tinh thần nhiệt huyết của tuổi trẻ, sẵn sàng cống hiến, luôn tiếp bước truyền thống thanh niên Việt Nam “*Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên*”. Là lực lượng xung kích trên nhiều mặt trận, với mặt trận BVMT SV cũng thể hiện được sức trẻ, làm rất tốt vai trò của mình. Tinh thần xung kích, sáng tạo của sinh viên trong hoạt động BVMT thể hiện ở quá trình tham gia các phong trào có ý nghĩa lớn. Khi tham gia các hoạt động này sẽ tác động đến nhận thức về môi trường của chính giới trẻ và các bộ phận xã hội khác, góp phần nâng cao nhận thức, khẳng định tinh thần tiên phong của thanh niên, SV trong công tác vận động, tuyên truyền nhân dân BVMT sống.

Thứ năm, Tăng cường vai trò của pháp luật trong việc nâng cao ý thức BVMT của sinh viên

Thực tế, có không ít người dân Việt Nam nói chung, sinh viên nói riêng vẫn còn giữ thói quen sống và ứng xử theo lệ làng, theo tập tục ở địa phương. Sự hiểu biết pháp luật về BVMT của một bộ phận sinh viên còn hạn chế, thậm chí còn có hành vi coi thường pháp luật, tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT còn diễn ra khá phổ biến ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đại hội VI của Đảng đã nhấn mạnh phải: “*Xây dựng nếp sống và làm theo pháp luật, khôi phục trật tự, kỷ*

ương”. Đại hội VIII nhấn mạnh, cần “*Triển khai mạnh mẽ công tác phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật về BVMT cho toàn dân*”. Đại hội XIII của Đảng xác định rằng, để cho mọi người hiểu rõ môi trường có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước và sự tồn tại của con người, có nhận thức đúng đắn, hành động thân thiện, lịch sự và văn minh với môi trường thì cần “*Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu*”, giúp sinh viên - chủ nhân tương lai của đất nước tuân thủ “*Sống và làm việc theo pháp luật*”, xây dựng nếp sống văn minh, thân thiện với môi trường vì sự phát triển bền vững của đất nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 5

Hoàn thiện tội gây ô nhiễm môi trường là hoạt động tư duy chính trị - pháp lý hình thành trên hai nền tảng cơ bản: (1) nền tảng cơ sở lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường; và (2) nền tảng cơ sở thực tiễn về thực trạng thực hiện tội gây ô nhiễm môi trường. Để xây dựng các giải pháp hoàn thiện về tội gây ô nhiễm môi trường, phải thực hiện một cách khoa học, đồng bộ và phù hợp trên cơ sở nắm bắt được các yêu cầu và định hướng hoàn thiện đối với loại tội phạm này.

Việc nắm bắt các yêu cầu để đưa ra các giải pháp hoàn thiện tội gây ô nhiễm môi trường rất quan trọng, giúp tác giả xác định đúng đắn đòi hỏi từ đời sống xã hội đối với việc hoàn thiện, xác định được những vấn đề cần phải hoàn thiện là gì, trên cơ sở đó xác định đúng đắn các giải pháp cụ thể. Trên cơ sở đó, tác giả xác định việc hoàn thiện PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường phải phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; với lợi ích kinh tế; với chính trị, văn hóa xã hội của đất nước và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Với định hướng hoàn thiện đã xác định, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường như hình sự hóa các hành vi tiếng ồn, khói bụi...vào quy định tại Điều 235 BLHS năm 2015; hướng dẫn chi tiết áp dụng các mức độ gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với tội gây ô nhiễm môi trường; chỉnh sửa lại Điều 9 BLHS năm 2015 về cách phân loại tội phạm để đảm bảo áp dụng việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội gây ô nhiễm môi trường...Bên cạnh đó, tác giả cũng đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường trong thực tiễn như nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ

biển giáo dục ý thức pháp luật về tội gây ô nhiễm môi trường; tăng cường trang bị cơ sở vật chất, đào tạo chuyên môn, bảo đảm phục vụ tốt cho việc xác minh thiệt hại; nâng cao hiệu quả sự trong việc phòng chống tội phạm gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam...

Ngoài ra, để nâng cao ý thức BVMT cho các bạn trẻ, đặc biệt là sinh viên đang theo học tại các trường đại học trên địa bàn TP. Hà Nội, tác giả cũng đề xuất cần tăng cường hơn nữa hoạt động giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên thông qua các hoạt động Đoàn, Hội Sinh viên...tại các trường Đại học; đồng thời, các trường Đại học cũng cần nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy cho SV phù hợp với thực tiễn nhằm xây dựng ý thức BVMT cho sinh viên...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Nghiên cứu các quy định của PLHS Việt Nam về TPMT nói chung và Tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng cho thấy, ở bất cứ giai đoạn nào, các quy định PLHS cũng đều cần được bổ sung, sửa đổi và phát triển theo hướng đầy đủ, chặt chẽ hơn và có sự kế thừa những ưu việt các quy định của những giai đoạn trước. Các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống các TPMT nói chung, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng. Điều này được thể hiện rõ trong các Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam về BVMT. Để cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương BVMT trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, Đảng cũng đã ban hành một hệ thống các Chỉ thị, Nghị quyết đồng bộ, nhất quán tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác BVMT trong toàn đảng và toàn xã hội như: Nghị quyết số 41-NQ/TW; Chỉ thị số 29-CT/TW; Nghị quyết số 24-NQ/TW; ... Qua nghiên cứu lý luận, thực tiễn về tội gây ô nhiễm môi trường cho thấy:

1. Các công trình nghiên cứu khoa học trên thế giới đã đề cập đến các TPMT từ khá sớm, một số lượng lớn các công trình nghiên cứu tổng quát và giải quyết các tình huống thực tiễn cụ thể. Trong đó, có nhiều quan điểm khoa học có giá trị cần được tiếp thu nghiên cứu các vấn đề tương ứng ở Việt Nam, cũng như sử dụng để đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định đối với các TPMT. Ở Việt Nam các TPMT được các nhà khoa học tập trung nghiên cứu từ sau khi BLHS năm 1985 ra đời và đặc biệt được nghiên cứu nhiều nhất từ sau khi BLHS năm 1999 và trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành. Nhiều công trình khoa học nghiên cứu tương đối toàn diện về một số vấn đề liên quan đến TPMT ở các phạm vi khác nhau. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ những vấn đề lý

luận đối với các TPMT. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu khoa học có đề cập đến vấn đề TPMT còn tản mạn, giải quyết ở từng vấn đề nhỏ, nghiên cứu chủ yếu các quy định của PLHS về các TPMT, chỉ có một số ít công trình nghiên cứu dưới góc độ tội danh cụ thể là tội gây ô nhiễm môi trường nhưng nghiên cứu trên địa bàn cụ thể hoặc giới hạn phạm vi nghiên cứu.

2. Dưới các góc độ nghiên cứu lý luận về tội gây ô nhiễm môi trường tác giả đã làm rõ nội hàm khái niệm tội gây ô nhiễm môi trường là một tội phạm, được quy định trong BLHS do người có năng lực TNHS, có lỗi và đạt độ tuổi luật định khi thực hiện hành vi xâm phạm đến các quan hệ xã hội bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm bằng hành vi thải vào môi trường các chất gây ô nhiễm. Các yếu tố cấu thành gồm khách thể của tội gây ô nhiễm môi trường - các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cụ thể là sự trong sạch của không khí, nguồn nước, đất trong môi trường sống của con người và thiên nhiên; mặt khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường trong đó bao gồm các hành vi gây tác động đến môi trường, hậu quả mà hành vi gây ra; mặt chủ quan của tội gây ô nhiễm môi trường và chủ thể của của tội gây ô nhiễm môi trường. Hình phạt áp dụng đối với cá nhân cao nhất là phạt tù đến 07 năm và phạt tiền đến 03 tỷ đồng. Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại chủ yếu là hình phạt tiền. Hình phạt được xem là chế tài có tính răn đe rất cao đối với các chủ thể vi phạm.

3. Qua kết quả nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra rằng hành vi khách quan của tội gây ô nhiễm môi trường được thể hiện ở các dạng hành vi vi phạm liên quan đến việc chôn, lấp, đổ, thải, xả thải, phát tán ra môi trường trái pháp luật các loại chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật...Tuy nhiên thực tiễn cho thấy một số hành vi diễn ra phổ biến và bị nghiêm cấm trong Luật BVMT năm 2020 như thải bụi, tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép...lại chưa được hình sự hóa trong tội gây ô nhiễm môi trường; dấu hiệu định tội và định khung của tội

gây ô nhiễm môi trường vẫn chưa được xác định rõ ràng, cụ thể; mặc dù tội gây ô nhiễm môi trường đã quy định chủ thể của tội này gồm cá nhân và pháp nhân thương mại, tuy nhiên việc truy cứu TNHS đối với chủ thể là pháp nhân thương mại gặp nhiều khó khăn do cách phân loại tội phạm tại Điều 9 chưa rõ ràng, và vì vậy mức phạt tù có thời hạn đối với tội gây ô nhiễm môi trường theo hướng ít nghiêm khắc hơn lại là vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu. Quá trình đánh giá tội gây ô nhiễm môi trường còn được thể hiện thông qua việc đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường tại thành phố Hà Nội. Theo đó, các vụ án được xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật tuy nhiên việc áp dụng các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường tại thành phố Hà Nội cũng bộc lộ một số những hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục, hoàn thiện mà nguyên nhân cơ bản dẫn tới những bất cập, hạn chế này là do quá trình áp dụng tội gây ô nhiễm môi trường của BLHS hiện hành là do phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này ngày một tinh vi hơn, có sự đối phó với các cơ quan chức năng...

4. Tác giả xác định việc hoàn thiện PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường phải phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; với lợi ích kinh tế; với chính trị, văn hóa xã hội của đất nước và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Với định hướng hoàn thiện đã xác định, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định của PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường như hình sự hóa các hành vi tiếng ồn, khói bụi...vào quy định tại Điều 235 BLHS năm 2015; hướng dẫn chi tiết áp dụng các mức độ gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với tội gây ô nhiễm môi trường; chỉnh sửa lại Điều 9 BLHS năm 2015 về cách phân loại tội phạm để đảm bảo áp dụng việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội gây ô nhiễm môi trường...Bên cạnh đó, tác giả cũng đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định

PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường trong thực tiễn như nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục ý thức pháp luật về tội gây ô nhiễm môi trường; tăng cường trang bị cơ sở vật chất, đào tạo chuyên môn, bảo đảm phục vụ tốt cho việc xác minh thiệt hại; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc phòng chống tội phạm gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam...

Kiến nghị

Thông qua việc nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu các quy định PLHS về tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức BVMT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội*”, tác giả có một số kiến nghị như sau:

Một là, Nghiên cứu, bổ sung điều luật quy định khái niệm TPMT từ đó làm cơ sở xác định tội gây ô nhiễm môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tiến hành tố tụng xác định hành vi vi phạm của loại tội và nhóm tội phạm này.

Hai là, Nhanh chóng ban hành các văn bản pháp luật cụ thể, hướng dẫn áp dụng các quy định cả PLHS về TPMT nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng; rà soát và chỉnh sửa các văn bản pháp luật có liên quan tránh sự mâu thuẫn, chông chéo dẫn đến khó triển khai trong quá trình thực hiện hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đối với loại tội phạm này.

Ba là, Việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm xây dựng ý thức BVMT cho sinh viên thông qua các buổi học ngoại khóa kết hợp với các buổi học chính khóa trên lớp, sinh viên được trực tiếp tham gia các hoạt động BVMT từ đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi sinh viên.

Bốn là, Bồi dưỡng nâng cao năng lực về giáo dục ý thức BVMT cho đội ngũ giảng viên tại các trường đại học; lồng ghép những kiến thức về môi

trường trong những bài giảng và những hoạt động thực nghiệm cụ thể như: tổ chức các khóa bồi dưỡng, thành lập câu lạc bộ môi trường của sinh viên, đăng bài trên website của đơn vị, các diễn đàn dành cho sinh viên, tổ chức cuộc thi, hoạt động tình nguyện...

Năm là, Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền như tổ chức các buổi Talkshow chia sẻ về vấn đề BVMT nói chung, tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng; thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục trong việc hình thành nhân cách con người.; tổ chức các phiên tòa giả định để tuyên truyền nội dung của pháp luật hình sự về nhóm tội này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Dương Thanh An (2011), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường*, Luận án Tiến sĩ luật học, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo thi hành Bộ luật Hình sự (2000), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Hình sự năm 1999*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về công tác xét xử các vụ việc vi phạm môi trường từ năm 2019 đến năm 2023.
5. Bộ Chính trị (1998), *Chỉ thị số 36/CT-TW ngày 25 tháng 6 năm 1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2003), *Chỉ thị số 36/CT-TW về tăng cường công tác bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 41/NQ-TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24 tháng 05 năm 2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị (2019), *Kết luận số 56-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*, Hà Nội.

11. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), *Tội phạm môi trường - Kinh nghiệm quốc tế, thực trạng pháp luật và đề xuất hoàn thiện trong Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
12. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), *Tội phạm môi trường trong pháp luật hình sự Việt Nam – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
13. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập (1978), *Tập 1*, NXB. Sự Thật, Hà Nội.
14. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội (tái bản năm 2007).
15. Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy năm 2001;
16. Chính phủ (2013), *Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường*, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI về Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.
21. Ngô Ngọc Diễm (2021), *Các tội phạm về môi trường trong Luật hình sự Việt Nam*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021.
22. Bùi Ngọc Hà, Nguyễn Văn Khoa Điềm (2018), *Những điểm mới về tội phạm môi trường theo Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 01/2018.
23. Đàm Thị Diễm Hạnh (2020), “Một số vấn đề về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường và gợi mở hướng hoàn thiện pháp luật”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát số 3*, năm 2020, Hà Nội.

24. Nguyễn Hữu Hòa (2019), *Các tội phạm về môi trường ở Việt Nam: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2004), *Từ điển pháp luật hình sự*, NXB. Tư pháp, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam Phần chung*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
27. Trần Lê Hồng (2008), “Nhận thức chung đối với tội phạm về môi trường và một số vấn đề liên quan”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 04, Hà Nội.
28. Lê Văn Hợp (2022), “Tội phạm môi trường và các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Luật sư*, tháng 3/2022, Hà Nội.
29. Bùi Đức Hiền (2020), “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác do làm ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay”, *Viện Nhà nước và Pháp luật, Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 02+03*, năm 2020, Hà Nội.
30. Đinh Thế Hưng, Trần Văn Biên (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
31. Lê Trung Kiên (2017), “Thực trạng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường của lực lượng cảnh sát môi trường – Một số kiến nghị, đề xuất góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật”, *Hội thảo quốc tế Việt – Trung về Tư pháp hình sự*, tháng 10 năm 2017, Hà Nội.
32. Phạm Văn Lợi (2003), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường*, Đề tài Khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2003.
33. Phạm Văn Lợi (2004), *Tội phạm về môi trường – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

34. Phạm Văn Lợi (chủ biên) (2018), *Một số vấn đề về tội phạm môi trường*, Nxb. Lao động – Xã hội, Hà Nội.
35. Phạm Văn Lợi (2010), *Một số vấn đề về cơ chế bảo đảm thực thi điều cấm của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*, NXB. Tư pháp, Hà Nội.
36. Phạm Văn Lợi (2018), *Một số vấn đề về tội phạm môi trường*, NXB. Lao động Xã hội, Hà Nội.
37. Nguyễn Đình Luận (2018), “Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về tội phạm môi trường”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 04/2018, Hà Nội.
38. Nguyễn Đình Luận (2021), *Phòng ngừa tình hình tội phạm về môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2021.
39. Phạm Văn Lương (2021), “Giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Công thương*, số 27, tháng 12 năm 2021, Hà Nội.
40. V.I.Lênin (1977), *Tập 33*, Nxb. Tiến Bộ, Hà Nội.
41. Nguyễn Đức Mai (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
42. Hoàng Phê (chủ biên) (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
43. Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thanh Hùng, Bùi Tá Long, Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia TP.HCM, “Kết quả xác định vi phạm, mức độ ảnh hưởng do hành vi gây ô nhiễm của Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, số 7, 2010.
44. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
45. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng Hình sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.

46. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
47. Quốc hội (1993), *Luật Bảo vệ môi trường nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
48. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
49. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.
50. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng Hình sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
51. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
52. Quốc hội (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
53. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
54. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
55. Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
56. Lê Tân Tới, Đỗ Đức Hồng Hà (chủ biên) (2022), *Bình luận các tội phạm trong lĩnh vực môi trường*, Nxb. Lao Động, năm 2022
57. Dương Minh Tiến (2015), *Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, tr.66, Hà Nội.
58. Phùng Trung Thắng (2014), *Tội gây ô nhiễm môi trường trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật – ĐH Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
59. Nguyễn Việt Thanh, Nguyễn Ngọc Cần, Dương Văn Khánh, Trần Minh Sang (2021), “Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các

trường đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, số 02(30), tháng 06 năm 2021, Hà Nội.

60. Trịnh Thị Thủy (2019), *Tội gây ô nhiễm môi trường theo Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật – ĐH Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
61. Đào Trí Úc (2000), *Luật Hình sự Việt Nam (quyển 1) – Những vấn đề chung*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội
62. Trịnh Tiên Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
63. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
64. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
65. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư Pháp (2003), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường*, Đề tài Cấp Bộ, Hà Nội.
66. Viện khoa học pháp lý– Bộ Tư Pháp (2006), *Từ điển luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa – Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
67. Lưu Hải Yến (2017), “Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với nhóm tội phạm về môi trường”, *Tạp chí Luật học*, số 01, Hà Nội.

Tiếng Anh

68. James G. Houston, Phillip B. Bridgmon, William W. Parsons (2008), *Criminal Justice and the Policy Process*, Nxb. University Press of America, Anh, 2008.
69. Joan Petersilia, Jodi Lane (1998), *Criminal Justice Policy*, Nxb. E. Elgar, Anh. 1998
70. Michael J Lynch và Paul B. Stretesky (2001), *Environmental crime and justice*, Nxb. Oxford, 2001.

71. Tim Newburn (1995), *Crime and criminal justice policy*, Nxb. Longman, Anh, 1995.
72. Rob White (2018), *Transnational Environmental Crime*, Nxb. Taylor & Francis, Anh, năm 2018

Website

73. <https://lsvn.vn/toi-gay-o-nhiem-moi-truong1648479891.html#:~:text=Theo%20quy%20%20C4%91%E1%BB%8Bnh%20t%E1%BA%A1i%20%20C4%90i%E1%BB%81u,v%20C3%A0%20c%20C3%A1c%20sinh%20v%E1%BA%ADt%20kh%20C3%A1c>.
74. <https://luatminhkhue.vn/khach-the-cua-toi-pham-la-gi---quy-dinh-ve-khach-the-cua-toi-pham.aspx>
75. https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i#:~:text=V%E1%BB%9Bi%20di%E1%BB%87n%20t%C3%ADch%203.359%2C82,d%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20kh%C3%B4ng%20%20C4%91%E1%BB%93ng%20%20C4%91%E1%BB%81u.
76. <https://www.vietnam.vn/hanoi/gioi-thieu-tong-quan-va-khai-quat-ve-dia-li-thanh-pho-ha-noi/>
77. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/826668/o-nhiem-moi-truong-o-ha-noi--thuc-trang-va-giai-phap.aspx>

PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

Thân gửi các bạn sinh viên!

Hiện tại tôi đang thực hiện nghiên cứu khoa học với đề tài: "*Nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường và giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội*". Để phục vụ cho việc nghiên cứu, tìm hiểu nhận thức của sinh viên về hoạt động bảo vệ môi trường (BVMT) và từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động BVMT của sinh viên, xin các bạn sinh viên vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào ô tương ứng theo phương án mà các bạn lựa chọn trong các câu hỏi dưới đây.

Tôi cam kết chỉ dùng các thông tin mà các bạn sinh viên cung cấp chỉ để sử dụng cho đề tài nghiên cứu khoa học. Thông tin của các bạn sẽ được bảo mật, tôi hoàn toàn không sử dụng cho mục đích khác.

Tác giả của đề tài nghiên cứu xin chân thành cảm ơn!

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên:

Nơi công tác/học tập:

Nghề nghiệp:

PHẦN II. THÔNG TIN KHẢO SÁT

Câu 1: Theo bạn thực trạng môi trường Việt Nam hiện nay như thế nào?

- Tốt
- Bình thường
- Ô nhiễm chưa đến mức báo động
- Ô nhiễm nghiêm trọng, đến mức báo động

Câu 2: Theo bạn, loại ô nhiễm môi trường nào gây tác động mạnh mẽ tới đời sống con người?

- Ô nhiễm đất, nước, không khí
- Ô nhiễm tiếng ồn, tầm nhìn

- Ô nhiễm nhiệt, ánh sáng, nhựa
- Tất cả các đáp án trên

Câu 3: Theo bạn, nguyên nhân nào gây nên ô nhiễm môi trường? (có thể chọn nhiều đáp án)

- Khí thải từ giao thông, hoạt động công nghiệp, nông nghiệp
- Chất thải sinh hoạt
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- Khai thác tài nguyên quá mức
- Ý kiến khác:

Câu 4: Theo bạn, hoạt động bảo vệ môi trường có quan trọng không?

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Bình thường
- Không quan trọng

Câu 5: Theo bạn, hoạt động bảo vệ môi trường là trách nhiệm của ai?

- Mọi người, toàn xã hội
- Cơ quan quản lý môi trường
- Công ty vệ sinh môi trường
- Chính quyền, Ủy ban nhân dân

Câu 6: Theo bạn, nhận thức về hoạt động BVMT sẽ chịu ảnh hưởng như thế nào? (Bạn chọn theo mức độ phía dưới)

	Chính	Phụ
Môi trường bên ngoài		
Giáo dục của nhà trường		
Do thói quen, lối sống cá nhân		

Tác động từ gia đình, bạn bè		
Do sự kiện BVMT Đoàn trường, Hội sinh viên phát động		

Câu 7: Mức độ tham gia hoạt động BVMT của bạn khi đang học tại trường đại học?

- Thường xuyên (3-4 lần/tháng)
- Thi thoảng (1-2 lần/quý)
- Khi có phong trào thì tham gia
- Hầu như không

Câu 8: Theo bạn, mức độ quan tâm của sinh viên đến vấn nạn ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu hiện nay như thế nào?

- Rất quan tâm
- Quan tâm
- Bình thường
- Không quan tâm

Câu 9: Bạn đánh giá thế nào về hoạt động BVMT gần đây trong các trường đại học?

- Rất tốt
- Tốt
- Không tốt
- Ý kiến khác:

Câu 10: Theo bạn, thái độ của sinh viên như thế nào trước sự hủy hoại của môi trường hiện nay?

- Dũng cảm đấu tranh phê phán các hành vi hủy hoại môi trường
- Sợ, e ngại đấu tranh phê phán các hành vi hủy hoại môi trường
- Thờ ơ, lạnh nhạt trước các hành vi hủy hoại môi trường

Bình thường

Câu 11: Theo bạn, hành động nào dưới đây của sinh viên thể hiện ý thức bảo vệ môi trường?

Không vứt rác bừa bãi, không đổ nước thải sinh hoạt ra đường phố, nơi công cộng

Tham gia trồng cây xanh, tự giác chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường

Tuyên truyền vận động mọi người tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường

Tất cả các đáp án trên

Câu 12: Theo bạn, tầm quan trọng của việc tăng cường hoạt động giáo dục ý thức BVMT cho sinh viên các trường đại học hiện nay?

Rất quan trọng

Quan trọng

Bình thường

Không quan trọng

Câu 13: Theo bạn, việc đổi mới các nội dung giảng dạy, chương trình, phương pháp và hình thức giảng dạy lồng ghép với việc xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên hiện nay có cần thiết không?

Rất cần thiết

Cần thiết

Bình thường

Không cần thiết

Câu 14: Theo bạn, cần làm gì để nâng cao ý thức về hoạt động BVMT cho sinh viên các trường đại học? (có thể chọn nhiều đáp án)

Tham gia các buổi tọa đàm, thảo luận về môi trường

Tích cực tham gia hoạt động BVMT

Đọc các sách, báo, tạp chí về chủ đề môi trường

Tự cá nhân rèn luyện thông qua những hành động đơn giản trong đời sống sinh hoạt

Ý kiến khác:

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của quý anh/chị và các bạn!

Links khảo sát:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSesGrzy5a9JrfPCz90dAtWxuLG11EL6TdpY-Sjn2_LSKQmEaw/closedform